

**GIÁM MỤC RÔMA,
*QUYỀN TỐI THƯỢNG VÀ TÍNH
ĐỒNG NGHỊ, TRONG CÁC CUỘC ĐỐI
THOẠI ĐẠI KẾT, VÀ ĐÁP ỨNG
THÔNGIỆP UT UNUM SINT***



VĂN KIẾN CỦA BỘ CỔ VŨ HIỆP NHẤT KITÔ GIÁO

*Vũ Văn An
Chuyển sang tiếng Việt*

VĂN KIẾN CỦA BỘ CỔ VŨ HIỆP NHẤT KITÔ GIÁO: GIÁM MỤC RÔMA, QUYỀN TỐI THƯỢNG VÀ TÍNH ĐỒNG NGHỊ, TRONG CÁC CUỘC ĐỐI THOẠI ĐẠI KẾT, VÀ ĐÁP ỨNG THÔNGIỆP UT UNUM SINT

TÀI LIỆU ĐỂ NGHIÊN CỨU

LỜI NÓI ĐẦU

Nguồn gốc của tài liệu này có thể bắt nguồn từ lời mời của Thánh Gioan Phaolô II gửi đến những Kitô hữu khác để, “tất nhiên là cùng nhau”, tìm ra những hình thức mà thừa tác vụ của Giám mục Rôma “có thể thực hiện một dịch vụ yêu thương được tất cả những người liên quan công nhận” (*Ut unum sint* 95). Nhiều phản hồi cho lời mời này đã được đưa ra, cũng như những suy tư và đề xuất từ nhiều cuộc đối thoại thần học đại kết.

Một số phản hồi đã được tóm tắt vào năm 2001 bởi Hội đồng Giáo hoàng lúc bấy giờ về Thúc đẩy Sự hiệp nhất Kitô giáo trong một tài liệu làm việc ban đầu có tựa đề *Thừa tác vụ Phêrô*. Vào năm 2020, Bộ này đã nhìn thấy, trong lễ kỷ niệm 25 năm ban hành thông điệp *Ut unum sint*, một cơ hội để tiếp tục và đào sâu cuộc thảo luận, có tính đến các tài liệu và tuyên bố đối thoại thần học mới của các Giáo hoàng kế tiếp. Thật vậy, Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI đã nhắc lại lời mời của Đức Gioan Phaolô II trong nhiều bối cảnh khác nhau, bày tỏ nhu cầu đào sâu “sự khác biệt giữa bản chất và hình thức thực hiện quyền tối thượng”. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhấn mạnh tính cấp thiết của việc đáp lại lời mời của *Ut unum sint*, nhận xét rằng: “Chúng ta đã đạt được ít tiến triển trong vấn đề này” (xem tại đây §§ 4-5). Việc triệu tập một Thượng hội đồng về tính đồng nghị từ năm 2021-2024 đã khẳng định tính liên quan của dự án của Thánh bộ, như một đóng góp cho chiều kích đại kết của tiến trình công đồng.

Tình trạng của văn bản có tựa đề *Giám mục Rôma. Quyền tối thượng và Tính đồng nghị trong các cuộc Đối thoại đại kết và trong các Phản hồi đối với Thông điệp Ut unum sint*, là một "văn kiện nghiên cứu" không chủ trương làm cạn kiệt chủ đề cũng như không tóm tắt giáo huấn Công Giáo về chủ đề đó. Mục đích của nó là đưa ra một bản tổng hợp khách quan về những diễn biến đại kết gần đây về chủ đề này, do đó phản ánh những hiểu biết sâu sắc nhưng cũng phản

ảnh hưởng hạn chế của chính các tài liệu đối thoại. Ngoài ra, cuộc nghiên cứu kết thúc bằng một đề xuất ngắn gọn của Đại hội toàn thể năm 2021 của Thánh bộ, có tựa đề "Hướng tới việc thực hiện quyền tối thượng trong thế kỷ 21", trong đó xác định những đề xuất quan trọng nhất được đưa ra bởi nhiều phản hồi và đối thoại khác nhau để thực hiện lại thừa tác vụ hiệp nhất của Giám mục Rôma.

Tài liệu này là kết quả của công trình thực sự đại kết và cộng đồng. Tài liệu tóm tắt khoảng ba mươi phản hồi cho *Ut unum sint* và năm mươi tài liệu đối thoại đại kết về chủ đề này. Không chỉ có sự tham gia của nhân viên, mà còn có sự tham gia của các Thành viên và Cố vấn của Thánh bộ, những người đã thảo luận về vấn đề này tại hai Đại hội toàn thể. Nhiều chuyên gia Công Giáo đã được tham vấn, cũng như nhiều học giả từ nhiều truyền thống Kitô giáo khác nhau. Cuối cùng, văn bản đã được gửi đến nhiều Bộ của Giáo triều Rôma và Văn phòng Tổng thư ký của Thượng hội đồng.

Tổng cộng, hơn năm mươi đóng góp đã được xem xét. Tất cả, trong khi đề xuất cải tiến, đều tích cực về sáng kiến, phương pháp, cấu trúc và ý tưởng chính của tài liệu nghiên cứu. Tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến tất cả những người đã đóng góp giá trị của họ cho sự suy tư này, và đặc biệt là các viên chức của Bộ đã thúc đẩy và điều phối dự án với sự hợp tác của Viện Nghiên cứu Đại kết của Angelicum.

Chúng tôi hiện rất vui mừng được công bố tài liệu nghiên cứu này với sự đồng ý của Đức Thánh Cha Phanxicô. Chúng tôi hy vọng rằng nó sẽ thúc đẩy không chỉ việc tiếp nhận các cuộc đối thoại về chủ đề quan trọng này, mà còn thúc đẩy thêm các cuộc điều tra thần học và các đề xuất thực tế, "tất nhiên là cùng nhau", để thực hiện thừa tác vụ hiệp nhất của Giám mục Rôma "được tất cả người liên quan công nhận" (UUS 95).

Hồng Y Kurt Koch
Bộ trưởng

DẪN NHẬP

“ĐỀ TÌM CÁCH THỰC HIỆN QUYỀN TỐI THƯỢNG”: CÁC CAN THIỆP GIÁO HOÀNG

1. Việc hiểu và thực hiện thừa tác vụ của Giám mục Roma đã bước vào một giai đoạn mới với Công đồng Vatican II.

Chính hành động triệu tập một Công đồng với sự hiệp nhất Kitô giáo là một trong những mục tiêu chính và với sự tham gia của những người Kitô hữu khác đã cho thấy cách tiếp cận của Thánh Gioan XXIII đối với vai trò của Giám mục Roma trong Giáo hội. Bổ sung cho các định nghĩa của Công đồng Vatican I về quyền tối thượng của giáo hoàng, Hiến chế *Lumen gentium* đã củng cố chức vụ của các giám mục cai quản các giáo hội đặc thù của họ với tư cách là “đại diện và đại sứ của Chúa Kitô [...] chứ không phải là đại diện của các Giám mục Rôma” (LG 27) và nhấn mạnh tầm quan trọng của tính hợp đoàn giám mục (LG 23). Sắc lệnh *Unitatis redintegratio* đánh dấu sự gia nhập chính thức của Giáo Hội Công Giáo vào phong trào đại kết và mở đường cho việc thiết lập các cuộc đối thoại thần học, nhiều cuộc trong số đó sẽ giải quyết vấn đề về quyền tối thượng.

2. Trong và sau Công đồng, các Giáo hoàng kế tiếp đã có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển này. Tin rằng “Giáo hoàng [...] chắc chắn là trở ngại lớn nhất trên con đường đại kết”, (1) Thánh Phaolô VI, bằng những cử chỉ và tuyên bố của mình, đã đóng góp theo nhiều cách để hiểu một cách mới mẻ về thừa tác vụ của giáo hoàng.

Ngay trong Thông điệp *Ecclesiam suam*, ngài đã bày tỏ niềm tin chắc rằng chức vụ mục vụ hiệp nhất của ngài “không phải là quyền tối thượng của lòng kiêu hãnh thiêng liêng và mong muốn thống trị nhân loại, mà là quyền tối thượng phục vụ, thừa tác và yêu thương” (ES 114). Qua một số cuộc họp, ngài đã phát triển mối quan hệ huynh đệ với các nhà lãnh đạo Kitô giáo khác, điều này giúp thiết lập Giáo Hội Công Giáo trong sự hiệp thông của các hiệp thông Kitô giáo. Nhận thức rằng uy tín đại kết của Giáo Hội Công Giáo phụ thuộc vào năng lực đổi mới nội tại của Giáo hội, Đức Phaolô VI, thực hiện một đề xuất do các giám mục đưa ra tại Công đồng Vatican II, đã thành lập Thượng hội đồng giám mục vào năm 1965 để cung cấp một cách thức tập thể hơn để thực hiện quyền tối

thượng vì lợi ích của toàn thể Giáo hội (xem Tựa Sắc *Apostolica sollicitudo*, 1965) và bắt buộc phải có các hội đồng giám mục (tựa Sắc *Ecclesiae sanctae*, 1966, 41).

3. Thánh Gioan Phaolô II không chỉ tái khẳng định con đường đại kết này mà còn chính thức mời gọi những Kitô hữu khác suy gẫm về việc thực thi thừa tác vụ của Giám mục Rôma. Trong thông điệp quan trọng của mình *Ut unum sint* (1995), ngài đã sử dụng khái niệm Kinh thánh về ‘*episkopein*’ (“canh chừng”) để mô tả thừa tác vụ này (UUS 94), mà quyền tối thượng được định nghĩa như một thừa tác vụ hiệp nhất (UUS 89) và phục vụ tình yêu (UUS 95).

Đảm nhận trách nhiệm đại kết đặc thù của mình và “lưu ý đến lời yêu cầu được đưa ra cho [ngài]”, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã nhận ra nhu cầu “phải tìm cách thực thi tính tối thượng, mặc dù không từ bỏ những gì thiết yếu đối với sứ mệnh, nhưng vẫn mở ra một tình huống mới” (UUS 95). Tin rằng một thừa tác vụ hiệp nhất có thể chấp nhận lẫn nhau không thể được định nghĩa một cách đơn phương, ngài đã mở rộng lời mời công khai đến tất cả các mục tử và nhà thần học từ các truyền thống giáo hội khác nhau, lặp lại một yêu cầu đã được đưa ra vào năm 1987 tại Vương cung thánh đường Thánh Phêrô trước sự hiện diện của Đức Thượng phụ Đại kết Dimitrios I: “Tôi tha thiết cầu xin Chúa Thánh Thần chiếu sáng chúng ta, khai sáng tất cả các Mục tử và nhà thần học của các Giáo hội của chúng ta, để chúng ta có thể cùng nhau tìm kiếm - tất nhiên - các hình thức trong đó, thừa tác vụ này có thể hoàn thành một dịch vụ yêu thương được tất cả những người liên quan công nhận” (UUS 95). Nhờ sự phân biệt này giữa bản chất của quyền tối thượng và các hình thức tạm thời được thực hiện, người ta hy vọng rằng thông qua “một cuộc đối thoại kiên nhẫn và huynh đệ”, “ý muốn của Chúa Kitô đối với Giáo hội của Người” sẽ được tiết lộ (UUS 96).

4. Trong bài phát biểu đầu tiên, Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI đã nói về việc ngài đảm nhiệm “như cam kết hàng đầu của ngài sẽ làm việc không mệt mỏi hướng tới việc tái lập sự hiệp nhất trọn vẹn và hữu hình của tất cả những người theo Chúa Kitô”. (2) Ngài đã nhắc lại và nhắc lại lời mời gọi của Đức Gioan Phaolô II trong các bối cảnh khác nhau, với niềm tin chắc chắn rằng “các ý tưởng do Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đưa ra trong Thông điệp *Ut unum sint* (95) về sự phân biệt giữa bản chất và hình thức thực hiện quyền tối thượng có thể mang lại nhiều điểm thảo luận hiệu quả hơn nữa”, (3) và khuyến khích

đối thoại thần học về mối quan hệ giữa quyền tối thượng và tính đồng nghị, đặc biệt là với Giáo hội Chính thống giáo. Việc ngài từ chức khỏi chức vụ giáo hoàng vào năm 2013, lần từ chức đầu tiên của một Giáo hoàng trong thời hiện đại, vì nhận ra “việc thiếu khả năng của tôi để hoàn thành đầy đủ chức vụ được giao phó cho tôi”, (4) đã góp phần vào nhận thức và sự hiểu biết mới về chức vụ của Giám mục Rôma.

5. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhiều lần nhắc lại lời mời gọi của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II tìm ra một cách mới để thực hiện quyền tối thượng, (5) thừa nhận rằng “Chúng ta đã đạt được ít tiến bộ trong vấn đề này” (*Evangelii gaudium* 32). Kêu gọi một “cuộc hoán cải mục vụ” cho ngôi vị giáo hoàng và các cấu trúc trung tâm của Giáo Hội Công Giáo, ngài thừa nhận rằng “sự tập trung quá mức, thay vì chứng minh là hữu ích, làm phức tạp cuộc sống của Giáo hội và hoạt động truyền giáo của Giáo hội”, và đặc biệt than phiền về việc giải thích không đầy đủ về tình trạng của các hội đồng giám mục (EG 32). Đối với Đức Giáo Hoàng Phanxicô, “ngày nay, thừa tác vụ Phêrô không thể được hiểu hoàn toàn nếu không có sự cởi mở đối với cuộc đối thoại với mọi tín hữu trong Chúa Ki-tô này” (6).

Đưa tính đồng nghị trở thành chủ đề chính trong triều giáo hoàng của mình, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhấn mạnh tầm quan trọng của tính đồng nghị dựa trên *sensus fidei* [cảm thức đức tin] của dân Chúa “không thể sai lầm trong đức tin” (EG 119), điều này rất cần thiết để hiểu và thực hiện mới mẻ thừa tác vụ Phêrô, như ngài đã tuyên bố trong diễn văn kỷ niệm 50 năm của Thượng hội đồng giám mục: “Trong một Giáo hội đồng nghị, có thể chiếu sáng nhiều hơn vào việc thực hiện quyền tối thượng của Phêrô”. Thật vậy, “Đức Giáo Hoàng, tự mình, không đứng trên Giáo hội; nhưng trong phạm vi là một trong những người đã chịu phép rửa, và trong Hội đồng Giám mục là một Giám mục trong số các Giám mục, được kêu gọi cùng lúc — với tư cách là Người kế vị Thánh Phêrô — để lãnh đạo Giáo hội Rôma, nơi chủ trì đức ái trên tất cả các Giáo hội”.(7) Cam kết của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong việc xây dựng một Giáo hội đồng nghị ở mọi cấp độ “có ý nghĩa đại kết quan trọng”, trước hết bởi vì tính đồng nghị là một món quà mà chúng ta có thể học hỏi từ những Kitô hữu khác (xem EG 246), và cũng bởi vì cả tính đồng nghị và đại kết đều là những tiến trình “cùng nhau bước đi”. Đức Giáo Hoàng Phanxicô coi việc thực hành đổi mới của Thượng hội đồng Giám mục, bao gồm cả việc tham vấn rộng rãi hơn toàn thể dân Chúa, là một “đóng góp vào việc tái lập sự hiệp nhất giữa tất

cả các Kitô hữu” và tự nó là một phản ứng đối với “mong muốn được bày tỏ nhiều năm trước của Đức Gioan Phaolô II” trong *Ut unum sint* (Tông hiến *Episcopalis communio* 2018, 10). Nhiều tham chiếu đến giáo huấn của hội đồng giám mục trong các văn kiện giáo huấn của ngài (*Evangelii gaudium*, *Amoris laetitia*, *Laudato si'*) cũng chứng thực cam kết của ngài đối với thượng hội đồng. Cuối cùng, phù hợp với thực hành mục vụ của các vị tiền nhiệm gần đây, việc Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhấn mạnh đến tước hiệu “Giám mục Rôma” của ngài ngay từ đầu triều giáo hoàng của ngài, các tước hiệu giáo hoàng hiện được liệt kê là “lịch sử” (xem *Annuario Pontificio* 2020), cũng góp phần tạo nên một hình mẫu mới cho thừa tác vụ Phêrô.

NGUỒN GỐC, MỤC ĐÍCH VÀ CẤU TRÚC CỦA TÀI LIỆU NÀY

6. Lời mời gọi của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong **Ut unum sint** đã thúc đẩy nhiều phản hồi từ các cộng đồng Kitô giáo và các tổ chức đại kết, cũng như từ các hội thảo học thuật và các nhà thần học cá nhân của các truyền thống khác nhau. Hầu hết trong số họ đã dựa trên kết quả của các cuộc đối thoại khác nhau thảo luận về vấn đề quyền tối thượng, trước hoặc sau khi công bố thông điệp.

7. Phiên họp toàn thể năm 2001 của Hội đồng Giáo hoàng về Cổ vũ sự hiệp nhất Kitô giáo [PPCCU] khi đó đã thảo luận về tình trạng hiện tại của sự suy tư về việc thực thi thừa tác vụ Phêrô. Vào thời điểm đó, một bản tài liệu làm việc đã được chuẩn bị, báo cáo các yếu tố chính của cuộc thảo luận hiện tại, khi chúng xuất hiện từ các cuộc đối thoại thần học chính thức hoặc không chính thức về thừa tác vụ Phêrô và từ các phản hồi khác nhau đối với yêu cầu của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II.

Một số xem xét và đề xuất của Phiên họp toàn thể đã được thêm vào tài liệu có tiêu đề “Đề xuất của Phiên họp toàn thể liên quan đến nghiên cứu về Thừa tác vụ Phêrô”. [8] Tài liệu đã được xuất bản trong bản tin chính thức của Hội đồng Giáo hoàng và được gửi cho một số lượng lớn các nhà lãnh đạo Giáo hội và các đối tác đại kết, đặc biệt là những người đã gửi phản hồi cho *Ut unum sint*, để chia sẻ suy tư và tiếp tục đối thoại.

8. Hội đồng Giáo hoàng về Cổ vũ sự hiệp nhất Kitô giáo, trở thành Bộ Cổ vũ Hiệp nhất Kitô giáo vào ngày 5 tháng 6 năm 2022, đã chứng kiến trong lễ kỷ

niệm 25 năm của Thông điệp *Ut unum sint*, cũng như trong tiến trình đồng nghị cho Đại hội đồng thường kỳ lần thứ XVI của Thượng hội đồng giám mục có tiêu đề “Vì một Giáo hội công đồng: hiệp thông, tham gia và truyền giáo” (2021-2024), một cơ hội để tiếp tục thảo luận về chủ đề này.

Thật vậy, kể từ năm 2001, các vị Giáo hoàng đã đưa ra thêm các tuyên bố và các phản hồi tiếp theo đối với thông điệp và các văn kiện mới về các cuộc đối thoại thần học đã được công bố. Tất cả các văn kiện này đã đóng góp đáng kể vào việc suy tư vấn đề về quyền tối thượng trong Giáo hội và xứng đáng được tiếp tục trong một cuộc đối thoại đang tiếp diễn. Hơn nữa, triều đại của Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã mở ra những viễn cảnh mới cho việc thực thi quyền tối thượng theo tinh thần đồng nghị. Một “việc thu hoạch hoa trái” của những diễn biến này và những suy gẫm đại kết về Giám mục Rôma, quyền tối thượng và tính đồng nghị, có vẻ là kịp thời và có thể đóng góp vào mối quan tâm mới trong việc hiệp nhất Kitô giáo.

9. Do đó, Thánh bộ đã soạn thảo một tài liệu nghiên cứu mới về chủ đề này, dựa trên và bổ sung đáng kể cho văn bản trước đó. Tôn vinh các suy tư về quyền tối thượng và về Thừa tác vụ của Giám mục Rôma do các cộng đồng Kitô giáo khác, các tổ chức đại kết và các cuộc đối thoại thần học (có sự tham gia của Công Giáo), tài liệu này nhằm mục đích là một bản tổng hợp khách quan và mô tả về những diễn biến gần đây trong cuộc thảo luận đại kết về chủ đề này. Nó không có tham vọng trở thành bản tổng hợp của huấn quyền Công Giáo hoặc phản ứng của Công Giáo đối với những suy tư đại kết, cũng không phải là một câu hỏi về tình trạng của toàn bộ cuộc tranh luận thần học, mà là một "cuộc thu hoạch hoa trái" của các cuộc đối thoại đại kết gần đây. Do đó, tài liệu này phản ánh những hiểu biết, nhưng cũng phản ánh những hạn chế của chính các tài liệu đối thoại. Giống như trường hợp của các tài liệu làm việc trước đây của PCPCU, tài liệu này chủ yếu được cung cấp cho các học giả làm việc trong lĩnh vực thần học đại kết, các thành viên của các cuộc đối thoại thần học khác nhau và các đối tác đối thoại của Giáo Hội Công Giáo. Bản tổng hợp này được đưa ra như một đóng góp cho cuộc thảo luận, theo một nghĩa nào đó là một công cụ làm việc, với hy vọng rằng nó sẽ thúc đẩy thêm cuộc điều tra và đối thoại thần học, và kích thích các đề xuất thực tế cho việc thực hiện chức vụ hiệp nhất của Giám mục Rôma “được tất cả những người liên quan công nhận” (UUS 95).

10. Bản thảo đầu tiên của văn bản này đã được DPCU chuẩn bị vào năm 2020 và gửi cho các nhà thần học từ các truyền thống Kitô giáo khác nhau để xin ý

kiến chuyên môn của họ. Sau đó, tài liệu nghiên cứu đã được đệ trình vào tháng 6 năm 2021 cho tất cả các thành viên và cố vấn của DPCU để xem xét và đã được thảo luận tại phiên họp toàn thể vào ngày 11 tháng 11 năm 2021, được tổ chức trực tuyến, cùng với một đề xuất có tiêu đề “Hướng tới việc thực hiện quyền tối thượng trong thế kỷ 21”. Sau đó, một bản dự thảo được cập nhật đã được đệ trình lên các Bộ có thẩm quyền của Giáo triều Rôma và một lần nữa được thảo luận tại một phiên họp toàn thể có sự hiện diện của DPCU vào ngày 3 tháng 5 năm 2022.

Tại mỗi giai đoạn này, tài liệu nghiên cứu đã được sửa đổi thêm. Bộ Cổ vũ sự hiệp nhất Kitô giáo bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến tất cả những người đã đóng góp giá trị của họ cho sự suy tư này. Sau các bản cập nhật tiếp theo, tài liệu đã được đệ trình lên Đức Thánh Cha Phanxicô, người đã chấp thuận việc công bố trong một buổi tiếp kiến được ban cho Hồng Y Kurt Koch vào ngày 2 tháng 3 năm 2024.

11. Các trang sau đây cung cấp một bản trình bày sơ đồ về (1) các phản hồi cho Ut unum sint và các tài liệu của các cuộc đối thoại thần học dành riêng cho vấn đề về quyền tối thượng; (2) các câu hỏi thần học chính theo truyền thống vẫn thách thức quyền tối thượng của giáo hoàng, và một số tiến bộ đáng kể trong suy tư đại kết đương thời; (3) một số quan điểm cho một thừa tác vụ hiệp nhất trong một Giáo hội thống nhất; và (4) các đề xuất hoặc yêu cầu thực tế gửi đến Giáo Hội Công Giáo. Tổng hợp này dựa trên cả các phản hồi cho Ut unum sint và kết quả của các cuộc đối thoại chính thức và không chính thức liên quan đến thừa tác vụ hiệp nhất ở cấp độ hoàn cầu. Nó sử dụng thuật ngữ được các tài liệu này áp dụng, với các ưu điểm và hạn chế của chúng. Một bản tóm tắt cũng được đưa ra ở cuối tài liệu nghiên cứu này.

(1). Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, *Diễn văn gửi đến Văn phòng Thư ký Cổ vũ Hiệp nhất Kitô giáo*, ngày 28 tháng 4, 1967.

(2). Đức Giáo Hoàng Benedict XVI, *Missa Pro Ecclesia*, ngày 20 tháng 4 năm 2005.

(3). Đức Giáo Hoàng Benedict XVI, *Diễn văn tại Cuộc họp với Đại diện của các Giáo hội Chính thống giáo và Chính thống giáo Đông phương*, Freiburg im Breisgau (Đức), ngày 24 tháng 9 năm 2011; xem thêm *Diễn văn tại Nhà thờ*

Thượng phụ Saint George ở Phanar (Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ), ngày 30 tháng 11 năm 2006; Sứ điệp gửi Đức Thượng phụ Bartholomew I, Tổng Giám mục Constantinople, Thượng phụ Đại kết, ngày 25 tháng 11 năm 2009.

(4). Đức Giáo Hoàng Benedict XVI, *Declaratio*, ngày 11 tháng 2 năm 2013.

(5). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* 32; *Diễn văn tại Buổi Cử hành Đại kết ở Vương cung thánh đường Mộ Thánh (Jerusalem), ngày 25 tháng 5 năm 2014; Diễn văn đánh dấu kỷ niệm 50 năm thành lập Thượng hội đồng giám mục, ngày 17 tháng 10 năm 2015.*

(6). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Bài giảng cho Kinh Chiều vào Lễ trọng kính Thánh Phaolô Tông đồ*, ngày 25 tháng 1 năm 2014.

(7). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Bài phát biểu đánh dấu kỷ niệm 50 năm thành lập Thượng hội đồng giám mục*, ngày 17 tháng 10 năm 2015.

(8). Dịch vụ thông tin 109 (2002/I–II), trang 29–42. Phần lớn tài liệu trong văn bản này được tập hợp lại với sự hỗ trợ của Viện Johann–Adam–Möhler.

1. SUY GÃM ĐẠI KẾT VỀ THỪA TÁC VỤ CỦA GIÁM MỤC RÔMA

1.1. PHẢN HỒI VỚI *UT UNUM SINT*

12. Lời mời gọi của *Ut unum sint* đối với các nhà thần học và các nhà lãnh đạo Giáo hội để cùng nhau suy tư về thừa tác vụ của Giám mục Rôma đã gợi ra nhiều phản hồi khác nhau. Các phản hồi chính thức của giáo hội đến từ nhiều cộng đồng Kitô giáo ở phương Tây: Giáo Hội Công Giáo Cũ, Giáo hội Anh giáo, Giáo hội Luther, Giáo hội Trưởng lão, Giáo hội Cải cách và Giáo hội Tự do. Về mặt địa lý, hầu hết các câu trả lời đến từ Bắc Mỹ và Châu Âu, chủ yếu là từ Quần đảo Anh, Đức và Hoa Kỳ. Hầu hết các câu trả lời được chuẩn bị bởi các nhóm hoặc tổ chức địa phương. Các phản hồi rộng rãi đến từ Viện Giám mục của Giáo hội Anh, từ Hội đồng Giám mục của Giáo hội Thụy Điển và từ Giáo hội Trưởng lão Hoa Kỳ. Không có câu trả lời chính thức nào từ Các Giáo hội Chính thống giáo hoặc Chính thống giáo phương Đông.

13. Một số phản hồi đến từ các ủy ban đại kết (ví dụ: Ủy ban Đức tin và Trật tự của Hội đồng Giáo hội Thế giới, Ủy ban Đức tin và Trật tự của Hội đồng Quốc gia các Giáo hội của Chúa Kitô tại Hoa Kỳ) và từ các Hội đồng Giáo hội địa phương và quốc gia (ví dụ: Hội đồng các Giáo hội Anh và Ireland, Các Giáo hội Cùng nhau tại Anh, Các nhà lãnh đạo Giáo hội Tây Yorkshire). Một số tổ chức học thuật (ví dụ: Konfessionskundliches Institut des Evangelischen Bundes; Ökumenische Arbeitsgruppe «*Ut Unum Sint*» Schweiz) đã gửi phản hồi, cũng như một số cộng đồng đại kết (ví dụ: Hiệp hội các Gia đình Liên giáo hội; Cộng đồng Iona) và các nhóm thần học đặc biệt (như Nhóm Farfa Sabina).

14. Một số hội thảo và hội nghị thần học, bao gồm các đại diện của nhiều Giáo hội khác nhau, cũng được tổ chức để đáp ứng và lấy cảm hứng từ yêu cầu của Đức Giáo Hoàng. Hai hội nghị đã diễn ra tại Vatican: năm 1996, Bộ Giáo lý Đức tin đã tổ chức một hội thảo về "Quyền tối thượng của Người kế vị Thánh Phêrô", từ đó Bộ đã xuất bản "Những xem xét" về chủ đề này năm 1998; và vào năm 2003, Hội đồng Giáo hoàng về Cổ vũ Sự hiệp nhất Kitô giáo đã tổ chức một hội thảo chuyên đề có tên là "Thừa tác vụ Phêrô: Đối thoại giữa Công Giáo và Chính thống giáo". Nhiều hội thảo chuyên đề khác đã được tổ chức ở cấp địa phương, trong đó các biên

bản hội thảo có những đóng góp quan trọng cho đại kết về vấn đề quyền tối thượng đã được đưa ra và phát triển trong các cuộc đối thoại đại kết. Các nhà thần học cá nhân của nhiều truyền thống – bao gồm một số Chính thống giáo – cũng đã xuất bản nhiều tài liệu và chuyên khảo phong phú để đáp lại yêu cầu của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Tuy nhiên, xét đến việc không thể bao gồm tất cả các bài viết và chuyên khảo đó, và tin rằng đối thoại giữa các Giáo hội là bối cảnh thích hợp cho sự suy tư này, tài liệu này chỉ giới hạn ở các cuộc đối thoại thần học và các phản hồi với *Ut unum sint*.

1.2. ĐỐI THOẠI THẦN HỌC

15. Nhiều cuộc đối thoại thần học đã thảo luận về vấn đề quyền tối thượng của Giáo hoàng, đôi khi theo cách sâu sắc và toàn diện. Các đoạn văn sau đây sẽ cung cấp tổng quan về các tài liệu đối thoại thần học dành toàn bộ hoặc một phần cho câu hỏi về quyền tối thượng. Tôn vinh lời mời gọi rộng rãi do Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II ban hành trong *Ut unum sint* và được các Đức Giáo Hoàng kế tiếp xác nhận, tài liệu này, giống như tài liệu làm việc năm 2001, rút ra từ nhiều tính đa dạng của các tài liệu, có tính đến những phản ánh được đưa ra bởi các cuộc đối thoại chính thức quốc tế và quốc gia có các thành viên được các Giáo hội bổ nhiệm, và cả các nhóm đối thoại không chính thức.

Trong khi thừa nhận vị thế khác nhau của các cuộc đối thoại này, và đặc biệt là trọng lượng lớn hơn của các cuộc đối thoại quốc tế chính thức, tài liệu này đã tuân theo các tiêu chuẩn tương tự vì những lý do sau:

(1) các cuộc đối thoại chính thức, giống như các cuộc đối thoại không chính thức, phản ánh chủ trương của chính các ủy ban, và không nhất thiết là chủ trương chính thức của các Giáo hội liên quan, vì quá trình tiếp nhận của họ vẫn chưa kết thúc (về vấn đề này, các phản hồi và phản ứng chính thức đối với các văn bản này cũng đưa ra những hiểu biết quan trọng);

(2) các cuộc đối thoại quốc gia thường đưa ra những đóng góp sâu rộng hơn cho cuộc tranh luận: ví dụ, trong khi cuộc đối thoại quốc tế Lutheran–Công Giáo nói rất ít về chủ đề này, thì cuộc đối thoại Hoa Kỳ

đã dành trọn hai tài liệu cho nó (và cuộc đối thoại quốc tế đã ca ngợi và khuyến nghị công việc của mình, xem bên dưới §22);

(3) một tài liệu nhấn mạnh tầm quan trọng của tính đồng nghị sẽ là nghịch lý nếu bỏ qua cuộc đối thoại do các hội đồng giám mục dẫn đầu;

(4) các cuộc đối thoại không chính thức đã đi đầu trong việc mở ra những viễn cảnh mới: một cuộc điều tra sâu rộng có tính chủ giải Công đồng Vatican I cho đến nay chỉ được thực hiện thông qua các cuộc đối thoại không chính thức;

(5) việc tiếp nhận một số tài liệu đối thoại không chính thức của cộng đồng học thuật và đại kết, đôi khi vượt ra ngoài các tài liệu đối thoại chính thức, chứng thực giá trị và thẩm quyền của chúng;

(6) lời mời do Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đưa ra rất rộng rãi (“Các nhà lãnh đạo Giáo hội và các nhà thần học của họ”) và không chỉ hướng đến các cuộc đối thoại quốc tế chính thức. Tất nhiên, mỗi quan tâm, sự nhấn mạnh và kết luận của các cuộc đối thoại khác nhau này thay đổi tùy theo các giáo hội học khác nhau của các tín phái có liên quan, như được phản ánh trong sự lựa chọn thuật ngữ của họ, một số thích nói về “quyền tối thượng phổ quát”, những người khác là “thừa tác vụ giáo hoàng”, “thừa tác vụ Phêrô”, “chức năng Phêrô”, hoặc “Giám mục Rôma”, mỗi kiểu nói này đều có những sắc thái khác nhau. Ví dụ, cụm từ “Thừa tác vụ Phêrô” thường không được sử dụng trong đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo, trong khi khái niệm Ngũ trị chế [Pentarchy], quen thuộc trong tư tưởng Chính thống giáo, ít liên quan đến các đối tác đối thoại phương Tây.

16. Từ năm 2006, công việc của Ủy ban quốc tế chung về đối thoại thần học giữa Giáo Hội Công Giáo Rôma và Giáo hội Chính thống giáo (nói chung) đã tập trung vào vấn đề mối quan hệ giữa quyền tối thượng và tính công đồng. Tài liệu thứ năm của ủy ban (Ravenna, 2007), bản thảo ban đầu đã được chuẩn bị vào năm 1990, là một sự suy tư có hệ thống về chủ đề này, có tựa đề Hậu quả về mặt giáo hội học và giáo luật của bản chất bí tích của Giáo hội: Hiệp thông giáo hội, tính công đồng và quyền bính, với toàn bộ một chương về quyền tối thượng và tính công đồng ở

cấp độ phổ quát. Tài liệu thứ sáu, có tựa đề Tính công đồng và tính tối thượng trong thiên niên kỷ đầu tiên: Hướng tới sự hiểu biết chung trong việc phục vụ sự hiệp nhất của Giáo hội (Chieti, 2016), là một cách đọc chung về sự diễn đạt của hai nguyên tắc này trong thiên niên kỷ đầu tiên, bao gồm những xem xét quan trọng về vị trí và vai trò của Giám mục Rôma trong thời kỳ đó. Tài liệu thứ bảy, có tiêu đề Quyền tối thượng và Công đồng trong Thiên niên kỷ thứ hai và Ngày nay (Alexandria, 2023), mở rộng cách hiểu chung này sang giai đoạn xa lánh và tách biệt giữa Đông và Tây, và đến sự xích lại gần đây giữa các Giáo hội của chúng ta.

17. Một số ủy ban Chính thống giáo-Công Giáo quốc gia cũng đã dành riêng các tài liệu quan trọng cho vấn đề quyền tối thượng. Năm 1986, Hội đồng Thần học Chính thống giáo-Công Giáo Bắc Mỹ đã công bố một tài liệu có tiêu đề Tông truyền là Món quà của Chúa trong Đời sống Giáo hội, trong đó vấn đề về quyền tối thượng và ‘quyền Phê-rô [petrinity]’ lần đầu tiên được giải quyết. Tuyên bố thống nhất năm 1989 về tính Công đồng [conciliarity] và Quyền tối thượng trong Giáo hội là tuyên bố chung Chính thống giáo-Công Giáo đầu tiên hoàn toàn dành riêng cho chủ đề này. Năm 2010, tổ chức này đã công bố một tài liệu có tiêu đề Các bước hướng tới một Giáo hội tái hợp: Phác thảo về Tầm nhìn Chính thống giáo-Công Giáo cho tương lai, đặc biệt chú ý đến vai trò của Giám mục Rôma trong một Kitô giáo được hòa giải. Năm 1991, Ủy ban chung về Đối thoại thần học Công Giáo-Chính thống giáo ở Pháp đã công bố một nghiên cứu chung về Quyền tối cao của Rôma trong Hiệp thông của các Giáo hội. Gần đây hơn, vào năm 2018, Nhóm công tác chung Chính thống giáo-Công Giáo Thánh Irenaeus, một cuộc đối thoại quốc tế không chính thức, đã công bố một nghiên cứu sâu rộng có tiêu đề *Phục vụ Hiệp thông. Suy nghĩ lại về Mối quan hệ giữa Quyền tối thượng và Tính đồng nghị*, giải quyết chủ đề này theo quan điểm chú giải, lịch sử và hệ thống.

18. Cuộc đối thoại thần học với các Giáo hội Chính thống giáo phương Đông cũng đã giải quyết vấn đề về quyền tối thượng. Hai tài liệu đầu tiên của Ủy ban quốc tế chung về Đối thoại thần học giữa Giáo Hội Công Giáo và Các Giáo hội Chính thống giáo Đông phương, lần lượt về *Bản chất, Hiến pháp và Sứ mệnh của Giáo hội* (2009), và về *Việc thực hành sự hiệp thông trong Đời sống của Giáo hội sơ khai và Ý nghĩa của nó đối với việc Tìm kiếm sự hiệp thông ngày nay của chúng ta* (2015) đề cập đến

vấn đề về quyền tối thượng ở Bình diện phổ quát. Các cuộc đối thoại thần học song phương với các Giáo hội Chính thống giáo Đông phương cũng đã đưa ra những tuyên bố quan trọng liên quan đến chủ đề này, đặc biệt là với Giáo hội Chính thống giáo Copt (*Các nguyên tắc hướng dẫn tìm kiếm sự hiệp nhất giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo hội Chính thống giáo Copt*, 1979) và với Giáo hội Chính thống giáo Syria Malankara (*Tuyên bố chung về Hàng Giám mục và Thừa tác vụ Phêrô*, 2002).

19. Ngay từ năm 1968, Báo cáo Malta của Ủy ban Chuẩn bị Chung Anh giáo–Công Giáo Rôma đã nhận diện thẩm quyền và quyền tối thượng Phêrô như một trong ba lĩnh vực nghiên cứu cần được giải quyết trong cuộc đối thoại đại kết. Ủy ban Quốc tế Anh giáo–Công Giáo Rôma đầu tiên (ARCIC I) đã đề cập đến chủ đề này trong tuyên bố thống nhất thứ ba của mình là *Thẩm quyền trong Giáo hội I* (1976), trong đó đưa ra một sự hiểu biết chung về cơ sở cho thẩm quyền trong Giáo hội và về thực hành công đồng và tối thượng của mình. Năm 1981, ARCIC đã công bố thêm hai tài liệu về thẩm quyền. Tài liệu đầu tiên có tựa đề *Thẩm quyền trong Giáo hội: Làm sáng tỏ, đã trả lời nhiều lời chỉ trích về Thẩm quyền I*. Tài liệu thứ hai, *Thẩm quyền trong Giáo hội II*, đã giải quyết bốn lĩnh vực gây tranh cãi về mặt thần học được xác định trong *Thẩm quyền I*, cụ thể là: các văn bản thánh thư của Thánh Phêrô; *jus divinum* [thần quyền]; thẩm quyền; và khả năng sai lầm. Trong giai đoạn thứ hai (ARCIC II), ủy ban đã quay trở lại vấn đề về thẩm quyền, công bố tuyên bố đã được thống nhất sau *Ut unum sint. Hồng ân Thẩm Quyền* [The Gift of Authority] (1999) đã xem xét Thừa tác vụ của Giám mục Rôma trong bối cảnh hợp đoàn giám mục và đề xuất rằng đã đạt được thỏa thuận đủ để cho phép Giám mục Rôma có thể được trao và tiếp nhận quyền tối thượng phổ quát ngay cả trước khi hai hiệp thông trở thành hiệp thông trọn vẹn.

Được giao nhiệm vụ xem xét "Giáo hội như một hiệp thông, địa phương và phổ quát", ARCIC III cũng đã bàn tới chủ đề này. Trong tuyên bố đầu tiên được thống nhất, *Cùng nhau bước đi trên Đường: Học cách trở thành Giáo hội – Địa phương, Khu vực, Hoàn vũ* (2018), lần đầu tiên sử dụng phương pháp đại kết tiếp thu [receptive ecumenism], mỗi truyền thống tự hỏi các cấu trúc hiệp thông của riêng mình, bao gồm quyền tối thượng và tính đồng nghị ở bình diện hoàn vũ, đang thất bại hoặc suy yếu

ở đâu và có thể học được gì từ thực hành của đối tác đối thoại của mình.

20. Các cuộc đối thoại Anh giáo–Công Giáo quốc gia (ARC) cũng đã xem xét các chủ đề này. Để đáp lại yêu cầu trực tiếp từ ARCIC, ARC của Anh đã biên soạn *Một số Ghi chú về tính Không thể sai sót và Không thể sai lầm* vào năm 1974. ARC Hoa kỳ đã ban hành *Báo cáo Thỏa thuận về Giáo hội địa phương/phổ quát* năm 1999. Báo cáo xác định năm "vấn đề gây chia rẽ" trong đó có "Quyền tối thượng và Giám mục Rôma" và "Sự cân bằng giữa Giáo hội địa phương và Giáo hội phổ quát". ARC Gia nã đại đã ban hành một *Tuyên bố thống nhất ngắn về sự bất khả ngộ* vào năm 1992.

21. Ủy ban quốc tế về Hiệp nhất của Lutheran-Công Giáo Rôma cho đến nay chỉ giải quyết vấn đề này một cách hiếm hoi và luôn luôn trong các lĩnh vực nghiên cứu khác. (9) Mặc dù một nghiên cứu chi tiết vẫn đang được tiến hành, tuy nhiên, các tài liệu đối thoại hiện có đã đưa ra một loạt các tuyên bố nền tảng quan trọng về quyền tối thượng của giáo hoàng, xác định các thỏa thuận và bày tỏ sự dè dặt. Một số đoạn quan trọng có thể được tìm thấy trong *Tin mừng và Giáo hội* (Báo cáo Malta, 1972), mô tả cuộc tranh cãi, khẳng định nhu cầu và hậu quả của sự đồng thuận, cũng như các điều kiện sine qua non [không thể không có] mà theo đó thừa tác vụ Phêrô có thể được chấp nhận.

Về mặt lịch sử, đây là tài liệu đối thoại đại kết chính thức đầu tiên trong đó một số khía cạnh của vấn đề quyền tối thượng của Giáo hoàng đã được giải quyết, do đó có tầm quan trọng. Trong *Thừa tác vụ trong Giáo Hội* (1981), ủy ban đã dành hẳn một chương cho “*Thừa tác vụ Giám mục và việc Phục vụ cho sự Hiệp nhất Phổ quát của Giáo hội* [The Episcopal Ministry and Service for the Universal Unity of the Church]” (67-73).

22. Năm 2006, cuộc đối thoại quốc tế đã ca ngợi và khuyến nghị công trình đã được các cuộc đối thoại Lutheran-Công Giáo địa phương khác nhau thực hiện về chủ đề này. Thật vậy, quyền tối thượng đã trở thành một chủ đề nghiên cứu độc lập lần đầu tiên trong Đối thoại Lutheran-Công Giáo Rôma tại Hoa Kỳ, với hai tài liệu về quyền tối thượng của giáo hoàng: *Các Thái độ Khác nhau hướng tới Quyền Tối thượng Giáo hoàng* [Differing Attitudes Towards Papal Primacy] (1973) và *Thăm*

quyền Giáo huấn và Tính Vô ngộ trong Giáo hội [Teaching Authority and Infallibility in the Church] (1978) (là một trong những nghiên cứu tiên tiến nhất về chủ đề này). Cuộc đối thoại đưa ra một sự biện minh trong Kinh thánh cho thừa tác vụ Phê-rô, một phân tích về quyền giáo hoàng như đã được thiết lập *de iure divino* [theo thiên luật], và khám phá những hậu quả thực tế của những khác biệt giữa người Công Giáo và người Luther liên quan cụ thể đến vấn đề quyền tối thượng của thẩm quyền. Năm 2004, cùng một ủy ban đã công bố một Tuyên bố thống nhất có tiêu đề *Giáo hội như Koinonia [hiệp thông] của On Cứu rỗi, các Cấu trúc và Thừa tác vụ* cũng suy tư về thừa tác vụ phổ quát trong Giáo hội dưới ánh sáng của một giáo hội học hiệp thông. Năm 2015, Ủy ban về các vấn đề đại kết và liên tôn của Hội đồng giám mục Công Giáo Hoa Kỳ và Giáo hội Tin lành Lutheran Hoa Kỳ đã công bố một tuyên bố có tiêu đề *Tuyên bố về Con đường. Giáo hội, Thừa tác vụ và Thánh thể*, xác định sự đồng thuận về một số vấn đề giáo hội học dựa trên các tài liệu trước đó, đặc biệt liên quan đến thừa tác vụ hiệp nhất ở bình diện hoàn cầu.

23. Các cuộc đối thoại quốc gia chính thức khác cũng đã đề cập đến chủ đề này. Năm 1988, Đối thoại Lutheran–Công Giáo Rôma Thụy Điển đã công bố một tài liệu có tựa đề *Chức vụ Giám mục*, bao gồm một phần về "*Tình hợp đoàn của các Giám mục xung quanh Chức vụ của Phê-rô*". Năm 2000, Nhóm công tác song phương giữa Hội đồng Giám mục Đức và Hội đồng Giáo hội của Giáo hội Tin lành Lutheran Thống nhất Đức [Bilaterale Arbeitsgruppe der Deutschen Bischofskonferenz und der Kirchenleitung der Vereinigten Evangelisch–Lutherischen Kirche Deutschlands] đã công bố tài liệu *Communio Sanctorum* [hiệp thông Các Thánh], Giáo hội như là sự hiệp thông của các Thánh, suy tư về thừa tác vụ Phê-rô trên cơ sở các hiểu biết về kinh thánh, lịch sử và hệ thống.

Năm 2007, Đối thoại Lutheran–Công Giáo Rôma tại Úc đã công bố một báo cáo có tựa đề *Thừa tác vụ Giám sát: Chức vụ Giám mục và Chủ tọa trong Giáo hội*, với một số suy gẫm về vai trò của Giám mục Rôma trong số các giám mục đồng nghiệp của mình, và năm 2016, họ đã nhất trí một tuyên bố chung hoàn toàn dành riêng cho chủ đề này, có tựa đề, *Thừa tác vụ Phê-rô trong Tình hình Mới*, ám chỉ đến "tình hình mới" từng được Đức Gioan Phaolô II đề cập trong *Ut unum sint* (UUS 95). Nhóm Đối thoại Công Giáo Rôma–Lutheran tại Thụy Điển và Phần Lan, tài liệu năm

2009 có tên là *Sự Công chính hóa trong Đời sống Giáo hội*, cũng dành một phần cho "*Thừa tác vụ Phêrô – Một việc phục vụ cho Sự toàn vẹn và Hiệp nhất*" (313–328). Năm 2017, Ủy ban Đối thoại Lutheran–Công Giáo Phần Lan đã công bố một báo cáo có tựa đề *Hiệp thông trong Tăng trưởng: Tuyên bố về Giáo hội, Thánh thể và Thừa tác vụ*, dành một chương cho “Thừa tác vụ Phêrô” (348–355).

24. Các ủy ban không chính thức cũng đã có những đóng góp đáng kể vào việc suy tư. Nhóm Dombes, bao gồm Công Giáo, Luther và Cải cách, đã công bố vào năm 1985 một tài liệu về *Thừa tác vụ Hiệp thông trong Giáo hội Hoàn vũ*, nêu bật các chiều kích cộng đồng, hợp đoàn và bản thân của một thừa tác vụ như vậy, theo quan điểm lịch sử, kinh thánh và thần học. Năm 2014, cùng nhóm này đã công bố *Một Thầy dạy: Thẩm quyền Tin lý trong Giáo hội*, trong đó một số chương được dành riêng để diễn giải tín điều vô ngộ. Năm 2009, để đáp lại lời mời của *Ut unum sint*, Nhóm Farfa Sabina đã nhất trí công bố một tài liệu có tựa đề *Hiệp thông các Giáo hội và Thừa tác vụ Phê-rô: Các Đồng quy Lutheran-Công Giáo* (2009)

25. Đối thoại Cải cách–Công Giáo, mặc dù vẫn chưa trực tiếp bàn đến vấn đề thừa tác vụ Phêrô, đã dành một số chương cho các vấn đề liên quan như tính hợp đoàn (*Sự hiện diện của Chúa Kitô trong Giáo hội và Thế giới*, 1977, 102) và khái niệm vô ngộ (*Hướng tới một sự hiểu biết chung về Giáo hội*, 1990, 39–42), đề xuất một nghiên cứu sâu rộng hơn về chủ đề này trong tương lai (id., 144).

26. Năm 1986, Ủy ban Quốc tế Giám lý [Methodist]–Công Giáo Rôma (MERCIC) đã công bố *Hướng tới một Tuyên bố về Giáo hội*, trong đó, nó xem xét các văn bản thánh kinh về Thánh Phêrô, sự phát triển của quyền tối thượng của Giám mục Rôma trong Giáo hội sơ khai, quyền tài phán của Giám mục Rôma và giáo huấn có thẩm quyền. Ủy ban đã quay trở lại chủ đề này trong tài liệu *Thiên Chúa trong Việc Hòa giải của Chúa Kitô [God in Christ Reconciling]* (2022), trong đó đặt câu hỏi liệu thừa tác vụ Phêrô có thể được coi như một thừa tác vụ hòa giải hơn là một trở ngại cho sự hòa giải hay không.

27. Năm 2009, Ủy ban Đối thoại Quốc tế Công Giáo Rôma–Công Giáo

Cũ đã công bố tài liệu *Giáo hội và Hiệp thông Giáo hội*, trong đó có một chương dành riêng cho “*Thừa tác vụ của giáo hoàng đối với sự hiệp nhất của giáo hội và duy trì chân lý*” và một chương khác dành cho “*Những quan niệm Công Giáo Cũ về hình thức của một sự hiệp thông giáo hội có thể có*”. Trong Phụ lục, tài liệu này cung cấp các trích đoạn từ các tài liệu về thừa tác vụ Phêrô do Liên minh Utrecht thực hiện với các đối tác đại kết khác. Năm 2016, tài liệu này đã được mở rộng với một số bổ sung (“*Ergänzungen*”) và được công bố vào năm 2017. Các Giáo Hội Công Giáo Cũ của Liên minh Utrecht xem các tài liệu này là phản hồi chính thức đầu tiên của Công Giáo Cũ đối với *Ut unum sint*. Tuyên bố chung về Hiệp nhất (2006) giữa Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ và Giáo Hội Công Giáo Quốc gia Ba Lan, một Giáo Hội Công Giáo Cũ nhưng không còn là thành viên của Liên minh Utrecht, lần đầu tiên, đã chấp nhận các Ki-tô hữu Tây phương không Công Giáo vào hiệp thông Thánh Thể Công Giáo, dù không có thỏa thuận về vấn đề quyền tối thượng của Giám mục Rôma.

28. Các cuộc đối thoại song phương khác với các cộng đồng Kitô giáo phương Tây, mặc dù không đề cập trực tiếp đến quyền tối thượng, nhưng đã đề cập đến vấn đề này theo nhiều cách khác nhau: đề cập gián tiếp đến nó trong khi bàn đến mối quan hệ giữa Giáo hội địa phương và phổ quát (Tin lành, *Giáo hội, Truyền giảng Tin mừng và các mối dây Hiệp thông* [Evangelicals, Church, Evangelization and the Bonds of koinonia], 2002, 30–35; Ngũ tuần, *Các Quan điểm về Hiệp thông* [Pentecostals, Perspectives on koinonia, 1989, 82]; đưa ra cái nhìn tổng quan về những bất đồng (Tin lành Báp-tít, *Lời Chúa trong Đời sống Giáo hội* [Baptists, The Word of God in the Life of the Church], 2010, 198; Giáo phái Menno, *Được kêu gọi Với nhau để Trở thành những người Xây dựng Hòa bình* [Mennonites, Called Together to be Peacemakers], 2003, 105, 109, 110), hoặc chỉ định nó như một chủ đề cho công việc trong tương lai (*Các Môn đệ, Giáo hội như Hiệp thông trong Chúa Ki-tô* [Disciples, The Church as Communion in Christ], 1992, 53d).

29. Vấn đề về quyền tối thượng cũng đã được bàn đến ở Bình diện đa phương. Năm 1993, Ủy ban Đức tin và Trật tự của Hội đồng các Giáo hội Thế giới đã đề xuất “bắt đầu một nghiên cứu mới về vấn đề thừa tác vụ phổ quát của sự hiệp nhất Kitô giáo” (Tài liệu Đức tin và Trật tự Số 166,

243). Bản thảo có tựa đề *Bản chất và Sự mệnh của Giáo hội* (2005), là văn bản đầu tiên của Đức tin và Trật tự công khai công nhận nhu cầu giải quyết vấn đề về quyền tối thượng của giáo hoàng, thừa nhận niềm xác tín Công Giáo rằng thừa tác vụ này phải phục vụ cho sự hiệp nhất của toàn thể Giáo hội. Văn bản hội tụ năm 2013 có tựa đề Giáo hội: *Hướng tới một Viễn kiến Chung* đã bàn đến vấn đề ở phần cuối của chương có tựa đề “*Giáo hội: Lớn lên trong Hiệp thông*” (TCTCV 54–57). Nhóm công tác chung giữa Hội đồng các Giáo hội Thế giới và Giáo Hội Công Giáo đã công bố một tài liệu vào năm 1990, *Giáo hội: Địa phương và Hoàn cầu*, đặc biệt suy tư về các cấu trúc hiệp thông chính thống và chức vụ của giáo hoàng (42–47).

30. Một số phản hồi và bình luận từ các Giáo hội hoặc các cơ quan đại kết cho biết mức độ tiếp nhận các tài liệu này. Ví dụ, các phản hồi chính thức đối với ARCIC I từ Hội đồng Lambeth (1988) và Giáo Hội Công Giáo (1991); phản hồi của Ủy ban Quốc gia Đức trong Liên đoàn Luther Thế giới đối với tài liệu Hoa Kỳ Tuyên bố về Con Đường (2017) và báo cáo của Phần Lan có tựa đề *Sự hiệp thông trong Tăng trưởng: Tuyên bố về Giáo hội, Thánh thể và Thừa tác vụ* (2019); phản hồi của Thánh Thượng Hội đồng của Giáo hội Chính thống giáo Nga đối với Tài liệu Ravenna, có tựa đề *Lập trường của Tòa Thượng phụ Moscow về Vấn đề Quyền tối thượng trong Giáo hội Hoàn vũ* (2013); cũng như các phản hồi từ Hội đồng tham vấn thần học Chính thống giáo Bắc Mỹ đối với các tài liệu Ravenna và Chieti (năm 2009 và 2017); phản hồi của ARC-USA đối với *Hồng phúc Thẩm quyền* [The Gift of Authority] (năm 2003); Phản hồi của ARC Canada đối với Phản hồi của Vatican đối với *Báo cáo cuối cùng của ARCIC* (năm 1993) và Phản hồi đối với *Hồng phúc Thẩm quyền* [The Gift of Authority] (năm 2003), đề xuất một Tuyên bố chung, mô phỏng theo Tuyên bố chung về Tín lý Công chính hóa, thiết lập một sự đồng thuận cơ bản về thẩm quyền và thừa tác vụ của Giám mục Rôma (4.1).

(9). Cần lưu ý rằng có hai chuyên luận tín lý quan trọng trong truyền thống Lutheran liên quan đến Giáo hoàng: Các Điều khoản Smalcald (Điều khoản thứ tư), 1537; và *Chuyên luận về Quyền lực và Quyền tối thượng của Giáo hoàng*, 1537, *Sách Concord. Các Tuyên Xưng của Giáo*

hội Tin lành Lutheran, Robert Kolb và Timothy J. Wengert (Biên tập viên), Fortress Press, Minneapolis, 2000.

1.3. Một Sự Quan Tâm Mới Và Một Tinh Thần Đại Kết Tích Cực

31. Từ cái nhìn tổng quan về các phản hồi và các thỏa thuận đối thoại này, người ta có thể kết luận rằng vấn đề về quyền tối thượng của giáo hoàng đã được thảo luận sâu rộng trong hầu hết các bối cảnh đại kết trong những thập niên qua: tổng cộng, khoảng 30 phản hồi và 50 tài liệu đối thoại ít nhất là một phần dành riêng cho chủ đề này. Các cuộc đối thoại thần học cũng như các phản hồi cho thông điệp *Ut unum sint* (nhiều trong số này mặc nhiên hay minh nhiên nhắc đến kết quả của các cuộc đối thoại thần học này), chứng tỏ một tinh thần đại kết mới và tích cực trong việc thảo luận về vấn đề này. Trong thông điệp của ngài, Đức Giáo Hoàng Gioan Phao-lô II đã đề cập đến bầu không khí mới này, lưu ý rằng “sau nhiều thế kỷ tranh cãi gay gắt, các Giáo hội và Cộng đồng Giáo hội khác ngày càng có cái nhìn mới mẻ hơn về thừa tác vụ hiệp nhất này” (UUS 89 và chú thích 149). Đề cập đến khuyến nghị năm 1993 của Đức tin và Trật tự (xem ở trên §29), ngài đã tuyên bố “Cũng có ý nghĩa và đáng khích lệ khi câu hỏi này [về quyền tối thượng của Giám mục Rôma] xuất hiện như một chủ đề thiết yếu không chỉ trong các cuộc đối thoại thần học mà Giáo Hội Công Giáo đang tham gia với các Giáo hội và Cộng đồng Giáo hội khác, mà còn nói chung hơn trong phong trào đại kết nói chung” (UUS 89). Nhận thức này về tinh thần đại kết mới gần đây cũng đã được Ủy ban Đức tin và Trật tự chia sẻ: “Trong những năm gần đây, phong trào đại kết đã giúp tạo ra một bầu không khí hòa giải hơn, trong đó một thừa tác vụ phục vụ cho sự hiệp nhất của toàn thể Giáo hội đã được thảo luận” (FO 2013 TCTCV, 55).

1.4. Một Cách Đọc Thần Học Về Mối Tương Quan Của Chúng Ta

32. Suy tư thần học về quyền tối thượng không chỉ liên quan đến những khác biệt về tín điều trong quá khứ, mà còn phải suy tư về cuộc sống hiện tại của các Giáo hội của chúng ta – những diễn biến, thách thức và mối quan hệ nội tại của họ. Liên quan đến cuộc sống nội tại của Giáo Hội Công Giáo, việc đổi mới thực hành của Thượng hội đồng Giám mục hoặc sự nhân mạnh của Đức Giáo Hoàng Phanxicô về danh hiệu “Giám mục

Rôma”, cùng với các khía cạnh khác của cải cách, có ý nghĩa đại kết.

Mối quan hệ giữa các Giáo hội của chúng ta trong mọi chiều kích của chúng cũng là một “locus theologicus” [cứ điểm thần học] được ưu tiên. Như Đức Gioan Phaolô II đã tuyên bố trong *Ut unum sint*, “việc thừa nhận tình anh em của chúng ta [...] là điều gì đó lớn hơn nhiều một hành động lịch sử đại kết; nó cấu thành một tuyên bố cơ bản về giáo hội học” (UUS 42). Về phương diện này, “đối thoại tình yêu” và “đối thoại cuộc sống” không nên chỉ được hiểu là một sự chuẩn bị cho việc “đối thoại chân lý”, mà là một thần học trong hành động, có khả năng mở ra những quan điểm mới về giáo hội học.(10)

Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã khẳng định, khi tiếp các thành viên của Ủy ban quốc tế chung về đối thoại thần học giữa Giáo Hội Công Giáo và các Giáo hội Chính thống giáo Đông phương:

“Do đó, chủ nghĩa đại kết thần học phải phản ánh không những các khác biệt về tín điều đã xuất hiện trong quá khứ, mà còn phải phản ánh trải nghiệm hiện tại của các tín hữu của chúng ta. Nói cách khác, cuộc đối thoại về tín lý phải được điều chỉnh về mặt thần học cho cuộc đối thoại cuộc sống phát triển trong các mối quan hệ địa phương, hàng ngày giữa các Giáo hội của chúng ta; những điều này tạo nên một xuất xứ hoặc nguồn gốc thực sự của thần học”. (11)

Vào thời điểm khi các mối quan hệ giữa các Giáo hội đang gia tăng, điều xem ra cần thiết hơn bao giờ hết là đọc lại về mặt thần học cuộc sống của các mối quan hệ này, phát triển một “thần học về cuộc đối thoại tình yêu”, và do đó thực hiện những lời được cho là của Đức Thượng phụ Athenagoras vào 1964: “Các nhà lãnh đạo Giáo hội hành động, các nhà thần học giải thích”. Ví dụ đáng để suy gẫm về mặt thần học có thể bao gồm các sáng kiến gần đây như cuộc họp của những người đứng đầu các Giáo hội tại Bari năm 2018, chuyến viếng thăm chung đến Lesbos của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Đức Thượng phụ Đại kết Bartholomew và Đức Tổng Giám Mục Ieronymos II năm 2016, tham chiếu đến giáo huấn của Đức Thượng phụ Bartholomew trong thông điệp *Laudato si*, cuộc tĩnh tâm tâm linh dành cho các nhà lãnh đạo Nam Sudan do Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Đức Tổng Giám Mục Justin Welby tổ chức năm

2019, Cuộc hành hương Hòa bình Đại kết đến Nam Sudan của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Đức Tổng Giám Mục Justin Welby và Mục sư Iain Greenshields năm 2023, hoặc Lễ cầu nguyện chung Đại kết “Cùng nhau. Tập hợp dân Chúa” được tổ chức tại Quảng trường Thánh Phêrô năm 2023 vào đêm trước Đại hội đồng thứ XVI của Thượng hội đồng Giám mục.

(10) Như Đức Tổng Giám Mục Meliton (Chatzis) của Chalcedon đã khẳng định: “Yêu thương lẫn nhau và đối thoại trong đức ái, chúng ta thực hiện thần học, hay đúng hơn là chúng ta xây dựng thần học”, *Proche-Orient Chrétien* 18 (1968), tr. 361.

(11). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn trước các thành viên của Ủy ban quốc tế chung về Đối thoại thần học giữa Giáo Hội Công Giáo và các Giáo hội Chính thống giáo Đông phương*, 23 tháng 6 năm 2022.

2. Các Câu Hỏi Thần Học Căn Bản

33. Những đóng góp thần học liên quan đến bản chất và việc thực thi quyền tối thượng giáo hoàng rõ ràng khác nhau tùy theo bối cảnh tuyên tín của các tác giả. Tuy nhiên, bốn câu hỏi thần học căn bản luôn tái xuất hiện theo nhiều cách và mức độ khác nhau: nền tảng Kinh thánh của thừa tác vụ Phêrô; *jus divinum* [thần quyền]; quyền tối thượng tài phán; và ơn bất khả ngộ. Bốn câu hỏi này đã được xác định, cụ thể là trong ARCIC 1976, 24; ARCIC 1981; MERCIC 1986, 39–75. Một số cách tiếp cận và nhấn mạnh mới có thể được xác định trong cách giải quyết những câu hỏi này.

2.1. Nền Tảng Kinh Thánh

34. Cả thần học Chính thống giáo và Tin lành theo truyền thống đều phản đối cách giải thích của Công Giáo về “các văn bản Phêrô” trong Tân Ước, đặc biệt là cách trực tiếp trong đó Giáo Hội Công Giáo liên hệ thừa tác vụ của Giám mục Rôma với con người và sứ mệnh của Thánh Phêrô. Họ đặc biệt đặt câu hỏi về cách hiểu của Công Giáo về một số tài liệu tham khảo

trong Kinh thánh, chẳng hạn như Mt 16:17–19 và Ga 21:15 f.

2.1.1. Một Cách Đọc Mới Về “Các Văn Bản Phê-Rô”

35. Khoa Giải thích hiện đại đã mở ra những viễn ảnh mới cho cách đọc chung về “các văn bản Phê-rô” (xem L–CUS 1973, 9–13; ARCIC 1981, 2–9; Dombes 1985, 96–107; L–C Aus 2016, 23–42). Các cuộc đối thoại thần học đã thách thức các cách đọc Tân Ước theo kiểu tín phái.⁽¹²⁾ Đối thoại Luther-Công Giáo Đức chủ trương rằng trong thần học Luther đương thời,

“Việc khảo sát có tính chú giải nhân vật Phê-rô trong Tân Ước cũng như vai trò của tông đồ Phao-lô đã cho phép ý nghĩa của trách nhiệm cá nhân đối với sự hiệp thông và hiệp nhất của giáo hội được nhìn nhận lại” (L–C Germ 2000, 183). Thật vậy, các cuộc đối thoại đã tạo điều kiện cho việc tái khám phá theo kiểu chú giải tính ưu việt của Phê-rô trong số các tông đồ trong thời kỳ Chúa Giêsu thi hành thừa tác vụ, cũng như trong giáo hội sau lễ Phục sinh. Simon Phê-rô có một vị trí đặc biệt trong số mười hai người: ngài luôn được nêu tên đầu tiên trong danh sách và được gọi là “đầu tiên” (Mt 10:2); ngài là một trong những người đầu tiên được gọi (Mt 5:18, Jn 1:42); đôi khi ngài được miêu tả là người phát ngôn cho các môn đệ khác (Mt 16:16, Công vụ 2:14); ngài được nêu tên là người đầu tiên trong số các chứng nhân tông đồ của Chúa Giêsu phục sinh (1 Cr 15:5, Lc 24:34); ngài là người nhận được chìa khóa của nước thiên đàng (Mt 16:18); người tuyên xưng và rao giảng đức tin chân chính (Mt 16:16; Công vụ 2) và là người mang thừa tác vụ duy nhất của sự hiệp nhất (Ga 21, Lc 22:32). Cuộc đối thoại quốc tế giữa Công Giáo và Cải cách cũng có thể nhìn nhận “trong Tân Ước, rằng một chứng từ được đưa ra cho thừa tác vụ đặc biệt được Chúa Kitô ban cho Nhóm Mười Hai, và cho Thánh Phê-rô trong nhóm Mười Hai đó” (R–C 1977, 95).

Trên cơ sở tái khám phá này, các Kitô hữu khác đã có được sự đánh giá mới về phép loại suy đã được rút ra giữa vai trò của Thánh Phê-rô trong số các tông đồ và vai trò của Giám mục Rôma trong số các giám mục đồng nghiệp của ngài (xem LG 22). Phép loại suy này cho phép ARCIC I tuyên bố: “Có thể nghĩ rằng quyền tối thượng của giám mục Rôma không trái với Tân Ước và là một phần trong mục đích của Chúa liên quan đến sự

hiệp nhất và tính Công Giáo của Giáo hội, trong khi thừa nhận rằng các bản văn Tân Ước không đưa ra đủ cơ sở cho điều này” (ARCIC 1981, 6–7). Trong cùng tinh thần này, cuộc đối thoại Luther-Công Giáo Đức đã thừa nhận rằng: “Những tuyên bố trong Tân Ước về Phê-rô cho thấy rằng giáo hội sơ khai đã kết hợp vào nhân vật Phê-rô các chức năng của một thừa tác vụ giảng dạy và mục vụ liên quan đến tất cả các giáo đoàn và đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp nhất của họ. Đây chính là thách thức hiện tại để cùng nhau suy nghĩ trong các giao dịch chung của chúng ta theo một cách hoàn toàn mới về một thừa tác vụ Phê-rô cho toàn thể giáo hội” (L–C Germ 2000, 163).

36. Người Công Giáo cũng đã bị thách thức trong việc nhận ra và tránh việc phóng chiếu không đúng thời điểm tất cả các diễn biến về học thuyết và thể chế liên quan đến thừa tác vụ của giáo hoàng vào “các bản văn Phê-rô”, và khám phá lại sự đa dạng của các hình ảnh, cách giải thích và mô hình trong Tân Ước. Trước hết, họ đã khôi phục lại một bức tranh toàn diện hơn về Phê-rô. Như Đức Gioan Phaolô II đã ghi chú trong *Ut unum sint* (90–91), Phê-rô không chỉ là “đá” được Chúa Giêsu đặt tên (Mt 16:18; Ga 1:42; Mc 1:42); mà còn là một ngư dân truyền giáo (Lc 5, Ga 21); một chứng nhân và tử đạo (1 Cr 15:5; cf. Ga 21:15–17; 1 Pr 5:1); một con người yếu đuối, một tội nhân ăn năn, bị Chúa Kitô khiển trách và bị Phaolô phản đối (Mc 8:33; Mt 16:23; Mc 14:31, 66–72; Ga 21:15–17; Gl 2:5). Đức Gioan Phaolô II kết luận: “Giống như thể, trong bối cảnh sự yếu đuối của con người Phê-rô, người ta thấy rõ ràng rằng thừa tác vụ cụ thể của ngài trong Giáo hội hoàn toàn xuất phát từ ân sủng” (UUS 91).

37. Người Công Giáo đã có được nhận thức mới về những cách giải thích khác nhau về “các bản văn Phê-rô”, đặc biệt là Mt 16: 17–19. Như Nhóm desDombes đã chỉ ra: “Ngay từ khi xuất hiện trong văn học giáo phụ vào đầu thế kỷ thứ ba, các cách giải thích về Mt 16:17–19 đã đa dạng: chúng áp dụng lời Chúa Giêsu nói với Phê-rô cho mọi Ki-tô hữu vì đức tin của họ, hoặc cho tất cả các tông đồ và những người kế vị họ là các giám mục, hoặc cuối cùng cho con người tông đồ Phê-rô, hoặc vì chính ngài được đặt làm nền tảng của Giáo hội, hoặc vì lời tuyên xưng đức tin của ngài là nền tảng của Giáo hội.

Nhưng không bao giờ được quên rằng viên đá đầu tiên trên đó Giáo hội

được xây dựng chính là Chúa Kitô” (Dombes 1985, 96). Một cách giải thích đại kết về Mt 16:17–19 không đối lập với những cách giải thích này mà đưa ra ba chiều kích bổ sung trong lời truyền xưng đức tin của Giáo Hội: một chiều kích cộng đồng, một chiều kích hợp đoàn và một chiều kích bản thân (id., 103).

38. Người Công Giáo đã tái khám phá tính đa dạng của vai trò lãnh đạo trong Tân Ước, vì “trách nhiệm lãnh đạo mục vụ không chỉ giới hạn ở Phêrô” (ARCIC 1981, 4; xem thêm ARCIC 2018, 34).

Ví dụ, cụm từ ‘buộc và tháo’ được sử dụng trong Mt 16:19 cho Phêrô, xuất hiện lại trong Mt 18:18 trong lời hứa của Chúa Kitô với tất cả các môn đệ. Tương tự như vậy, nền tảng trên đó Giáo hội được xây dựng có liên quan đến Phêrô trong Mt 16:18, nhưng cũng liên quan đến toàn thể bộ phận tông đồ trong các văn bản khác (ví dụ: Eph 2:20). Mặc dù Phêrô là người phát ngôn tại Lễ Ngũ Tuần, nhưng nhiệm vụ công bố Tin mừng cho toàn thể giới đã được Chúa Kitô phục sinh giao cho Mười một người (Công vụ 1:2–8). Hơn nữa, Phê-rô không phải là người duy nhất thực hiện ‘thừa tác vụ hiệp nhất’ trong Giáo hội sơ khai: Phao-lô thực hiện một chức năng tương tự cho các khu vực được ngài mở rộng hoạt động truyền giáo của mình, đặc biệt là giữa những người Ngoại giáo, được diễn tả như một “mối quan tâm đến mọi hội thánh” (2 Cô-rinh-tô 11:28, xem thêm Ga-lát 2:7–8; 1 Cô-rinh-tô 9:1); và Gia-cô-bê, anh em của Chúa, trong thư Công Giáo của mình nói đến Mười hai chi tộc trong Phân Tán (Diaspora) (Gia-cô-bê 1:1). Hơn nữa, Tân Ước đề cập đến sự hợp tác và quyết định chung giữa Phê-rô, Gia-cô-bê và Gioan, những người được Phao-lô chỉ định là “trụ cột của hội thánh” (Ga-lát 2:9), và các Tông đồ khác và những người lãnh đạo cộng đồng (Ga-lát 2:7–9; 1 Cô-rinh-tô 9:1; Công vụ 15:2).

39. Cuối cùng, người Công Giáo cũng phải đối diện với những quan điểm khác về vấn đề khả năng truyền lại [transmissibility] thừa tác vụ Phêrô. Một số cuộc đối thoại thần học thừa nhận rằng “Tân Ước không có ghi chép rõ ràng nào về việc truyền lại quyền lãnh đạo của Phêrô; cũng như việc truyền lại thẩm quyền tông đồ nói chung không thực sự rõ ràng” (ARCIC 1981, 6). Nếu trong các chương đầu tiên của Công vụ, Giáo hội Jerusalem xuất hiện như là Giáo hội mẹ, thì “Tân Ước không nói ở chỗ

nào rằng một Giáo hội khác đã tiếp quản từ Giáo hội Jerusalem: quyền tối thượng của Giáo hội Phê-rô và Phaolô, có nghĩa là của Rôma, là một sự kiện sau Tân Ước” (Dombes 1985, 117, xem thêm ARCIC 2018 35 và 42).

(12). Một ví dụ điển hình về cách đọc theo kiểu tín phái như vậy được tìm thấy trong Luận thuyết Luther về Quyền lực và Quyền tối thượng của Giáo hoàng, 1537, op. cit. tr. 332–340, đã trở thành một phần của các trước tác tín phái được biên soạn trong Sách Hòa hợp [book of Concord] (1580).

2.1.2. “Episcopate” Hoặc “Thừa Tác Vụ Giám Sát” Ở Bình Diện Phổ Quát

40. Trong khi thừa nhận vị trí đặc biệt của Phê-rô trong số các tông đồ, một số cuộc đối thoại đã thích đóng khung những suy gẫm của họ về thẩm quyền trên khái niệm rộng hơn của Kinh thánh về *episcopate*. Cách tiếp cận này nhấn mạnh đến điều mà tất cả những người thực hiện thừa tác vụ *episcopate* đều có trước khi công nhận sự xuất hiện của thừa tác vụ giám mục nguyên thủy và việc thực hiện thừa tác vụ này một cách đặc biệt ở bình diện phổ quát (xem ARCIC 1981 5, 19). ARCIC I nhận ra rằng “mô hình các khía cạnh tối thượng và công đồng bổ túc cho nhau của *episcopate* phục vụ cho *koinonia* của các giáo hội cần phải được hiện thực hóa ở bình diện phổ quát” (ARCIC 1976, 23). “Những cấp bách của đời sống giáo hội đòi hỏi một thao tác cụ thể của episcopate để phục vụ toàn thể Giáo hội. Trong mô hình được tìm thấy trong Tân Ước, một trong mười hai người được Chúa Giêsu Kitô chọn để củng cố những người khác để họ sẽ trung thành với sứ mệnh của mình và hòa hợp với nhau” (ARCIC 1999, 46). Cùng một khái niệm đã được sử dụng trong cuộc đối thoại quốc tế Công Giáo-Cải cách: “Chúng tôi đồng ý về nhu cầu có giám mục trong Giáo hội, ở bình diện địa phương (để chăm sóc mục vụ trong mỗi giáo đoàn), ở bình diện khu vực (để liên kết các giáo đoàn với nhau), và ở bình diện hoàn cầu (để hướng dẫn sự hiệp thông siêu quốc gia của các giáo hội)”, trong khi thừa nhận rằng “có sự bất đồng giữa chúng tôi về ai được coi là giám mục ở các bình diện khác nhau này và chức năng hoặc vai trò của giám mục là gì” (R–C 1990, 142).

2.1.3. Thẩm Quyền Như Diakonia

41. Dựa trên khoa chú giải đương thời, các cuộc đối thoại thần học nhấn mạnh rằng thẩm quyền và việc phục vụ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Như ARCIC đã nêu, “Theo lời dạy của Chúa Giêsu rằng quả thực lãnh đạo là phục vụ chứ không phải thống trị người khác (Luca 22:24tt), vai trò của Phêrô trong việc củng cố anh em (Luca 22:32) là sự lãnh đạo phục vụ” (ARCIC 1981, 6). Đối thoại quốc tế Chính thống giáo–Công Giáo cũng nhấn mạnh rằng “việc thực hiện thẩm quyền được thực hiện trong Giáo hội, nhân danh Chúa Kitô và bởi quyền năng của Chúa Thánh Thần, phải, dưới mọi hình thức và ở mọi bình diện, là một sự phục vụ (*diakonia*) của tình yêu, như Chúa Kitô đã làm” (O–C 2007, 14).

Không còn nghi ngờ gì nữa, “Chúa Giêsu Kitô liên kết việc ‘làm đầu’ này với việc phục vụ (*diakonia*): ‘Ai muốn làm đầu thì phải làm người rốt hết và làm người phục vụ mọi người’ (Mc 9:35)” (O–C 2016, 4; xem thêm UUS 88).

42. Do đó, thẩm quyền gắn liền chặt chẽ với mẫu nhiệm thập giá và sự tự hủy của Chúa Kitô. Như Nhóm Thánh Irenaeus đã nêu, thẩm quyền trong Giáo hội phải được hiểu là “phục vụ dân Chúa dựa trên quyền năng của Thập giá”, vì “bất cứ việc sử dụng quyền lực nào trong Giáo hội chỉ có ý nghĩa nếu được thực hiện theo mô hình của Chúa Kitô bị đóng đinh, như một sự phục vụ chứ không phải là một cách để thống trị người khác (x. Mc 10:42-45 par; Ga 13:1-17)”, một sự phục vụ bao gồm “bỏ phận chịu trách nhiệm trước cộng đồng ở các bình diện khác nhau”. Theo nghĩa này, việc thực hiện thẩm quyền phải được mô phỏng theo tấm gương tự hủy của Chúa Kitô, “như một sự phục vụ bao gồm sự sẵn lòng thực hành việc từ bỏ bản thân (‘tự hủy’, x. Pl 2:5-11; Mt 23:8-12)” (Thánh Irenaeus 2018, 13).

2.1.4. “CHỨC NĂNG PHÊ-RÔ”

43. Xét đến khó khăn trong việc tìm ra nền tảng trực tiếp cho thừa tác vụ của Giám mục Rôma trong Tân Ước, cuộc đối thoại Lutheran–Công Giáo tại Hoa Kỳ đã đưa ra một khái niệm chung về “chức năng Phê-rô”

[Petrine Function], không nhất thiết phải gắn liền với một tòa hoặc một cá nhân đặc thù nào. Nó được định nghĩa là “một hình thức đặc thù của Thừa tác vụ do một cá nhân, người giữ thừa tác vụ hoặc giáo hội địa phương thực hiện với sự tham chiếu đến toàn thể giáo hội. Chức năng Phê-rô trong thừa tác vụ này phục vụ cho việc thúc đẩy hoặc duy trì sự hiệp nhất của giáo hội bằng cách tượng trưng cho sự hiệp nhất, và bằng cách tạo điều kiện cho sự thông đạt, hỗ trợ hoặc sửa chữa lẫn nhau, và sự hợp tác trong sứ mệnh của giáo hội” (*L-C US* 1973, 4). Đối với các hình ảnh liên quan đến Phê-rô trong Tân Ước, cuộc đối thoại này cũng nêu rằng: “Khi ‘quỹ đạo’ của những hình ảnh này được theo dõi, chúng ta thấy dấu hiệu của sự phát triển từ những hình ảnh trước đó đến những hình ảnh sau đó. Sự phát triển của các hình ảnh này không cấu thành tính tối thượng theo nghĩa kỹ thuật sau này, nhưng người ta có thể thấy khả thể định hướng theo hướng đó, khi được định hình bởi các yếu tố thuận lợi trong giáo hội tiếp theo” (*L-CUS* 1973, 13).

2.1.5. “CÁC BẢN VĂN PHÊ-RÔ” TRONG TRUYỀN THỐNG GIÁO PHỤ

44. Một số cuộc đối thoại thần học đã chứng minh rằng tính tối thượng của Giám mục Rôma “không thể được thiết lập từ Kinh thánh khi tách biệt khỏi truyền thống sống động”, vốn đã công nhận Tòa Rôma có một vị trí và vai trò đặc biệt (xem *MERCIC* 1986, 55). Đối thoại Lutheran–Công Giáo Rôma tại Hoa Kỳ nhấn mạnh rằng vị trí và vai trò này phụ thuộc vào sự hội tụ của “hai đường song song”: “Trong giai đoạn sau thời Tân Ước, hai dòng phát triển có xu hướng nâng cao vai trò của giám mục Rôma trong số các giáo hội thời bấy giờ. Một là sự phát triển liên tục của một số hình ảnh về Phê-rô xuất hiện từ các cộng đồng tông đồ, dòng còn lại là kết quả từ tầm quan trọng của Rôma như một trung tâm chính trị, văn hóa và tôn giáo” (*L-C US* 1973, 15). Là thủ đô của Đế quốc, tầm quan trọng chiến lược của Rôma đối với sứ mệnh hoàn cầu của Kitô giáo đã được công nhận ngay từ thời Tân Ước (so sánh Công vụ 19:21; 25:25). Do đó, cộng đồng Kitô giáo ở Rôma nhanh chóng trở nên quan trọng, bằng chứng là Thánh Phao-lô đã tìm kiếm sự hỗ trợ của Giáo hội Rôma trong việc rao giảng Tin mừng của mình (xem *MERCIC* 1986, 52). Sự nổi bật của Rôma như nơi Phê-rô và Phao-lô có ngôi mộ của họ, đã thiết lập nên giáo phận Rôma như một Giáo hội tông truyền có tầm quan trọng độc

nhất. Như ARCIC nêu rõ: “Giáo hội tại Rôma, thành phố mà Phê-rô và Phao-lô đã giảng dạy và chịu tử đạo, được công nhận là có trách nhiệm độc nhất trong số các giáo hội: giám mục của giáo hội được coi thực hiện một việc phục vụ đặc biệt liên quan đến sự hiệp nhất của các giáo hội, và liên quan đến lòng trung thành với di sản tông truyền, do đó, thực hiện giữa các giám mục đồng nghiệp của mình các chức năng tương tự như những chức năng được gán cho Phê-rô, người mà giám mục Rôma được coi là kế nhiệm” (ARCIC 1981, 6).

45. Trong Giáo hội Latinh, sự tử đạo và việc chôn cất Phê-rô tại Rôma là cơ sở để áp dụng “các bản văn Phê-rô” cho Giám mục Rôma từ đầu thế kỷ thứ ba (xem Tertullian, *De Pudicitia* 21, *Præscriptionibus adversus Hæreticos* 22.4). Theo Nhóm des Dombes: “Việc tham chiếu đến các bản văn kinh thánh làm nổi bật vai trò của Phê-rô xuất hiện trong Giáo hội sơ khai như một hiện tượng thứ cấp so với một thông lệ chính” (Dombes 1985, 22). Với Leo I (440–461), mối tương quan giữa giám mục của giáo hội Rôma và hình ảnh của Phê-rô, vốn đã được một số người tiền nhiệm của ngài ngụ ý, đã trở nên hoàn toàn rõ ràng. Theo Đức Leo, Phê-rô tiếp tục nhiệm vụ tuyên bố đức tin thông qua Giám mục của Rôma, và sự thống trị của Rôma trên các giáo hội khác bắt nguồn từ sự hiện diện của Phê-rô trong những người kế vị ngài, các giám mục của Tòa Rôma (xem Leo, Thư 98).

Một số người thấy niềm tin này được các giám mục tại Công đồng Chalcedon ủng hộ khi họ chấp thuận *Tập văn kiện [Tome] gửi Flavian* của Đức Leo: “Đây là đức tin của các giáo phụ; đây là đức tin của các tông đồ; đây là đức tin của tất cả chúng ta; Phê-rô đã nói qua Leo” (trích dẫn trong MERCIC 1986, 53). Những người khác nhận xét rằng Tập văn kiện của Đức Leo đã được chấp nhận vì nó được coi là phù hợp với giáo huấn của Cyril thành Alexandria, tức là với truyền thống tông đồ và giáo phụ: “Công đồng cũng đã cẩn thận nhấn mạnh sự nhất trí của Đức Leo với Thánh Cyril: ‘Đức Leo đã dạy một cách đạo đức và chân thành, Thánh Cyril cũng đã dạy như vậy’” (Thánh Irenaeus 2018, 7.6).

Tuy nhiên, từ thời điểm này, yếu tố quyết định đối với Giáo Hội Công Giáo trong việc hiểu vị trí và vai trò đặc biệt của Tòa Rôma là mối quan hệ của Giám mục Rôma với Phê-rô: “Giáo hội học ‘Phê-rô-Rôma’ của

Đức Leo sẽ đóng vai trò quyết định trong định hướng tiếp theo của học thuyết ‘Công Giáo’” (*Dombes* 1985, 26).

Cuộc đối thoại quốc tế Chính thống giáo–Công Giáo mô tả sự phát triển thần học này: “Ở phương Tây, quyền tối thượng của tòa Rôma đã được hiểu, đặc biệt là từ thế kỷ thứ tư trở đi, liên quan đến vai trò của Phê-rô trong số các Tông đồ.

Quyền tối thượng của giám mục Rôma trong số các giám mục đã dần dần được diễn giải như một đặc quyền của ngài vì ngài là người kế vị của Phê-rô, vị tông đồ đầu tiên. Sự hiểu biết này không được áp dụng ở phương Đông, nơi có cách giải thích khác về Kinh thánh và các Giáo phụ về điểm này” (*O–C* 2016, 16).

Cuộc đối thoại Luther–Công Giáo Đức đã tóm tắt một cách ngắn gọn sự phát triển của phương Tây: “Thay vì nguyên tắc địa phương (*sedes apostolica*), nguyên tắc thể nhân xuất hiện (người kế nhiệm Phê-rô)” (*L–C Germ* 2000, 168).

46. Thật vậy, trong khi công nhận vị trí đầu tiên của Rôma trong taxis [hàng ngũ], Chính thống giáo thường dành ít tầm quan trọng về tín lý cho việc kết nối nó với Phê-rô. Quan điểm này được phản ánh trong tuyên bố của cuộc đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo Bắc Mỹ: “Rôma được khẳng định là tòa đầu tiên mà không tham chiếu đến truyền thống Phê-rô” (*O–CUS* 2017). Chính thống giáo thường nhấn mạnh cơ sở chính trị của quyền tối thượng của Rôma, lập luận từ điều 28 của Công đồng Chalcedon, công nhận rằng “các giáo phụ [...] đã đúng khi dành đặc quyền [*presbeia*] cho tòa giám mục của Rôma cũ vì đó là một thành phố đế quốc” (xem *O–C* 2016, chú thích 11). Thật vậy, sự phản bác của một số người trong số họ không phải là về quyền tối thượng của Giám mục Rôma hay quyền tối thượng của Phê-rô trong Tân Ước, mà là sự hợp nhất của cả hai trong tín lý Công Giáo.

47. Cần đặc biệt đề cập đến cách đọc “bản văn Phê-rô” trong truyền thống Syria, theo nhiều cách phù hợp với cách hiểu của tiếng Latinh, vì Thánh Phê-rô đã thành lập các Giáo hội ở cả An-ti-ô-ki-a và Rôma, và do đó các giám mục của cả hai giáo hội đều được coi là những người kế vị ngài.

Trong Tuyên bố chung về *Chức Giám mục và Thừa tác vụ Phêrô* (2002), ủy ban đối thoại giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo hội Chính thống giáo Syria Malankara đã tuyên bố, “Theo Kinh thánh và Truyền thống, Chúa Giêsu đã giao phó cho Thánh Phêrô một thừa tác vụ đặc biệt. Đặt cho ngài cái tên Kepha (Đá), Chúa Giêsu đã đặt ngài làm người đứng đầu, người đại diện và người phát ngôn của mười hai tông đồ. Thánh Phêrô và những người kế vị ngài được ban cho thừa tác vụ hiệp nhất ở bình diện hoàn cầu. Trong Giáo Hội Công Giáo, thừa tác vụ này do Giám mục Rôma thực hiện và trong Giáo hội Chính thống giáo Syria do Thượng phụ An-ti-ô-ki-a thực hiện. Theo Giáo hội Chính thống giáo Syria, Thượng phụ An-ti-ô-ki-a, với tư cách là người kế vị Phê-rô, là biểu tượng hữu hình của sự thống nhất và đại diện cho Giáo hội Chính thống giáo Syria hoàn cầu” (4).

2.2. DE IURE DIVINO

48. Vatican I dạy rằng quyền tối thượng của Giám mục Rôma được thiết lập *de iure divino* (bởi thần quyền) và do đó thuộc về cấu trúc yếu tính và không thể hủy bỏ của Giáo hội (“*ex ipsius Christi Domini institutione seu iure divino*”, *Pastor æternus* II). Các Giáo hội khác theo truyền thống đã phản đối hoặc bác bỏ việc thiết lập *de iure divino* này. Các Giáo hội Đông phương, trong khi công nhận quyền tối thượng về danh dự thuộc về Giám mục Rôma, đã coi quyền tối thượng này là vấn đề phát triển lịch sử. Ví dụ, khi đề cập đến nhà thần học thế kỷ 14 Nilus Cabasilas, Tòa Thượng phụ Moscow đã tuyên bố vào năm 2013: “Quyền tối thượng về danh dự dành cho các giám mục Rôma không phải do Chúa mà do con người thiết lập” (*Lập trường của Tòa Thượng phụ Moscow về vấn đề quyền tối thượng trong Giáo hội Hoàn vũ*, 4).

Tương tự như vậy, những nhà thần học Thệ phản không hoàn toàn bác bỏ quyền tối thượng của giáo hoàng nhưng vẫn coi định chế này đơn giản như ‘*de iure humano*’ (theo quyền con người) vì nó không bắt nguồn từ kinh thánh.

Ví dụ, Philip Melanchthon lập luận rằng, nếu giáo hoàng “cho phép tin mừng”, thì “quyền tối thượng của giáo hoàng so với các giám mục” có thể được trao ban *de iure humano* (xem *L-CUS* 2004, 74; *L-C Aus* 2016,

71). Sự phản ánh đại kết đương thời đã mang lại một số khả thể mới để vượt qua sự đối lập truyền thống này.

2.2.1. MINH GIẢI CỦA KHOA CHÚ GIẢI

49. Một số cuộc đối thoại thần học đã phản ánh về ý nghĩa của thuật ngữ “quyền thần linh” (*ius divinum*). Những người Công Giáo tham gia vào cuộc đối thoại Lutheran-Công Giáo tại Hoa Kỳ đã tuyên bố, “Trong những thế kỷ trước người ta thường nghĩ rằng thuật ngữ này liên quan đến, trước tiên, việc thiết lập bằng một hành động chính thức của chính Chúa Giêsu, và thứ hai, một sự chứng thực rõ ràng về hành động đó bởi Tân Ước hoặc theo một số truyền thống được cho là có từ thời các tông đồ”. Do đó, họ có thể thừa nhận: “Vì ‘quyền thần thiêng’ đã trở nên nặng nề với những hàm ý đó, nên bản thân thuật ngữ này không truyền đạt đầy đủ những gì chúng ta tin về việc thiết lập ngôi vị giáo hoàng bởi Thiên Chúa” (*L-C US*, 1973). Trong một tài liệu sau đó, cùng một ủy ban này chủ trương rằng “các phạm trù luật thần thiêng và luật nhân bản cần được xem xét lại và đặt trong bối cảnh thừa tác vụ như là việc phục vụ cho sự hiệp thông của ơn cứu rỗi” (*L-C US* 2004, 74). Như ARCIC I đã nêu, *ius divinum* “không cần phải hiểu là quyền tối thượng phổ quát như một thể chế thường trực được Chúa Giêsu trực tiếp thành lập trong thời gian Người sống trên trái đất. Thuật ngữ này cũng không có nghĩa là vị giáo phẩm phổ quát là ‘nguồn gốc của Giáo hội’ như thể sự cứu rỗi của Chúa Kitô phải được truyền tải qua ngài. Thay vào đó, ngài phải là dấu chỉ của *koinonia* hữu hình mà Chúa muốn dành cho Giáo hội và là công cụ để hiện thực hóa sự hiệp nhất trong tính đa dạng. Chính đối với một vị giáo phẩm phổ quát được hình dung như vậy trong tính hợp đoàn của các giám mục và tính hiệp thông của toàn thể Giáo hội mà có thể áp dụng được tiêu chí *iure divino*” (*ARCIC* 1981, 11).

Trong khi phản hồi chính thức của Công Giáo năm 1991 đối với ARCIC I đã bày tỏ sự dè dặt liên quan đến sự hiểu biết này, thì Bộ Giáo lý Đức tin đã sử dụng một công thức tương tự vào năm 1998, bằng cách nói rằng “hàng giám mục và quyền tối thượng, có liên quan qua lại và không thể tách rời, là do Thiên Chúa thiết lập” (*The Primacy of the Successor of Peter in the Mystery of the Church* [Quyền tối thượng của Người kế vị Thánh Phêrô trong Mầu nhiệm Giáo hội, 6).

50. Tương tự như vậy, cuộc đối thoại Công Giáo-Công Giáo Cũ khẳng định:

“Nếu ‘thừa tác vụ Phêrô’ có nghĩa là một thừa tác vụ, được thực hiện trong một viễn cảnh phổ quát bởi Đức Giáo Hoàng, nhằm phục vụ cho sự hiệp nhất, sứ mệnh và tính đồng nghị của các giáo hội địa phương do các giám mục lãnh đạo và đại diện, thì thần học Công Giáo Cũ cũng có thể thực sự đồng ý với những gì được ám chỉ bởi thuật ngữ ‘quyền thần thiêng’ (đối với họ xa lạ) theo nghĩa được gợi ý ở trên (xem thêm *A-RC/Authority II*, 10–15)” (OC–C 2009, 47).

51. Dựa trên sự khác biệt giữa *esse* (yếu tính) và *bene esse* (lợi ích) của Giáo hội, cuộc đối thoại quốc tế giữa Luther và Công Giáo đã nêu vào năm 1972: “Câu hỏi [...] vẫn còn gây tranh cãi giữa người Công Giáo và Luther là liệu quyền tối thượng của Đức Giáo Hoàng có cần thiết đối với Giáo hội hay không, hay liệu nó chỉ đại diện cho một chức năng về cơ bản chỉ có tính khả hữu” (*L–C* 1972, 67). Nhóm Farfa Sabina đã bày tỏ một ý tưởng tương tự khi phân biệt các vấn đề cần thiết cho hữu thể và sự hiệp nhất của Giáo hội: “Ở đây một sự phân biệt khác có thể trở nên quan trọng: cụ thể là, sự khác biệt giữa những gì cần thiết cho hữu thể của Giáo hội và những gì cần thiết cho sự hiệp nhất của Giáo hội. Phải thừa nhận rằng, sự phân biệt như vậy giữa hữu thể và sự hiệp nhất của Giáo hội cũng gây ra khó khăn, vì sự hiệp nhất thuộc về các thuộc tính yếu tính của Giáo hội: nó thuộc về chính hữu thể của Giáo hội. Tuy nhiên, sự cởi mở mới đối với một hình thức tối thượng được chứng tỏ trong chủ nghĩa đại kết ngày nay gần như buộc chúng ta phải thực hiện sự phân biệt như vậy” (*Farfa* 2009, 124).

2.2.2. CẢ DO THẦN QUYỀN (DE IURE DIVINO) LÃN DO NHÂN QUYỀN (DE IURE HUMANO)?

52. Những minh giải của khoa chú giải đã giúp đưa sự phân biệt giữa ‘*de iure divino*’ và ‘*de iure humano*’ vào một góc nhìn mới. Cuộc đối thoại quốc tế giữa Luther và Công Giáo, trong “Báo cáo Malta”, đã chỉ ra rằng hai khái niệm này đã bị tách biệt quá rõ ràng: “Nhận thức sâu sắc hơn về tính lịch sử của giáo hội kết hợp với sự hiểu biết mới về bản chất giáo hội

học của nó, đòi hỏi việc trong thời đại của chúng ta, các khái niệm về *ius divinum* và *ius humanum* phải được suy nghĩ lại.... *Ius divinum* không bao giờ có thể phân biệt đầy đủ với *ius humanum*. Chúng ta chỉ có *ius divinum* như được truyền đạt thông qua các hình thức lịch sử cụ thể” (L–C 1972, 31). Theo cuộc đối thoại Luther-Công Giáo tại Hoa Kỳ, quyền tối thượng của giáo hoàng vừa là ‘*de iure divino*’ vừa là ‘*de iure humano*’: vừa là một phần trong ý muốn của Thiên Chúa đối với Giáo hội vừa được lịch sử loài người làm trung gian.

Vì lý do này, quyền tối thượng của giáo hoàng vừa có tính liên quan về thần học vừa chào đón việc thích ứng. Trong những suy tư của những người tham gia thuộc phái Lutheran, có đoạn: “Tuy nhiên, trong cuộc thảo luận của mình, chúng tôi đã phát hiện ra rằng, thông qua một loạt các cuộc điều tra lịch sử cẩn thận, sự phân biệt truyền thống giữa *de iure humano* và *de iure divino* không cung cấp các phạm trù có thể sử dụng cho cuộc thảo luận đương thời về chức giáo hoàng”. Một mặt, những người Lutheran không muốn coi việc thực thi Thừa tác vụ phổ quát như thể nó chỉ là tùy chọn. Ý của Thiên Chúa muốn giáo hội có các phương tiện định chế cần thiết để cổ vũ sự hiệp nhất trong tin mừng. Mặt khác, những người Công Giáo Rôma, sau Công đồng Vatican II, nhận thức rằng có nhiều cách thực hiện quyền tối thượng của giáo hoàng” (L–C US 1973, 35).

53. Tương tự như vậy, cuộc đối thoại Chính thống giáo-Công Giáo đã xem xét lại trọng lượng thần học của các yếu tố đôi khi được coi là chỉ đơn thuần mang tính định chế hoặc pháp lý trong đời sống của Giáo hội. Như tài liệu Chieti đã nêu: “Thiên Chúa tự mặc khải trong lịch sử. Điều đặc biệt quan trọng là cùng nhau thực hiện một bài đọc thần học về lịch sử phụng vụ, linh đạo, các định chế và giáo luật của Giáo hội, luôn có chiều kích thần học” (O–C, 2016, 6). Thật vậy, vì Giáo hội vừa mang tính thần linh vừa mang tính nhân bản, các định chế và giáo luật của Giáo hội không chỉ có giá trị tổ chức hoặc kỷ luật, mà còn là biểu thức của đời sống Giáo hội dưới sự lãnh đạo của Chúa Thánh Thần. Trong số các định chế này, cả quyền tối thượng và tính đồng nghị đều thuộc về bản chất của nó, như Nhóm công tác chung Chính thống giáo-Công Giáo Thánh Irenaeus đã khẳng định: “Quyền tối thượng và tính đồng nghị không phải là những hình thức quản lý giáo hội tùy ý chọn lựa, mà thuộc về bản chất

của giáo hội vì cả hai đều nhằm mục đích củng cố và làm sâu sắc thêm sự hiệp thông ở mọi bình diện” (Thánh *Irenaeus* 2018, 16; một cách có ý nghĩa, Công đồng Vatican II dạy rằng tính hợp đoàn bắt nguồn từ “sự thiết lập và lệnh truyền của Chúa Kitô”, xem bên dưới § 66).

54. ARCIC cũng cố gắng thiết lập sự hội tụ về mặt tín lý bằng cách diễn giải khái niệm truyền thống *de iure divino* là “một hồng ân của sự quan phòng Thiên Chúa” hoặc là “một hiệu quả của sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần trong Giáo hội”: “Tuy nhiên, thỉnh thoảng các nhà thần học Anh giáo đã khẳng định rằng, trong những hoàn cảnh thay đổi, các giáo hội của Cộng đồng Anh giáo có thể công nhận sự phát triển của quyền tối thượng của Rôma như một hồng ân của sự quan phòng thần thiêng – nói cách khác, là một hiệu quả của sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần trong Giáo hội. Với cách diễn giải trên về ngôn ngữ quyền thần thiêng trong Công đồng Vatican I, có lý do để hỏi liệu có thực sự hiện hữu khoảng cách giữa việc khẳng định quyền tối thượng theo quyền thần linh (*iure divino*) và việc thừa nhận sự xuất hiện của nó bởi ơn quan phòng thần linh (*divina providentia*)” (ARCIC 1981, 13). Trong bối cảnh của giáo hội học *communio*, ARCIC kết luận: “Trước đây, giáo huấn Công Giáo Rôma cho rằng giám mục Rôma là linh mục hoàn cầu theo quyền hoặc luật thần linh đã bị những người Anh giáo coi là không thể chấp nhận được. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng quyền tối thượng của giám mục Rôma có thể được khẳng định như một phần trong kế hoạch của Thiên Chúa dành cho việc hiệp thông (*koinonia*) hoàn cầu theo các điều khoản tương thích với cả hai truyền thống của chúng tôi” (ARCIC 1981, 15; Hội nghị Lambeth năm 1988 đã chấp thuận sự hiểu biết này, xem Nghị quyết 8, điểm 3).

2.2.3. “NECESSITAS ECCLESIAE”: YẾU TÍNH THẦN HỌC VÀ TÍNH NGẪU NHIÊN LỊCH SỬ

55. Một phần nhờ vào sự suy tư đại kết, sự phân biệt giữa ‘*de iure divino*’ và ‘*de iure humano*’ đã phần lớn được thay thế bằng sự phân biệt giữa yếu tính thần học và tính ngẫu nhiên lịch sử của quyền tối thượng. Xem xét cách thức quyền tối thượng của giáo hoàng được xác định sâu sắc như thế nào bởi những thách thức, mệnh lệnh, nhiệm vụ và mối đe dọa lịch sử dưới mọi hình thức (ví dụ: giáo hội, chính trị, văn hóa), có thể và nên phân biệt rõ ràng hơn giữa yếu tính tín lý của quyền tối thượng của giáo

hoàng và phong cách hoặc hình dạng lịch sử ngẫu nhiên của nó. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã bày tỏ sự phân biệt này trong *Ut unum sint* khi ngài chấp nhận yêu cầu “tìm cách thực thi quyền tối thượng, mặc dù không từ bỏ những gì thiết yếu đối với sứ mệnh của mình, nhưng vẫn mở ra một tình huống mới” (UUS 95). Bộ Giáo lý Đức tin, trong “Những xem xét” của mình được xây dựng để đáp lại lời mời này, đã giải thích sự phân biệt theo cách này: “Các nội dung cụ thể của việc thực thi phân biệt thừa tác vụ Phêrô bao lâu chúng trung thành phát biểu việc áp dụng mục đích tối thượng của nó (sự hiệp nhất của Giáo hội) vào các hoàn cảnh thời gian và địa điểm. Mức độ lớn hơn hay nhỏ hơn của những nội dung cụ thể này sẽ phụ thuộc vào *necessitas Ecclesiae* [tính cần thiết của Giáo Hội] trong mọi thời đại” (*The Primacy of the Successor of Peter in the Mystery of the Church* [Quyền tối thượng của Người kế vị Thánh Phêrô trong Mầu nhiệm Giáo hội], 12).

56. Nếu sự hiệp nhất Kitô giáo là một trong những ‘cần thiết hàng đầu của Giáo hội’, thì quyền tối thượng của giáo hoàng có thể được thực thi như thế nào để tuân thủ sự thiết yếu này? Điều gì liên quan đến trật tự *de iure divino* và điều gì có thể được coi là ngẫu nhiên? “Thừa tác vụ hiệp nhất cũng được định nghĩa như ‘Thừa tác vụ Phê-rô’. Thừa tác vụ này như một yếu tố lâu dài trong giáo hội của Chúa Ki-tô đã tìm được sự kính trọng cần và biểu thức sống động từ những ngày tiên khởi nhất. Tuy nhiên, trong quá trình lịch sử, các cuộc tranh luận đã nảy sinh về các cấu trúc và hình thức cụ thể của biểu thức này” (*L-C Germ* 2000, 153). Thật vậy, nhiều vấn đề, nỗi sợ hãi hoặc sự bất mãn đại kết chủ yếu liên quan đến các đặc điểm ngẫu nhiên và do đó có thể thay đổi của quyền tối thượng của giáo hoàng.

Một số đặc điểm của quyền tối thượng của giáo hoàng, ban đầu đáp ứng một nhu cầu thực sự trong một giai đoạn cụ thể của lịch sử Giáo hội, vẫn tiếp tục tồn tại, ngay cả sau khi lý do cho nguồn gốc của chúng đã biến mất. “Người ta phải đặt câu hỏi về việc liệu Giáo Hội Công Giáo Rôma, về căn bản, có nhìn thấy khả thể về một hình thức hiệp thông của các giáo hội không phải Công Giáo với giáo hoàng hay không, trong đó yếu tính của Thừa tác vụ hiệp nhất của Phêrô được bảo tồn, nhưng ở các hình thức quy điển khác với những hình thức đã được trình bày là chuẩn mực kể từ thời Trung cổ, và đặc biệt là trong thời kỳ hiện đại” (*L-C Germ* 2000,

200). Điều tương tự cũng đúng đối với việc mở rộng quyền tối thượng của giáo hoàng trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống Giáo hội; hoàn cảnh lịch sử, từng biện minh cho việc mở rộng quyền tối thượng ít nhiều có ảnh hưởng sâu rộng trong các vấn đề của Giáo hội, có thể đã thay đổi. Do đó, điều quan trọng là phải phân biệt giữa yếu tính của một thừa tác vụ tối thượng và bất cứ cách thức cụ thể nào mà thừa tác vụ này đã hoặc đang được thực hiện” (FO 2013 TCTCV, 56). Cuối cùng, cuộc điều tra lịch sử là một phương tiện thiết yếu trong việc chữa lành ký ức. Thay vì yếu tính thần học của nó, nhiều "vết thương" có thể chủ yếu liên quan đến những cách thức thực hiện quyền tối thượng một cách ngẫu nhiên, và cũng liên quan đến những thất bại cá nhân. Tóm lại: các văn kiện đại kết yêu cầu chú ý nhiều hơn và đánh giá các điều kiện lịch sử ảnh hưởng đến việc thực thi quyền tối thượng ở nhiều khu vực và thời kỳ khác nhau. Thật vậy, “mặc dù theo những cách khác nhau và ở mức độ khác nhau, các giáo hội ở cả phương Đông lẫn phương Tây thường phải đối diện với cơn cám dỗ muốn gộp chung quyền lãnh đạo giáo hội với quyền lực thế tục và các định chế của nó” (Thánh *Irenaeus* 2018, 5.4).

2.3. Định Nghĩa Của Vatican I Về Quyền Tối Thượng Tài Phán Và Ôn Bất Khả Ngộ Của Giáo Hoàng

57. Kể từ thời Trung cổ, các nhà thần học Công Giáo cho rằng thừa tác vụ của giáo hoàng là một thừa tác vụ *de iure divino*. Có liên quan chặt chẽ đến cách hiểu này về thừa tác vụ của giáo hoàng là các học thuyết về quyền tài phán phổ quát và ôn bất khả ngộ của Giáo hoàng. Những tín lý này có thể được tìm thấy trong giáo huấn của Giáo Hội Công Giáo lâu trước Công đồng Vatican I. Ví dụ, như cuộc đối thoại Luther-Công Giáo ở Hoa Kỳ đã nêu:

“Công đồng Florence trong Sắc lệnh Liên hiệp các Giáo hội Hy Lạp và Latinh (1439) đã nêu rõ tín lý về quyền tối thượng của giáo hoàng theo những thuật ngữ gần giống với thuật ngữ của Công đồng Vatican I” (L-C US 1973, 19). Tín lý về quyền tài phán phổ quát, được phát triển trong giai đoạn hậu Công đồng Trent, có thể được coi là một trong những điều kiện tiên quyết về mặt giáo hội học của hiện tượng “chủ nghĩa quy hiệp [uniatism]” (xem bên dưới §131).

Tương tự như vậy, việc Đức Giáo Hoàng Pius IX công bố tín điều Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội vào năm 1854 đã ngụ ý việc thực hiện quyền bất khả ngộ của giáo hoàng. Tuy nhiên, các giáo lý về quyền tối thượng của quyền tài phán và ơn bất khả ngộ của giáo hoàng vẫn chưa được định nghĩa là tín điều.

58. Trong *Pastor æternus*, Công đồng Vatican thứ nhất (1870) đã tạo ra một tình huống mới, tuyên bố những tín lý này là tín điều. Những định nghĩa tín điều này đã chứng tỏ là một trở ngại đáng kể đối với các Ki-tô hữu khác liên quan đến giáo hoàng. “Trong khi đối với người Công Giáo, việc duy trì sự hiệp thông trong đức tin và các bí tích với giám mục Rôma được coi là một tiêu chuẩn cần thiết để được coi là Giáo hội theo nghĩa đầy đủ, nhưng đối với Chính thống giáo, cũng như đối với người Tin lành, thì chính những yêu sách lịch sử của giáo hoàng về thẩm quyền trong việc giảng dạy và cuộc sống Giáo hội đi ngược lại nhất với hình ảnh về Giáo hội được trình bày cho chúng ta trong Tân Ước và trong các tác phẩm Kitô giáo ban đầu” (O-C US 2010, 2).

59. Phù hợp với lời kêu gọi của một số nhà thần học về việc tái giảng hoặc tiếp nhận lại Công đồng Vatican I, (13) một số cuộc đối thoại thần học địa phương và không chính thức, chẳng hạn như Groupe des Dombes (1985, 82–84; cuộc đối thoại Lutheran–Công Giáo tại Hoa Kỳ (2004, 209–217), Nhóm Farfa Sabina (2009, 62–124), cuộc đối thoại Lutheran–Công Giáo tại Úc (2016, 130–134) hoặc Nhóm St Irenaeus (2018, 10.1–10.13) đã thực hiện việc đọc lại Công đồng Vatican I, mở ra những con đường mới để hiểu rõ hơn về công đồng. Cách tiếp cận chú giải này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giải thích các tuyên bố mang tính tín điều của Công đồng Vatican I không phải một cách riêng lẻ, mà dưới ánh sáng của tin mừng, của toàn bộ truyền thống và trong bối cảnh lịch sử của nó. (14)

Mặc dù học thuyết về quyền tài phán phổ quát và ơn bất khả ngộ của Giáo hoàng là hai vấn đề riêng biệt, nhưng chúng vẫn sẽ được giải quyết cùng nhau trong tiểu mục này vì chúng được cùng một công đồng định nghĩa.

2.3.1. Một Phương Thức Chú Giải Vatican I

60. Vatican I nên được hiểu trong khuôn khổ bối cảnh lịch sử của nó. Nhóm Farfa Sabina (2009, 106), Groupe des Dombes (2014, 198), Nhóm St Irenaeus (2018, 10.1–10.6), và cuộc đối thoại Chính thống giáo-Công Giáo quốc tế (O-C 2023, 3.5) tất cả đều suy tư về sự kiện vào thế kỷ 19, Giáo Hội Công Giáo đã ứng phó với nhiều thách thức khác nhau. Về mặt giáo hội học, chủ nghĩa Gallicanism [Pháp quốc] đã hồi sinh khái niệm về chủ nghĩa duy công đồng [conciliarism] bằng cách nhấn mạnh vào quyền tự chủ của các Giáo hội quốc gia. Về mặt chính trị, Giáo hội bị thách thức bởi chủ nghĩa quân chủ (sự kiểm soát ngày càng tăng của nhà nước đối với Giáo hội) và bởi ảnh hưởng ngày càng tăng của chủ nghĩa tự do chống giáo sĩ. Về mặt trí tuệ, chủ nghĩa duy lý và các phát triển khoa học hiện đại đã đặt ra câu hỏi về các công thức truyền thống của đức tin.

Để phản ứng lại những thách thức này và như một biện pháp chống lại chúng, phong trào bảo thủ quá khích [ultramontane] đã cổ vũ quyền lãnh đạo của giáo hoàng và việc thành lập một giáo hội tập quyền hơn theo mô hình các chế độ chính trị đương thời về chủ quyền. Trong bối cảnh này, “phần lớn các giám mục nhìn thấy trong một ngôi giáo hoàng được tăng cường một sự bảo vệ cho quyền tự do của giáo hội và nói chung một sức mạnh cho sự hiệp nhất trước thế giới hiện đại” (Farfa 2009, 106).

61. Một yếu tố phức tạp hơn nữa là sự gián đoạn của Công đồng do hậu quả của Chiến tranh Pháp-Phổ bùng nổ vào năm 1870, góp phần gây mất cân bằng trong giáo hội học của nó: Công đồng không thể vượt ra ngoài một văn kiện giáo hội học ban đầu về giáo hoàng, và do đó đã không xử lý được sự mâu thuẫn của Giáo hội như một toàn thể (xem O-C 2023, 3.5). Vấn đề về các giám mục trong Giáo hội, nhiệm vụ và quyền lợi của họ, không được tranh luận chi tiết và được xây dựng thành học thuyết của Giáo hội cho đến Công đồng Vatican II. Vì lý do này, Nhóm Farfa Sabina tuyên bố: “Quy tắc giải thích cho rằng các kết quả của Công đồng Vatican I phải được đọc dưới góc độ các tuyên bố của Công đồng Vatican II phù hợp với các sự kiện lịch sử này. Theo cách này, nội dung của những gì đã hoàn thành vào năm 1870 được bảo tồn trong khi đồng thời được xem xét trong bối cảnh phức tạp hơn” (Farfa 2009, 116).

b. Phân biệt giữa ý định và cách diễn đạt

62. Một nguyên tắc giải thích quan trọng khác là giải thích Công đồng Vatican I dưới góc độ các ý định của công đồng. Như Nhóm Thánh Irenaeus tuyên bố: “Một giải thích về tín điều hướng sự chú ý đến sự kiện người ta phải phân biệt giữa công thức của một tín điều (‘điều được nói ra’) và ý định của việc tuyên bố (‘điều được ngụ ý’)” (Thánh Irenaeus 2018, 3). Công đồng mong muốn các quyết định của mình được hiểu “theo niềm tin cổ xưa và liên tục của Giáo hội hoàn cầu” (*Pastor æternus* [PA] Giới thiệu, DH 3052), vì nó “được chứa trong các biên bản của các Công đồng chung và trong các Điều luật thánh thiêng” (PA III, DH 3059), đặc biệt là những điều khoản “trong đó, Giáo hội phương Tây và phương Đông đã hiệp nhất trong đức tin và tình yêu” (PAIV, DH 3065). Do đó, Nhóm Farfa Sabina kêu gọi việc phân biệt giữa *enuntiabile* [những điều có thể nói ra], được điều kiện hóa bởi một bối cảnh cụ thể và ngôn ngữ, và *res* [sự việc] của các định nghĩa tín điều của Công đồng Vatican I:

“Chính định nghĩa và những gì nó định nghĩa là *enuntiabile*, nhưng hành vi đức tin không hướng đến nó, mà hướng đến những gì nó có ý định, tức là ý nghĩa của nó, là *res* mà nó có ý muốn nói” (Farfa 2009, 178). “Nếu có sự phân biệt như vậy, thì ý nghĩa của tín điều bất khả ngộ và tính tối thượng của quyền tài phán có thể được thiết lập một cách khách quan như sau: (1) giúp bảo đảm sự hiệp nhất của Giáo hội trong các vấn đề nền tảng của đức tin Kitô giáo trong những trường hợp đức tin bị đe dọa; (2) bảo đảm quyền tự do công bố Tin mừng và quyền tự do đề cử vào các chức vụ giáo hội trong mọi hệ thống xã hội” (id., 179).

63. Trên cơ sở sự phân biệt này, Nhóm Farfa Sabina đã có thể kết luận: “Kết quả của các cuộc điều tra lịch sử mới hơn hiện nay cho phép người ta phân biệt ý nghĩa thực sự có chủ đích của Công đồng Vatican I với cách diễn đạt trong hoàn cảnh thịnh hành vào thời điểm đó. Tuy nhiên, chính bộ trang phục này, cách thức xây dựng học thuyết này đã ủng hộ cách giải thích duy tối đa đang thịnh hành của cả hai tín điều trong quá khứ. Công đồng này không có ý định phủ nhận hoặc bác bỏ truyền thống của thiên niên kỷ đầu tiên, cụ thể: giáo hội như một mạng lưới các giáo hội thông đạt lẫn nhau. Mặc dù chắc chắn có thể còn quá sớm để tuyên bố rằng những khác biệt liên quan đến thừa tác vụ giáo hoàng đã được khắc

phục, nhưng quan điểm mới về Công đồng Vatican I cho phép những người theo Luther và những người khác có thể đưa ra đánh giá mới về các định nghĩa của công đồng” (id., 259).

c. Sự khác biệt giữa bản văn và cách giải thích nó

64. Ngoài ra, việc giải thích tiếp theo của các nghị quyết của huấn quyền Công Giáo có ý nghĩa quan trọng nhất để hiểu đầy đủ về giáo huấn của Công đồng. Thật vậy, “cuộc điều tra lịch sử dẫn đến việc người ta nhận thấy rằng nhiều cách trong đó Công đồng Vatican I được tiếp nhận, đặc biệt là những cách duy tối đa [maximalist], không trung thành với các định nghĩa của công đồng [...] Chỉ khi người ta ý thức được những khác biệt này giữa ý định ban đầu và sự tiếp nhận sau đó, họ mới có thể vượt qua được những thái độ biện hộ sau đó” (Thánh Irenaeus 2018, 10.10).

65. Về mặt lịch sử, “Phản hồi của các giám mục Đức đối với Công văn luân lưu của Bismarck” năm 1875 có tầm quan trọng sống còn, bởi vì nó được Đức Piô IX, vị giáo hoàng đã triệu tập Công đồng, tiếp nhận như là cách giải thích xác thực của nó. Theo Phản hồi này, quyền tối thượng tài phán của giáo hoàng không làm giảm quyền hạn thông thường của các giám mục, bởi vì chức giám mục được dựa trên “cùng một định chế thần thiêng” như chức vụ giáo hoàng. Về tính bất khả ngộ, Phản hồi chỉ ra rằng nó bao gồm "chính xác cùng một phạm vi như quyền giáo huấn bất khả ngộ của Giáo hội nói chung và bị ràng buộc với nội dung của Thánh Kinh và truyền thống và với các quyết định về tín lý mà huấn quyền đã thông qua" (xem Farfa 2009, 104; Thánh Irenaeus 2018, 10.8; O-C 2023, 3.6).

66. Nhưng trên hết, Công đồng Vatican I chỉ có thể được tiếp nhận một cách đúng đắn dưới ánh sáng giáo huấn của Công đồng Vatican II. Công đồng Vatican II đã giải quyết các câu hỏi vẫn còn bỏ ngỏ tại Công đồng Vatican I, cụ thể là cách hiểu về chức giám mục và cách thức nó liên quan đến thừa tác vụ giáo hoàng.

Một số sự dè dặt, được thiếu số bày tỏ tại Công đồng Vatican I, đã được xem xét và đưa vào các tuyên bố về quyền tối thượng của giáo hoàng. Về tính bất khả ngộ, Hiến chế về Mạc Khải Thiên Chúa, *Dei verbum*, khẳng

định rằng “chức vụ giảng dạy sống động của Giáo hội [...] không cao hơn lời của Thiên Chúa, nhưng phục vụ lời đó, chỉ giảng dạy những gì đã được truyền lại” (DV 10), và Hiến chế về Giáo hội, *Lumen gentium*, chủ trương rằng chính “toàn thể tín hữu [không] sai lầm trong các vấn đề đức tin” (LG 12). Trong giáo huấn về tính bí tích của chức giám mục (LG 21), Công đồng Vatican II đã tái lập mối liên hệ giữa các quyền bí tích và quyền tài phán được ban qua việc phong chức: (15) “Điều này có nghĩa là một giám mục sở hữu thẩm quyền do việc phong chức của mình mà không được ủy quyền tài phán bởi giám mục Rôma. Tuy nhiên, việc thực thi thẩm quyền này cuối cùng được kiểm soát bởi thẩm quyền tối cao của Giáo hội.” (L– C US 2004, 218). Sự kiện cả quyền hạn về trật tự và quyền tài phán đều bắt nguồn từ việc phong chức phản ánh sự kiện Chúa Kitô là nguồn sức mạnh và là mô hình cho việc thực thi thẩm quyền trong Giáo hội. Thật vậy, “giám mục nhận được cả quyền bí tích và quyền mục vụ trực tiếp từ Chúa Kitô thông qua việc phong chức và tấn phong giám mục” (Farfa 2009, 111). Trên cơ sở này, Hiến chế *Lumen gentium* nhấn mạnh tầm quan trọng của tính hợp đoàn giám mục, bắt nguồn từ “sự thiết lập và lệnh truyền của Chúa Kitô là phải quan tâm đến toàn thể Giáo hội” (LG 23, cũng xem LG 22 và 25). Khi làm như vậy, “thần học của Công đồng Vatican II đã phát triển giáo huấn của Công đồng Vatican I, đưa ra một lời giải thích cân bằng hơn về mối quan hệ giữa giáo hoàng với các giám mục và giữa các giám mục với dân Chúa. Giám mục Rôma là người đứng đầu hợp đoàn giám mục, những người chia sẻ trách nhiệm của mình đối với giáo hội hoàn vũ. Thẩm quyền của ngài mang tính mục vụ ngay cả khi mang tính tài phán về hình thức. Nó luôn phải được hiểu trong bối cảnh tính hợp đoàn của nó” (L– C US 1973, 20). Khái niệm công đồng về tính hợp đoàn đã được phát triển hơn nữa trong nguyên tắc rộng hơn về tính đồng nghị, đặc biệt là trong giáo huấn của Đức Giáo Hoàng Phanxicô: Thượng hội đồng giám mục, luôn hành động “*cum Petro et sub Petro* [cùng Phê-rô và dưới Phê-rô]” trong *hierarchica communio* [hiệp thông có phẩm trật] (xem LG 21–22), ở bình diện Giáo hội hoàn vũ, là “một biểu thức của tính hợp đoàn giám mục trong một Giáo hội hoàn toàn đồng nghị”.(16)

(13). Xem, ví dụ, Joseph Ratzinger: “Cũng như trong Kinh thánh có hiện tượng tái giảng [...], thì các tín điều và tuyên bố riêng lẻ của các Công đồng cũng không được hiểu là biệt lập, mà đúng hơn trong diễn trình tái

giảng tín điều-lich sử trong sự thống nhất này của lịch sử đức tin. [...] Rõ ràng là nhận thức này có ý nghĩa nền tảng đối với việc giải thích Công đồng Vatican I”, (Joseph Ratzinger, *Das neue Volk Gottes: Entwürfe zur Ekklesiologie*, ấn bản lần thứ 2 [Düsseldorf: Patmos, 1970], 140–141); xem thêm Walter Kasper: “Theo quan điểm Công Giáo, sự tiếp nhận lại như vậy không đặt ra câu hỏi về tính hợp lệ của các định nghĩa của Công đồng, mà liên quan đến các diễn giải của Công đồng. Vì sự tiếp nhận không có nghĩa là sự chấp nhận thụ động tự động, mà là một quá trình tiếp nhận sống động và sáng tạo,” “Petrine Ministry and Synodality [Thừa tác vụ Phê-rô và tính Đồng nghị]”, *The Jurist* 66, 1 (2006), 302. Xem thêm Yves Congar, *Diversités et communion. Dossier historique et conclusion théologique* [Các đa dạng và hiệp thông. Hồ sơ lịch sử và kết luận thần học], Paris, Éditions du Cerf, 1982, tr. 244–257. 2014, 196–206),

(14). Xem Walter Kasper, “Catholic Hermeneutics of the Dogmas of the First Vatican Council”, *The Petrine Ministry. Catholics and Orthodox in Dialogue*, Walter Kasper (biên tập), New York, The Newman Press, 2006.

(15). Xem đặc biệt *Nota explicativa prævia* được công bố dưới dạng phụ lục của *Lumen gentium*.

(16). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn đánh dấu kỷ niệm 50 năm thành lập Thượng hội đồng giám mục*, ngày 17 tháng 10 năm 2015.

2.3.2. MỘT CHÚ GIẢI VỀ CÁC TÍN ĐIỀU

a. Quyền tối thượng tài phán

67. Để giải thích thỏa đáng các định nghĩa của Công đồng Vatican I, nhiều cuộc đối thoại đã nghiên cứu lịch sử bản văn *Pastor æternus*, đặc biệt là bối cảnh đã quyết định việc lựa chọn các thuật ngữ được sử dụng (đặc biệt là các giải thích của Giám mục Zinelli, phát biểu thay mặt cho Phái đoàn Đức tin). Các cuộc đối thoại đã có thể làm rõ rằng, theo các diễn tiến của Công đồng, tín điều về quyền tài phán phổ quát bao gồm một số hạn chế.(17) Chính Hiến chế nhấn mạnh rằng thẩm quyền “thông thường và trực tiếp” của mọi giám mục trong Giáo hội đặc thù của mình

phải được “khẳng định, củng cố và biện minh” bằng việc thực thi thừa tác vụ Giám mục của Rôma (*Pastor aeternus* III, DH 3064). Việc làm rõ ý nghĩa của các thuật ngữ này đã giúp hiểu rõ hơn ý định của Công đồng. Như ARCIC giải thích:

“Những khó khăn đã nảy sinh từ việc Công đồng Vatican đầu tiên quy định quyền tài phán phổ quát, thông thường và trực tiếp cho giám mục Rôma. Việc hiểu sai các từ ngữ kỹ thuật này đã làm trầm trọng thêm các khó khăn. Quyền tài phán của giám mục Rôma với tư cách là giám mục hoàn cầu được gọi là thông thường và trực tiếp (tức là không có trung gian) vì nó vốn có trong chức vụ của ngài; nó được gọi là phổ quát đơn giản vì nó phải giúp ngài có khả năng phục vụ sự hiệp nhất và hòa hợp hiệp thông như một tổng thể và trong từng bộ phận của nó” (ARCIC 1981, 18; xem thêm MERCIC 1986, 61). “Sau khi xem xét những gì thực sự đã được bỏ phiếu tại công đồng”, Nhóm Farfa Sabina có thể tuyên bố rằng “tóm lại, rõ ràng là Vatican I không biến giáo hoàng thành một quân chủ tuyệt đối của giáo hội” (Farfa 2009, 105).

68. Bất chấp những minh giải này, các cuộc đối thoại thần học vẫn bày tỏ nhu cầu tích hợp giáo huấn của Vatican I về quyền tài phán trong một *communio ecclesiology* [giáo hội học hiệp thông]. Như cuộc đối thoại Lutheran–Catholic của Đức nêu rõ: “Đối với sự hiểu biết của Luther, nguyên tắc về 'quyền tối thượng tài phán' là không thể chấp nhận được, trừ khi hình thức của nó được chìm vào cấu trúc *communio* [hiệp thông] của Giáo hội” (L–C Germ 2000, 198). Thật vậy, “một số người coi việc Giám mục của Rôma cho rằng, do định chế thần linh, mình có thẩm quyền tài phán thông thường, trực tiếp và phổ quát đối với toàn thể Giáo hội là một mối đe dọa đối với tính toàn vẹn của hợp đoàn giám mục và đối với thẩm quyền tông truyền của các giám mục, những người anh em mà Phê-rô được lệnh củng cố” (*Phản hồi của Viện giám mục của Giáo hội Anh*, 47). Tương tự như vậy, cuộc đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo quốc tế lưu ý rằng “Đối với Chính thống giáo, một giáo hội học như vậy là một sự rời xa nghiêm trọng với truyền thống chính thống của các Giáo phụ và các công đồng chung, vì nó làm lu mờ tính Công Giáo của mỗi Giáo hội địa phương” (O-C 2023, 3.10).

b. Ôn bất khả ngộ

69. Bằng cách nghiên cứu bối cảnh lịch sử của Công đồng Vatican I, các diễn tiến của nó (đặc biệt chú ý đến mối quan hệ của Giám mục Gasser, chủ tịch của ủy ban chịu trách nhiệm), và sự tiếp nhận nó, một số cuộc đối thoại thần học đã có thể làm rõ ý nghĩa của một số thuật ngữ liên quan đến tín điều về ơn bất khả ngộ và nhất trí về các khía cạnh tín lý của nó (xem L–C US 1978, Farfa 2009, Dombes 2014)

Minh giải các biểu thức và ý định

70. Các cuộc đối thoại thần học đã có thể làm rõ cách dùng lời của tín điều. Cuộc đối thoại Lutheran–Công Giáo tại Hoa Kỳ (1978), Groupe des Dombes (2014) và Nhóm Farfa Sabina, nói riêng, đưa ra “một số sửa đổi quan trọng giúp xóa bỏ nhiều định kiến và hiểu lầm thông thường” và làm rõ điều gì không phải là bất khả ngộ (Farfa 2009, 263): (1) bất khả ngộ không phải là một phẩm chất cá nhân: “Công đồng Vatican I không tuyên bố mà không có điều kiện rằng giáo hoàng là bất khả ngộ. Thay vào đó, nó dạy rằng khi thực hiện một số hành vi được chỉ định rất hẹp, ngài được ban cho cùng một sự bất khả ngộ mà Chúa Kitô đã ban cho Giáo hội của Người (DS 3074)” (L–C US 1978, 14; cũng như MERCIC 1986, 71) – nói cách khác, nó “không định nghĩa ơn bất khả ngộ cá nhân của giáo hoàng, mà là khả năng của ngài trong một số điều kiện nhất định để tuyên bố một cách bất khả ngộ đức tin của Giáo hội” (O-C 2023, 3.7); (2) ơn bất khả ngộ không độc lập với Giáo hội và tuyên bố cho rằng các định nghĩa của giáo hoàng là không thể đảo ngược “tự chính chúng và không phải bởi sự đồng ý của Giáo hội (*ex sese, non autem ex consensu ecclesiae*)” đã được thêm vào “với mục đích loại trừ khuynh hướng của một số người Gallican và những người theo chủ nghĩa duy công đồng, những người coi sự chấp thuận của các giám mục là cần thiết để mang lại sự bất khả ngộ cho bất cứ định nghĩa nào của giáo hoàng. Thuật ngữ đồng thuận tại Vatican I được hiểu theo nghĩa pháp lý là sự chấp thuận chính thức chứ không phải theo nghĩa chung hơn là sự đồng ý hoặc chấp nhận của toàn thể Giáo hội” (L–C US 1978, 17; cũng như O-C 2023, 3.7); (3) ơn bất khả ngộ không phải là tuyệt đối vì nó bị giới hạn không những bởi chủ thể và hành động của nó, mà còn bởi đối tượng của nó, vì giáo hoàng không thể công bố một giáo huấn mới, mà chỉ đưa ra một công thức phát triển hơn về một học thuyết đã bắt nguồn từ đức tin của Giáo hội

(*depositum fidei*) (PA IV). Trong cuộc đối thoại Luther-Công Giáo tại Hoa Kỳ, các thành viên Luther thừa nhận rằng “ngôn ngữ bất khả ngộ không nhằm thêm bất cứ điều gì vào thẩm quyền của Tin mừng, mà đúng hơn là để thẩm quyền đó được công nhận mà không có sự mơ hồ.” (L–C US 1978, “Suy gẫm Luther” 12). Tương tự như vậy, ARCIC khẳng định, “sự không thể sai lầm chỉ có nghĩa là giữ cho phán đoán khỏi sai lầm để duy trì Giáo hội trong chân lý, chứ không phải linh hứng hay mặc khải tích cực. Hơn nữa, ơn bất khả ngộ được gán cho giám mục Rôma là một ân huệ, trong một số hoàn cảnh và trong những điều kiện nhất định, để trở thành một cơ quan của ơn bất khả ngộ của Giáo hội” (ARCIC 1981, chú thích 7).

71. Ngoài việc minh giải cách dùng lời của chính tín điều, các cuộc đối thoại cũng có thể tìm thấy một số hội tụ về ý nghĩa của nó, đặc biệt là nhận ra nhu cầu về một thẩm quyền giảng dạy thể nhân, vì sự hiệp nhất của Giáo hội là sự hiệp nhất trong chân lý. Trong cuộc đối thoại Lutheran-Công Giáo tại Hoa Kỳ, các thành viên Lutheran cho biết họ được khuyến khích "xem xét tầm quan trọng của việc các giáo hội lên tiếng, khi hoàn cảnh đòi hỏi, với một tiếng nói duy nhất trên thế giới và một thừa tác vụ giảng dạy phổ quát như thừa tác vụ của giáo hoàng có thể thực thi một thừa tác vụ hiệp nhất mang tính giải phóng và trao quyền thay vì hạn chế hoặc đàn áp" (L–C US 1978, 18). Theo ARCIC, người thực thi một thừa tác vụ hiệp nhất phổ quát cũng nắm giữ một thẩm quyền giáo huấn đặc thù: "Phán quyết của Giáo hội thường được đưa ra thông qua quyết định của thượng hội đồng, nhưng đôi khi một giáo chủ hành động trong sự hiệp thông với các giám mục đồng cấp của mình có thể đưa ra quyết định ngay cả khi không có thượng hội đồng. Mặc dù trách nhiệm bảo vệ Giáo hội khỏi sai lầm cơ bản thuộc về toàn thể Giáo hội, nhưng trách nhiệm này có thể được thực thi thay mặt cho Giáo hội bởi vị giám mục phổ quát [...] Trên thực tế, đã có những thời điểm trong lịch sử của Giáo hội khi cả các công đồng lẫn các giáo chủ phổ quát đều bảo vệ các lập trường hợp pháp đang bị tấn công" (ARCIC 1981, 28). Khi đó, Giáo hội cần cả thẩm quyền giảng dạy mang tính hợp đoàn lẫn cá nhân: “[...] Giáo hội cần cả một thẩm quyền đa dạng, phân tán, mà với nó, toàn thể dân Chúa đều tham gia tích cực, và một giáo chủ phổ quát như đây tớ và là tập chú của sự hiệp nhất hữu hình trong chân lý và tình yêu. Điều này không có nghĩa là mọi khác biệt đã bị xóa bỏ; nhưng nếu

bất cứ chức năng và chức vụ Phê-rô nào được thực thi trong Giáo hội sống động mà một giám mục phổ quát được kêu gọi phục vụ như một tập chủ hữu hình của nó, thì cố hữu trong chức vụ của ngài là việc ngài nên có cả trách nhiệm giáo huấn được xác định lẫn ơn ban thích đáng của Chúa Thánh Thần giúp ngài thực hiện nó” (id.,33). Trong Phản hồi của mình cho *Ut unum sint*, Giáo hội Anh cũng công nhận rằng “Do đó, các người Anh giáo không hề phản đối nguyên tắc và thực hành của một thừa tác vụ thể nhân ở bình diện thế giới trong việc phục vụ sự hiệp nhất. Thật vậy, kinh nghiệm của họ về Hiệp thông Anh giáo ngày càng khiến họ đánh giá cao nhu cầu thích đáng, bên cạnh các thừa tác vụ cộng đồng và hợp đoàn, phải có một dịch vụ thể nhân cho sự hiệp nhất trong đức tin” (44). Tương tự như vậy, Nhóm des Dombes tuyên bố: “Mỗi hợp đoàn nên được chủ trì để đưa ra quyết định về tín lý, kết luận về một vấn đề nhất định và phát biểu sự đồng thanh nhất trí của nó. Dữ kiện sâu sắc của con người này được chứng thực trong Tân Ước với vai trò chủ tịch do các tông đồ, đặc biệt là Phê-rô, bất kể các Giáo hội có thể rút ra những hệ luận nào từ đó. Quyền hạn của chức chủ tịch thể nhân thường đại diện, đảm nhận và tóm tắt trong đó thẩm quyền của cộng đồng và của hợp đoàn thừa tác” (Dombes 2014, 346).

Những đề dặt còn lại

72. Bất chấp những minh giải này, các cuộc đối thoại vẫn bày tỏ những mối quan tâm liên quan đến các nguyên tắc sau:

(1) *Quyền tối thượng của Tin mừng, một điểm đặc biệt quan trọng đối với phái Luther.* “Nguyên tắc bất khả ngộ là không thể chấp nhận được đối với sự hiểu biết của người Luther trừ khi các quyết định *ex cathedra* của giáo hoàng vẫn nằm trong điều khoản cuối cùng của sự mặc khải được đưa ra trong Kinh thánh” (L–C Germ 2000, 198, xem thêm L–C US 1978, 41, 52; L–C US 2004, 117). Về phần mình, người Công Giáo thừa nhận rằng “vẫn còn một nhiệm vụ đại kết quan trọng đối với người Công Giáo: ơn bất khả ngộ phải được xem xét thêm dưới góc độ quyền tối thượng của Tin mừng và hành động cứu rỗi của Chúa Kitô; nhưng điều quan trọng nữa là phải cho thấy ơn bất khả ngộ có thể phục vụ cho dân Chúa ra sao bằng cách thể hiện quyền tối thượng đó” (L–C US 1978, 75).

(2) *Ơn bất khả ngộ phục vụ cho sự bất khả ngộ của toàn thể Giáo hội.* *Lumen gentium* mô tả ơn bất khả ngộ như một hồng phúc mà toàn thể Giáo hội được “ban tặng” (LG 25; xem thêm LG 12, xem ở trên §66).

Tuy nhiên, một số cuộc đối thoại đã bày tỏ sự dè dặt về việc sử dụng thuật ngữ này: “Chúng tôi đồng ý rằng đây là một thuật ngữ chỉ áp dụng vô điều kiện cho Thiên Chúa, và việc sử dụng nó cho một con người, ngay cả trong những hoàn cảnh rất hạn chế, có thể gây ra nhiều hiểu lầm [...] Chúng tôi cũng thừa nhận rằng việc gán cho giám mục Rôma ơn bất khả ngộ trong một số điều kiện nhất định có xu hướng mang lại tầm quan trọng quá mức cho tất cả các tuyên bố của ngài” (ARCIC 1981, 32; xem thêm Farfa 2009, 263). Trong cùng một tinh thần phê phán: “Những người theo Giáo hội Giám lý có vấn đề đối với sự hiểu biết của Công Giáo Rôma về ơn bất khả ngộ, đặc biệt là khi nó dường như ngụ ý một sự phân định chân lý vượt quá khả năng của con người tội lỗi [...] Những người theo Giáo hội Giám lý còn gặp khó khăn hơn nữa với ý tưởng cho rằng Giám mục Rôma có thể hành động trong quá trình này thay mặt cho toàn thể Giáo hội” (MERCIC 1986, 72–73). Một khái niệm rộng hơn thường được các cuộc đối thoại ưa chuộng là khái niệm *bất khả khuyết* [indefectibility], “một ý niệm không nói về việc Giáo hội không có khuyết điểm nhưng tuyên xưng rằng, bất chấp tất cả những điểm yếu và thất bại của mình, Chúa Kitô vẫn trung thành với lời hứa của Người rằng các công địa ngục sẽ không thắng thế trước Giáo hội” (ARCIC 1981, chú thích 3). Một số người trong số họ lưu ý trong lịch sử của Giáo Hội Công Giáo có một “sự chuyển động từ tính bất khả khuyết (hoặc không sai lầm) của Giáo hội sang tính bất khả ngộ của huấn quyền Giáo hội” (Dombes 2014, 192) và nhấn mạnh rằng ơn bất khả ngộ nên được hiểu là “phục vụ cho sự bất khả khuyết của Giáo hội” (ARCIC II 1999, 42).

Thật vậy, “lời hứa thần thiêng về việc ở lại trong sự thật chủ yếu được hiểu là có liên quan đến *indefectibilitas ecclesiae*” (khuyết điểm của Giáo hội) (Farfa 2009, 272), mà “việc duy trì” nó được hiểu là “công trình tối cao của Thiên Chúa” (L–C US 1978, 3). Cả tính bất khả khuyết và ơn bất khả ngộ đều là những biểu thức của đức tin vào Chúa Thánh Thần, Đấng mà Chúa Kitô đã hứa sẽ dẫn chúng ta đến toàn bộ sự thật (Ga 16:13).

(3) *Việc thực thi tính hợp đoàn giám mục.* Định nghĩa của Công đồng

Vatican I không loại trừ sự cần thiết phải tham vấn với hợp đoàn giám mục, và ám chỉ đến những cách khác nhau để phân định đức tin của toàn thể Giáo hội (các công đồng chung, tham vấn ý kiến của các Giáo hội rải rác, các công đồng đặc biệt và “các phương tiện khác do Chúa quan phòng ban cho”, xem *Pastor æternus* IV). Thật vậy, cần lưu ý rằng một cuộc tham vấn rộng rãi của các giám mục Công Giáo, hỏi họ về đức tin và lòng sùng kính của giáo sĩ và toàn thể dân Chúa, đã được thực hiện để chuẩn bị cho việc công bố các tín điều về Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội (1854) bằng thông điệp *Ubi primum* (1849) và về Đức Mẹ Lên Trời (1950) bằng thông điệp *Deiparæ Virginis Mariæ* (1946, được trích dẫn trong Tông Hiến *Munificentissimus Deus*, 1950, 11–12). Tuy nhiên, Vatican I “vẫn im lặng về nhu cầu phải có sự tham gia hoặc tham vấn của giáo hội trong việc thiết lập chân lý” vì quan tâm đến việc tránh chủ nghĩa Gallicanism (Farfa 2009, 80) và không hệ thống hóa quá trình tham vấn để xác định đức tin của giáo hội. Công đồng Vatican II đã hoàn thiện Công đồng Vatican I thông qua giáo huấn của mình về tính hợp đoàn của giám mục (LG 22–23, 25) (xem ở trên §66): “Công đồng Vatican II đã kết hợp và hoàn thiện giáo huấn của Công đồng Vatican I rằng giáo hoàng có thẩm quyền tối cao và toàn quyền đối với Giáo hội và rằng trong một số hoàn cảnh nhất định, ngài có thể tuyên bố đức tin của Giáo hội một cách bất khả ngộ bằng cách nói rằng đoàn giám mục (‘hợp đoàn giám mục’) trong sự hiệp nhất với người đứng đầu của nó, tức giáo hoàng, cũng thực thi cả hai đặc quyền này (*Lumen Gentium*, 22, 25, tương ứng)” (O-C 2023, 4.7); công đồng “tiếp thu các định nghĩa của Công đồng Vatican I về quyền tối thượng của giáo hoàng và bổ sung chúng bằng cách nhấn mạnh vai trò của các giám mục” (Thánh Irenaeus 2018, 11.12). Tuy nhiên, “theo quan điểm Chính thống giáo, nó đã không đi đủ xa trong việc xem xét lại các tín điều của Vatican I về ơn bất khả ngộ và quyền tối thượng của giáo hoàng” (id., 11.14). ARCIC đã đặt câu hỏi về việc giáo huấn của Vatican II về vấn đề này đã thay đổi thực hành của Giáo Hội Công Giáo đến mức nào, khi họ hỏi: “Liệu giáo huấn của Công đồng Vatican II về tính hợp đoàn của các giám mục đã được thực hiện đầy đủ chưa?” (ARCIC 1999, 57).

(4) *Sự cần thiết của việc tiếp nhận*. Ngoài tính hợp đoàn của các giám mục, nhiều đối tác đại kết khẳng định nhu cầu phải có sự suy tư mới về mối quan hệ giữa thẩm quyền giảng dạy và sự tiếp nhận của toàn thể Giáo

hội, công nhận tầm quan trọng của vai trò ‘*sensus fidei*’ của các tín đồ cá thể và của toàn thể tín hữu – ‘*sensus fidelium*’. ARCIC tuyên bố rằng “mặc dù không phải thông qua sự tiếp nhận của dân Chúa mà một định nghĩa đầu tiên có được thẩm quyền, nhưng sự đồng thuận của các tín hữu là dấu hiệu cuối cùng cho thấy quyết định có thẩm quyền của Giáo hội trong vấn đề đức tin đã thực sự được Chúa Thánh Thần bảo vệ khỏi sai lầm” (ARCIC 1981, 25). Do đó, “Mặc dù chúng ta đồng ý về nhu cầu phải có một quyền tối cao phổ quát trong một Giáo hội thống nhất, nhưng những người Anh giáo không chấp nhận quyền sở hữu, có bảo đảm, một hồng ân hỗ trợ của Thiên Chúa như vậy trong phán đoán vốn nhất thiết phải gắn liền với thừa tác vụ của giám mục Rôma, nhờ đó các quyết định chính thức của ngài có thể được biết là hoàn toàn chắc chắn trước khi được các tín hữu tiếp nhận” (id., 31). Để trả lời cho *Ut unum sint*, Viện Giám mục của Giáo hội Anh đã nhắc lại một trong những tuyên bố trước đây của mình: “những người Anh giáo nói ‘có’ với quyền tối thượng phổ quát của giám mục Rôma như người đặc biệt biểu thị cho sự hiệp nhất và tính phổ quát của Giáo hội và thừa nhận trách nhiệm đặc biệt của ngài trong việc duy trì sự hiệp nhất trong chân lý và sắp xếp mọi thứ trong tình yêu là một chuyện; nhưng chuyện khác hẳn là đồng ý với sự bất khả ngộ mà không hiểu về sự tiếp nhận như chúng tôi đã mô tả” (46).

Đối thoại quốc tế Chính thống giáo-Công Giáo cũng lưu ý trong tài liệu mới nhất của mình rằng “Giáo hội Chính thống giáo cũng coi sự bất khả ngộ thuộc về Giáo hội như một toàn thể, được phát biểu qua các công đồng được toàn thể dân Chúa tiếp nhận” (O-C 2023, 3.10).

Các tài liệu trước đây của họ đã đề cập đến vấn đề tiếp nhận như một yêu cầu của tính đồng nghị: “Tính đại kết của các quyết định của một công đồng được công nhận thông qua quá trình tiếp nhận dài hạn hoặc ngắn hạn, theo đó toàn thể dân Chúa – thông qua suy tư, biện phân, thảo luận và cầu nguyện – thừa nhận trong những quyết định này một đức tin tông truyền duy nhất của các Giáo hội địa phương, đức tin này luôn giống nhau và các giám mục là những thầy dạy (*didaskaloi*) và là người bảo vệ. Quá trình tiếp nhận này được diễn giải khác nhau ở Đông và Tây tùy theo các truyền thống giáo luật tương ứng của họ. Do đó, tính công đồng hoặc tính đồng nghị liên quan đến nhiều thứ hơn là các giám mục được tập hợp. Nó liên quan đến cả các Giáo hội của họ. Những người trước là

người mang và lên tiếng cho đức tin của những người sau. Các quyết định của các giám mục phải được tiếp nhận trong đời sống của các Giáo hội, đặc biệt là trong đời sống phụng vụ của họ.

Mỗi Công đồng Chung được tiếp nhận như vậy, theo nghĩa đầy đủ và đúng đắn, do đó, là sự biểu hiện và phục vụ cho sự hiệp thông của toàn thể Giáo hội” (O–C 2007, 37–38; xem thêm O-C 2016, 18; OO–C 2015, 20).

73. Bất chấp những dè dặt còn lại này, một số cuộc đối thoại đã ghi nhận những tiến triển đầy hứa hẹn khi đọc lại Công đồng Vatican I. Ví dụ, các thành viên Luther của Nhóm Farfa Sabina đã có thể tuyên bố: “Theo góc độ này, chức giáo hoàng đã mất đi bản chất là một vấn đề gây tranh cãi không thể tránh khỏi giữa người Luther và người Công Giáo. Nếu Công đồng Vatican I được diễn giải như đã trình bày ở trên, người Luther có thể sẵn sàng công nhận chức giáo hoàng là một biểu thức hợp pháp của thừa tác vụ Phêrô về sự hiệp nhất cho Giáo Hội Công Giáo Rôma. Điều này không có nghĩa là hình thức hiện tại của thừa tác vụ giáo hoàng được Giáo hội Luther coi là hiện thân thích đáng cho thừa tác vụ giáo hội phổ quát của sự hiệp nhất cho sự *communio ecclesiarum* [hiệp thông các giáo hội] của tương lai” (Farfa 2009, 266). Tương tự như vậy, cuộc đối thoại Lutheran-Công Giáo ở Úc tuyên bố rằng “Người Lutheran có thể nhận ra rằng cách Giáo Hội Công Giáo ngày nay giảng dạy học thuyết về sự bất khả ngộ của giáo hoàng có nhiều điểm chung với cách hiểu của phái Luther về sự bất khả ngộ của lời Chúa và sự bất khả khuyết của Giáo Hội Công Giáo, nơi tiếp nhận lời này và truyền nó lại trong việc công bố và giảng dạy của mình” (L–C Aus 2016, 125).

(17). Như Nhóm Farfa Sabina đã minh giải: (1) cùng một tính viên mãn quyền lực thuộc về các giám mục họp trong một công đồng cùng với giáo hoàng; (2) quyền hạn của giáo hoàng bị giới hạn bởi luật tự nhiên và thiên luật (tức Mặc khải) cũng như thông thường bởi luật giáo luật và luật thế tục; (3) trong khi quyền hạn của giáo hoàng là “thông thường” (tức là không được ủy quyền) và “trực tiếp” (tức là được thực hiện mà không cần nhờ đến trung gian), giáo hoàng thường không can thiệp vào cuộc sống hàng ngày của giáo hội địa phương, mà chỉ trong trường hợp ngoại lệ và trong trường hợp khẩn cấp; (4) quyền tài phán của giáo hoàng luôn buộc

phải cổ vũ việc xây dựng Giáo hội và không bao giờ gây nguy hiểm cho luật và trật tự thần thiêng của giáo hội (xem Farfa 2009, 102).

3. Các Góc Nhìn Cho Một Thừa Tác Vụ Hiệp Nhất Trong Một Giáo Hội Tái Hợp Nhất

74. Cách tiếp cận các câu hỏi thần học cơ bản vừa được đề cập đã mở ra những con đường mới để suy tư về cách một thừa tác vụ hiệp nhất có thể được thực thi trong một Giáo hội đã hòa giải. Như Ủy ban Đức tin và Trật tự của Hội đồng các Giáo hội Thế giới đã hỏi: “Nếu, theo ý muốn của Chúa Kitô, những chia rẽ hiện tại được khắc phục, thì làm thế nào một thừa tác vụ phát huy và cổ vũ sự hiệp nhất của Giáo hội ở bình diện hoàn vũ có thể được hiểu và thực hiện?” (FO 2013 TCTCV, 57).

3.1. Có Cần Thiết Một Quyền Tối Thượng Cho Toàn Thể Giáo Hội Không?

75. Trước khi xem xét các đặc điểm của một quyền tối thượng có thể có cho toàn thể Giáo hội, câu hỏi đầu tiên là liệu sự hiện hữu của một quyền tối thượng như vậy có cần thiết hay không. Nhiều cuộc đối thoại thần học và phản hồi cho *Ut unum sint* đã thừa nhận yêu cầu về một quyền tối thượng cho toàn thể Giáo hội. Ngoài các lập luận theo kinh thánh mà Giáo Hội Công Giáo thường đưa ra, họ đề xuất thêm các biện minh: lập luận về truyền thống tông đồ, lập luận về giáo hội học và lập luận thực dụng.

3.1.1. Lập Luận Từ Truyền Thống Tông Đồ

76. Từ Giáo hội Sơ khai, Kitô giáo được tổ chức thành các giáo phận tông đồ lớn chiếm một thứ bậc chuyên biệt, giáo phận Rôma là giáo phận đầu tiên trong phẩm trật. Các cuộc đối thoại giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo hội Chính thống giáo nhấn mạnh lập luận này. Trên cơ sở đó, vào năm 1989, Hội đồng Thần học Chính thống giáo–Công Giáo Bắc Mỹ thừa nhận rằng: “Chính thống giáo chấp nhận khái niệm quyền tối thượng phổ quát, nói đến nó như ‘quyền tối thượng danh dự’ được trao cho một *primus inter pares* [người thứ nhất trong những người bình đẳng]” (O–CUS 1989, 7)”. Đối thoại quốc tế Chính thống giáo–Công Giáo cũng có

thể nêu trong Văn kiện Ravenna rằng “thực tại quyền tối thượng ở bình diện hoàn cầu được cả Đông và Tây chấp nhận”, trong khi thừa nhận rằng “có những khác biệt về việc hiểu cách thức thực thi quyền này, và cả về nền tảng kinh thánh và thần học của nó” (O–C2007, 43). Văn kiện Chieti nêu rõ: “Giữa thế kỷ thứ tư và thứ bảy, thứ tự (*taxis*) của năm tòa thượng phụ đã được công nhận, dựa trên và được các công đồng chung chấp thuận, với tòa giám mục Rôma chiếm vị trí đầu tiên, thực thi quyền tối thượng danh dự (*presbeia tes times*), tiếp theo là các tòa giám mục Constantinople, Alexandria, Antioch và Jerusalem, theo thứ tự chuyên biệt đó, theo truyền thống chính thống.” (O–C 2016, 15). Trong tài liệu của nó, “lập trường của Tòa Thượng phụ Moscow về Vấn đề Quyền tối thượng trong Giáo hội Hoàn vũ” (2013), trong đó bày tỏ sự không đồng tình với phần cuối của Văn kiện Ravenna, Thánh Thượng hội đồng của Tòa Thượng phụ Moscow cũng công nhận sự hiện hữu của “quyền tối thượng danh dự trong Giáo hội Hoàn vũ” được thực thi trong thiên niên kỷ đầu tiên bởi Giám mục Rôma (4) và sau đó, trong Giáo hội Chính thống giáo nói chung, bởi Thượng phụ Constantinople: “Quyền tối thượng trong Giáo hội Chính thống giáo Hoàn vũ, vốn là quyền tối thượng danh dự theo bản chất của nó, chứ không phải quyền lực, rất quan trọng đối với chứng tá Chính thống giáo trong thế giới hiện đại” (5). Tuy nhiên, theo điều 28 của Chalcedon (không được Giáo hoàng Leo chấp nhận), trong cách hiểu Chính thống giáo, quyền tối thượng của các giáo phận Rôma và Constantinople dựa trên vị thế đế quốc của họ hơn là nguồn gốc tông đồ của họ (xem §46 ở trên).

77. ARCIC cũng dựa vào lập luận về truyền thống tông đồ khi suy tư về quyền tối thượng phổ quát của tòa giám mục Rôma: “Tòa giám mục duy nhất có bất cứ yêu sách nào về quyền tối thượng phổ quát và đã thực thi và vẫn thực thi quyền giám mục như vậy là tòa giám mục Rôma, thành phố nơi Phêrô và Phaolô qua đời. Có vẻ như thích hợp việc trong bất cứ sự hiệp nhất trong tương lai nào, quyền tối thượng phổ quát như đã được mô tả nên được nắm giữ bởi tòa giám mục đó” (ARCIC 1976, 23; xem thêm ARCIC 2018, 42; FO 2013 TCTCV, 55, cũng sử dụng lập luận này).

78. Tương tự như vậy, cuộc đối thoại Công Giáo-Chính thống giáo Cũ trong tuyên bố hiệp nhất năm 1983 đã khẳng định: “Giám mục Rôma được hưởng một vị trí danh dự như vậy bởi vì tòa giám mục Rôma đứng

đầu trong trật tự các tòa giám mục: Rôma là thủ đô của đế quốc và Giáo hội của nó bảo tồn truyền thống tông đồ – vẫn không có bất cứ sự đổi mới nào; nó đã mang Tin mừng cứu rỗi đến với các dân tộc và quốc gia chưa từng nghe về Chúa Kitô và nó rất giàu có về đời sống Giáo hội và các công trình yêu thương. Vì vậy, Giám mục Rôma nắm giữ chức chủ tịch danh dự trong Giáo hội. Nhưng về mặt thẩm quyền giám mục, ngài không khác gì các giám mục anh em của mình” (trích dẫn trong OC–C 2009, Phụ lục văn bản 6).

79. Trong khi thừa nhận tầm quan trọng của các tòa đặc thù dựa trên truyền thống Tông đồ và thứ tự được ghi lại bởi các công đồng Chung đầu tiên (Ni-xê-a I, điều 6; Constantinople I, điều 2), các Giáo hội Chính thống giáo Đông phương, không giống như Chính thống giáo phương Đông, không công nhận một phẩm trật chuyên biệt giữa họ, vì họ không có một trung tâm hiệp thông phổ quát duy nhất, mà hoạt động trên cơ sở một mô hình độc lập và phổ quát, với đức tin tín lý chung" (OO–C 2009, 53), và sự hiệp thông của họ được thiết lập mà "không có điểm tham chiếu trung tâm rõ ràng" (OO–C 2015, 71; xem bên dưới §§92–93).

80. Đối với một số hiệp thông phương Tây, lập luận về truyền thống tông đồ không có trọng lượng đáng kể và do đó họ không thấy lý do tại sao quyền tối thượng nhất thiết phải thuộc về các tòa đặc thù. Ví dụ, Liên đoàn Báp-tít Anh Quốc trong Phản hồi (1997) cho Ut unum sint nêu rõ: “Nếu Thánh Linh dẫn dắt các giáo hội hướng tới tính hợp đoàn của các nhà lãnh đạo tinh thần trong đó một sự lãnh đạo chính (được hiểu theo nghĩa là sự phục vụ chính) sẽ hữu ích cho đời sống của Giáo hội, chúng tôi không thấy lý do tại sao điều này phải gắn liền vĩnh viễn với bất cứ một trong những trung tâm lịch sử của chứng tá Kitô giáo. Thật vậy, nhu cầu học hỏi từ thừa tác vụ của các giáo hội nghèo, bị áp bức và bị thiệt thòi trên thế giới của chúng ta có thể lập luận ngược lại”. Tuy nhiên, câu trả lời tương tự vẫn thừa nhận: “Tuy nhiên, sự hiệp thông hoàn cầu như vậy của các giáo hội Kitô giáo khó có thể xảy ra nếu không có sự lãnh đạo có ảnh hưởng của Giám mục Rôma trong quá trình này, và ở mức độ này, chúng tôi đồng ý với việc áp dụng lời của Chúa Giêsu phán với Phê-rô: ‘khi con đã quay lại, hãy củng cố anh em mình’”. Một cách rõ ràng, tầm quan trọng dành cho sự phát triển lịch sử của Giáo hội như một dấu chỉ ý muốn thần thiêng đối với nó ảnh hưởng đến việc chấp nhận hoặc

bác bỏ lập luận từ truyền thống tông đồ.

3.1.2. Lập Luận Giáo Hội Học: Quyền Tối Thượng Và Tính Đồng Nghị Ở Mọi Bình Diện Của Giáo Hội

81. Một số cuộc đối thoại đã tìm thấy sự biện minh cho việc thực thi quyền tối thượng phổ quát dựa trên sự công nhận rằng có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa quyền tối thượng và tính đồng nghị ở mọi bình diện của đời sống Giáo hội: địa phương, khu vực và phổ quát. Đối thoại Công Giáo Lutheran-Rôma tại Hoa Kỳ đã xây dựng rõ ràng câu hỏi: “Nếu sự phụ thuộc lẫn nhau giữa cộng đoàn và thừa tác vụ thụ phong là đặc trưng của cấu trúc giáo hội ở bình diện địa phương, khu vực và quốc gia, thì tại sao sự phụ thuộc lẫn nhau như vậy lại không được tìm thấy ở bình diện phổ quát?” (L-C US 2004, 118). Tương tự như vậy, ARCIC lập luận rằng, “nếu ý muốn của Chúa về sự hiệp nhất trong tình yêu và chân lý của toàn thể cộng đồng Kitô giáo được hoàn thành, thì mô hình chung của các khía cạnh tối thượng và cộng đồng vốn bổ túc cho nhau này của episkope phục vụ koinonia của các giáo hội cần phải được hiện thực hóa ở bình diện phổ quát” (ARCIC 1976, 23). Nhóm Dombes cũng nêu ra câu hỏi tương tự: “Ở bình diện thể nhân, kinh nghiệm về thừa tác vụ của Lời Chúa và các bí tích trong Giáo hội địa phương, và việc chủ trì các hội đồng và cộng đồng dự ứng rằng bất cứ biểu thức hữu hình nào của Giáo hội phổ quát đều đòi hỏi một thừa tác vụ hiệp thông. Các Giáo hội Cải cách nên tự hỏi về những lý do cản trở họ, hiện tại, trong việc hình thành và công nhận một thừa tác vụ như vậy sẽ được thực hiện vì lợi ích của sự hiệp thông của toàn thể Giáo hội” (Dombes 1985, 157). Trên cơ sở của cùng một lập luận, quyền tối thượng ở bình diện phổ quát đã được công nhận là thuộc về bản chất của Giáo hội bởi một số cuộc đối thoại. Trên thực tế, cuộc đối thoại Lutheran-Công Giáo ở Đức đã có thể tuyên bố: “Một thừa tác vụ của giáo hội phổ quát cho sự hiệp nhất và chân lý của giáo hội tương ứng với bản chất và sứ mệnh của giáo hội, tự cấu thành ở bình diện địa phương, khu vực và phổ quát. Do đó, về nguyên tắc, một thừa tác vụ như vậy phải được coi là phù hợp một cách khách quan. Nó đại diện cho toàn bộ Kitô giáo và có nhiệm vụ mục vụ đối với tất cả các giáo hội đặc thù” (L-C Germ 2000, 196).

82. Song song với lập luận tông đồ, cuộc đối thoại quốc tế Chính thống

giáo-Công Giáo cũng dựa trên lập luận giáo hội học này để suy tư. Theo lập luận này, các chiều kích tối thượng và đồng nghị của Giáo hội ở bình diện địa phương và khu vực cũng nên tồn tại ở bình diện phổ quát: “Quyền tối thượng ở mọi bình diện là một thực hành có nền tảng vững chắc trong truyền thống giáo luật của Giáo hội” (O–C 2007, 43). Tuy nhiên, Phản hồi của Tòa Thượng phụ Moscow đối với Văn kiện Ravenna nhấn mạnh tính khác biệt của quyền tối thượng ở mỗi bình diện: “Do bản chất của quyền tối thượng, hiện hữu ở nhiều bình diện khác nhau của trật tự giáo hội (giáo phận, địa phương và phổ quát) khác nhau, nên các chức năng của primus [người hàng đầu] ở các bình diện khác nhau không y như nhau và không thể chuyển từ bình diện này sang bình diện khác”. (3). Nhóm Thánh Irenaeus cũng lưu ý: “Có một sự tương tự nhưng không hoàn toàn y như nhau trong mối quan hệ giữa quyền tối thượng và tính đồng nghị ở các bình diện khác nhau của Giáo hội: địa phương, khu vực và hoàn vũ. Vì bản chất của quyền tối thượng và tính đồng nghị khác nhau ở mỗi bình diện, nên động lực giữa quyền tối thượng và tính đồng nghị cũng thay đổi theo” (Thánh Irenaeus 2018, 16.4). Tương tự như vậy, cuộc đối thoại Chính thống giáo Đông phương–Công Giáo khẳng định: “Tính đồng nghị/tính công đồng và các quyền tối thượng được thể hiện trong những cách khác nhau ở những bình diện khác nhau trong đời sống của Giáo hội.

Những cách thức và bình diện này đã được diễn đạt khác nhau trong truyền thống Công Giáo và Chính thống giáo phương Đông, cả trong quá khứ lẫn hiện tại” (OO–C 2009, 46).

83. Đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kế vị tông đồ trong cách hiểu về quyền tối thượng và tính đồng nghị. Hội nghị tham vấn thần học Chính thống giáo–Công Giáo Bắc Mỹ đã lần đầu tiên giải quyết vấn đề về quyền tối thượng trong tài liệu năm 1986 có tựa đề Tính Tông truyền là Hồng ân của Chúa trong Đời sống Giáo hội, trong đó nhấn mạnh những cách tiếp cận khác nhau của Chính thống giáo và Công Giáo đối với mối quan hệ giữa tính tông truyền và ‘tính Phê-rô [*petrinity*]’: “Trong các giáo hội Đông phương, thường nhấn mạnh đến sự viên mãn của tính tông truyền của mỗi giáo hội và, thực sự, là ‘tính Phê-rô [*petrinity*]’, và đã có sự chỉ trích đối với Giáo hội Rôma vì có xu hướng bản địa hóa những phẩm chất này trong một tòa duy nhất.”

Tuy nhiên, cùng một ủy ban lưu ý rằng “hình ảnh Phêrô trong hợp đoàn tông đồ được phản ánh trong đời sống của mỗi giáo hội địa phương; nó cũng được phản ánh trong sự hiệp thông hữu hình của tất cả các giáo hội địa phương. Không có sự đối lập nội tại nào giữa hai cách tiếp cận này” (O–C US 1986, 12). Tương tự như vậy, cuộc đối thoại quốc tế Chính thống giáo–Công Giáo đã nêu ra vấn đề về quyền tối thượng trong bối cảnh suy tư của nó về việc kế vị tông đồ, lưu ý rằng tính tông truyền “có nghĩa nhiều hơn việc chỉ là sự chuyển giao quyền lực”, vì “đó là sự kế vị trong một Giáo hội làm chứng cho đức tin tông truyền, trong sự hiệp thông với các Giáo hội khác, những người làm chứng cho cùng một đức tin tông truyền” (O–C 1988, 46). Ủy ban cũng nhận thấy rằng “chính trong góc nhìn hiệp thông giữa các Giáo hội địa phương này, mà có vấn đề quyền tối thượng trong Giáo hội nói chung và, nói riêng, quyền tối thượng của giám mục Rôma” (id., 55). Tương tự như vậy, cuộc đối thoại quốc tế Chính thống giáo Đông phương - Công Giáo liên kết rõ ràng tính đồng nghị/tính hợp đoàn và quyền tối thượng với việc kế vị tông đồ: “Vì các giám mục là những người kế vị ‘các tông đồ’, thừa hưởng chức tông đồ của ‘Mười hai tông đồ’, nên chức giám mục trong Giáo hội mang tính hợp đoàn theo bản chất của nó.” (OO–C 2009, 37). Câu hỏi về sự kế vị tông đồ cũng được đề cập trong một số cuộc đối thoại với các cộng đồng Kitô giáo phương Tây, đạt được các mức độ đồng thuận khác nhau, nhưng nêu ra một số vấn đề cơ bản khác, chẳng hạn như sự hiểu biết về bí tích của Giáo hội và các thừa tác vụ của Giáo hội. (18)

3.1.3. Một Lập Luận Thực Dụng: Nhu Cầu Phải Có Một Thừa Tác Vụ Hiệp Nhất Ở Bình Diện Hoàn Cầu

84. Một lập luận khác, mang tính thực dụng hơn, dựa trên cảm thức ngày càng tăng về sự cần thiết của một thừa tác vụ hiệp nhất ở bình diện hoàn cầu. Cảm thức này dựa trên cả những xem xét nội bộ và truyền giáo. Trong một thế giới ngày càng hoàn cầu hóa, nhiều cộng đồng Kitô giáo từ lâu vốn ưu tiên chiều kích địa phương, ngày càng cảm thấy cần phải có một biểu thức hữu hình về hiệp thông ở bình diện hoàn cầu. Phần lớn các cộng đồng, liên đoàn và liên minh hoàn cầu, cũng như các tổ chức đại kết, đã được thành lập trong thế kỷ trước để duy trì và củng cố mối quan hệ hiệp nhất ở bình diện khu vực và hoàn cầu. Nhu cầu về các công cụ hiệp thông hoàn cầu này cũng được cảm nhận để giải quyết những bất

đồng giữa các Giáo hội địa phương liên quan đến các vấn đề mới và có khả năng gây chia rẽ trong một thế giới hoàn cầu hóa. Ví dụ, ARCIC mô tả một loạt các câu hỏi tạo ra “một tình huống mới do các công cụ hiệp thông ở bình diện hoàn cầu dường như không có khả năng giải quyết các vấn đề hiện tại và tìm ra các quy trình hiệp nhất [...] để kiềm chế xung đột sao cho không dẫn đến sự suy yếu hơn nữa của hiệp thông” (ARCIC 2018, 77).

85. Tình hình này đã tạo ra một sự cởi mở mới cho một thừa tác vụ hiệp nhất ở bình diện hoàn cầu. Như Đối thoại Lutheran–Công Giáo Rôma ở Hoa Kỳ đã nêu từ năm 1973: “Những người Lutheran ngày càng nhận ra nhu cầu về một thừa tác vụ phục vụ cho sự hiệp nhất của giáo hội hoàn cầu. Họ thừa nhận rằng, để thực hiện thừa tác vụ này, các định chế có nguồn gốc từ lịch sử nên được xem xét nghiêm túc” (L–C US 1973, 28). ARCIC cũng đã nhận ra rất sớm nhu cầu về một “giám sát của một vị giáo chủ hoàn cầu”:

“Theo tín lý Kitô giáo, sự hiệp nhất trong chân lý của cộng đồng Kitô giáo đòi hỏi biểu thức hữu hình. Chúng tôi nhất trí rằng biểu thức hữu hình như vậy là ý muốn của Thiên Chúa và việc duy trì sự hiệp nhất hữu hình ở bình diện hoàn cầu bao gồm sự giám sát của một vị giáo chủ hoàn cầu” (ARCIC 1981 Eluc., 8). Cùng một ủy ban đã công nhận vào năm 1982 rằng “quyền tối thượng, như một trọng tâm trong *koinonia*, là một sự đảm bảo rằng những gì [tất cả những người thực hành *episcopate*] dạy và làm đều phù hợp với đức tin của các tông đồ” (ARCIC 1982, Dẫn nhập 6). Theo tinh thần tương tự, phản hồi của Giáo hội Anh đối với *Ut unum sint* đã nêu rằng “ngày càng nhiều [người Anh giáo] trải nghiệm của họ về Cộng đồng Anh giáo đang dẫn họ đến việc đánh giá cao nhu cầu thích đáng, bên cạnh các thừa tác vụ cộng đồng và hợp đoàn, cần một dịch vụ bản vị về sự hiệp nhất trong đức tin” (44). Trong tài liệu Cùng nhau Bước đi trên Đường, theo phương pháp đại kết tiếp thu, các thành viên Anh giáo của ARCIC hỏi làm thế nào hiệp thông của họ có thể học hỏi từ một số khía cạnh của việc thực hành Công Giáo về quyền tối thượng trên toàn thế giới, đặc biệt là liên quan đến vai trò của Tòa Canterbury và thừa tác vụ của Tổng giám mục của nó trong Hiệp thông Anh giáo (ARCIC 2018, 145).

86. Song song với những diễn biến nội bộ này, nhận thức về nhu cầu phải có một thừa tác vụ hiệp nhất cũng dựa trên những cân nhắc truyền giáo. Trong tài liệu năm 2018 của họ, mặc dù không chuyên biệt đề cập đến quyền tối thượng hoàn cầu, ARCIC vẫn nhấn mạnh tầm quan trọng của các công cụ hiệp thông hoàn cầu hữu hiệu để Giáo hội có thể hoàn thành sứ mệnh của mình, bởi vì nếu không có những điều này, “có thể không có đủ khoảng cách quan trọng khỏi nền văn hóa địa phương đang thịnh hành” (ARCIC 2018, 154).

87. Do những cân nhắc bên trong và bên ngoài này, một số cuộc đối thoại hình dung khả thể tiếp nhận thừa tác vụ của Giám mục Rôma. Ngay từ năm 1972, Ủy ban Quốc tế về Hiệp nhất Lutheran–Công Giáo Rôma đã công nhận rằng theo quan điểm của phái Luther, “thừa tác vụ của giáo hoàng như một dấu hiệu hữu hình của sự hiệp nhất của các giáo hội do đó không bị loại trừ bao lâu nó còn phụ thuộc vào quyền tối thượng của tin mừng bằng cách diễn giải lại thần học và tái cấu trúc thực tế” (L–C 1972, 66). Cùng một ủy ban đã trích dẫn những dòng này vào năm 1981, đồng thời nhìn nhận rằng “trong nhiều cuộc đối thoại khác nhau, khả thể bắt đầu xuất hiện là thừa tác vụ Phêrô của Giám mục Rôma cũng không cần bị người Luther loại trừ như một dấu hiệu hữu hình của sự hiệp nhất của giáo hội như một toàn thể” (L–C 1981, 73). Tuyên bố về Con đường của Ủy ban các Vấn đề Đại kết và Liên tôn của Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ và của Giáo hội Luther Tin lành tại Hoa Kỳ, khi xem xét “tính hợp thời đặc biệt trong thời điểm văn hóa của chúng ta”, nêu rằng “trong thời đại nhận thức hoàn cầu ngày càng gia tăng và truyền thông tức thời qua nhiều ranh giới chia rẽ, giám mục Rôma làm chứng cho thông điệp Ki-tô giáo trên thế giới rộng lớn hơn thông qua việc truyền giáo, quan hệ liên tôn, và cổ vũ công lý xã hội và chăm sóc tạo vật” (L–C US 2015, IV B 6). ARCIC thừa nhận rằng “những nhu cầu cấp thiết của đời sống giáo hội đòi hỏi phải thực thi một hoạt động giám sát chuyên biệt để phục vụ toàn thể Giáo hội” (ARCIC 1999, 46) và tiếp tục gợi ý rằng những người Anh giáo có thể chấp nhận thừa tác vụ của Giám mục Rôma, mặc dù được thực hiện theo cách thức hợp đoàn và đồng nghị, và duy trì sự đa dạng hợp pháp, “ngay cả trước khi các giáo hội của chúng ta được hiệp thông trọn vẹn” (id., 60). Thật vậy, “một số khó khăn sẽ không được giải quyết hoàn toàn cho đến khi có một sáng kiến thực tế được thực hiện và hai Giáo hội của chúng ta cùng nhau sống một cách hiển hiện hơn

trong một koinonia” (ARCIC 1981, 33).

(18). Về các thỏa thuận khác nhau về sự kế vị tông đồ và các vấn đề cần giải quyết, xem: Walter Kasper, *Harvesting the Fruits. Basic Aspects of Christian Faith in Ecumenical Dialogue* [Thu hoạch Hoa trái. Các Khía cạnh Căn bản của Đức tin Ki-tô giáo trong Đối thoại Đại kết] 2009, London–New York, Continuum International Publishing Group, nn. 43–44.

3.2. Tiêu Chuẩn Của Thiên Niên Kỷ Thứ Nhất

88. Trong *Ut unum sint*, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nhiều lần khẳng định (UUS 5, 56, 61) rằng Giáo Hội Công Giáo, mong muốn “không gì ít hơn sự hiệp thông trọn vẹn giữa Đông và Tây [...] tìm thấy linh hứng cho điều này trong kinh nghiệm của thiên niên kỷ thứ nhất”. *Unitatis redintegratio* cũng duy trì mô hình “sự hiệp nhất mà các thánh kinh và truyền thống cổ xưa của giáo hội tuyên bố” (UR 3). Các nguyên tắc và mô hình hiệp thông được tôn vinh trong thiên niên kỷ thứ nhất có thể vẫn là chuẩn mực cho việc khôi phục sự hiệp thông trọn vẹn trong tương lai. Chủ đề này đã được xem xét đặc biệt trong cuộc đối thoại với các Giáo hội Chính thống giáo và Chính thống giáo phương Đông (cho các Giáo hội sau cho đến giữa thế kỷ thứ năm), với những hệ luận rộng hơn cho toàn bộ cuộc đối thoại đại kết.

3.2.1. “Lịch Sử Của Giáo Hội Trong Thiên Niên Kỷ Đầu Tiên Có Tính Quyết Định”

89. Các tài liệu đối thoại Chính thống giáo-Công Giáo đã dành sự chú ý đáng kể đến mô hình của thiên niên kỷ đầu tiên, trước sự chia rẽ giữa Đông và Tây. Tài liệu Chieti về tính đồng nghị và quyền tối thượng trong Thiên niên kỷ đầu tiên nêu rõ: “Lịch sử của Giáo hội trong thiên niên kỷ đầu tiên có tính quyết định. Bất chấp một số sự chia rẽ tạm thời, các Kitô hữu từ Đông và Tây đã sống trong sự hiệp thông trong thời gian đó, và trong bối cảnh đó, các cấu trúc thiết yếu của Giáo hội đã được thành lập” (O–C 2016, 7). Tài liệu kết luận: “Di sản chung này về các nguyên tắc

thần học, các điều khoản giáo luật và các thực hành phụng vụ từ thiên niên kỷ đầu tiên tạo thành một điểm tham chiếu cần thiết và là nguồn linh hứng mạnh mẽ cho cả người Công Giáo và Chính thống giáo khi họ tìm cách chữa lành vết thương chia rẽ của họ vào đầu thiên niên kỷ thứ ba” (id., 21).

90. Đối thoại Chính thống giáo Đông phương - Công Giáo, trong tài liệu mang tên *The Exercise of Communion in the Life of the Early Church and its Implications for our Search for Communion Today* [Thực thi hiệp thông trong đời sống của Giáo hội sơ khai và Các hệ luận của nó đối với việc tìm kiếm hiệp thông ngày nay], cũng phân tích cách thức các hình thức hiệp thông của năm thế kỷ đầu tiên có thể là nguồn linh hứng cho ngày nay: “Chắc chắn không thể bỏ qua nhiều diễn biến đã diễn ra trong mười lăm thế kỷ tiếp theo, nhưng thời gian cho đến giữa thế kỷ thứ năm vẫn là nguồn tham khảo, nguồn linh hứng và hy vọng độc đáo. Sự kiện các giáo hội của chúng ta đã có thể sống trong hiệp thông trong suốt những thế kỷ này, bất chấp những khác biệt về cách tiếp cận và cách diễn giải, sẽ thách thức chúng ta trong quá trình tìm kiếm hiện tại của mình về sự hiệp nhất hữu hình trong đa dạng, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần” (OO-C 2015, 2).

91. Thiên niên kỷ đầu tiên là một tiêu chuẩn không chỉ trong cuộc đối thoại với các Giáo hội Đông phương, mà còn với các Cộng đồng Tây phương. Phản hồi cho *Ut unum sint* của Viện Giám mục của Giáo hội Anh nêu rõ: “Một phần của biện pháp khắc phục chắc chắn nằm ở việc khám phá chung về cách mà Giáo hội của thiên niên kỷ đầu tiên duy trì sự thống nhất của mình” (48, cũng nên xem ARCIC 2018, 123). Phản hồi nhắc lại lời của Đức Hồng Y Ratzinger lúc bấy giờ: “Về học thuyết về quyền tối thượng, Rôma không được đòi hỏi nhiều hơn từ phương Đông so với những gì đã được xây dựng và thực hiện trong thiên niên kỷ đầu tiên”, (19) kết luận, “cách tiếp cận như vậy mang lại hy vọng đáng kể và có thể tạo ra khả thể xem xét mới nhiều vấn đề trong đó các giáo hội đã phát triển khi tách biệt với nhau” (54). Cuộc đối thoại Lutheran-Công Giáo ở Đức cũng kêu gọi “khả thể định hướng việc thực thi quyền tối thượng trong thiên niên kỷ Kitô giáo đầu tiên mà không cần tham chiếu đến những diễn biến sau này” (L-C Germ 2000, 200; xem thêm L-C Aus 2016, 135-136).

Các đoạn sau đây tìm cách mô tả một số yếu tố của thiên niên kỷ đầu tiên có thể đóng vai trò làm nguồn linh hứng cho việc thực thi quyền tối thượng trong thế kỷ 21.

3.2.2. Các Biểu Thức Hiệp Thông Không Chủ Yếu Có Tính Pháp Lý

92. Biểu thức cao nhất của sự hiệp thông giữa các Giáo hội luôn là việc cử hành Thánh Thể. Trong thiên niên kỷ đầu tiên, việc đọc tên của các Thượng phụ khác trong các bức tranh ghép đôi phụng vụ theo một thứ tự cụ thể (xem O–C 2007, 40; 2016, 17) minh họa cho sự kiện sự hiệp thông của giáo hội luôn là sự hiệp thông Thánh Thể. Điều này đã được phát biểu trong cuộc đối thoại quốc tế Chính thống giáo Đông phương–Công Giáo: “Sự hiệp thông với Chúa Kitô bắt đầu bằng phép rửa tội và được nuôi dưỡng phát biểu trong việc cử hành Thánh Thể, là biểu hiện tối cao và phương tiện của sự hiệp thông giáo hội” (OO–C 2015, 7). Tương tự như vậy, các giám mục Công Giáo và Anh giáo đã tuyên bố tại cuộc họp khai mạc IARCCUM: “Tầm nhìn của chúng tôi về sự hiệp nhất trọn vẹn và hữu hình là sự hiệp thông Thánh Thể của các giáo hội” (IARCCUM, 2000, 13).

93. Bên cạnh sự hiểu biết về bí tích này, một số cuộc đối thoại thần học xác định các biểu thức khác của sự hiệp thông trong thiên niên kỷ đầu tiên, lưu ý rằng chúng không chủ yếu mang tính pháp lý.

Cuộc đối thoại quốc tế Chính thống giáo–Công Giáo trong tài liệu của mình về *Synodality and Primacy during the First Millennium* (Tính đồng nghị và quyền tối thượng trong Thiên niên kỷ đầu tiên], trong khi lưu ý đến quyền kháng cáo lên các giáo phận lớn, chỉ ra rằng “giám mục Rôma không thực thi thẩm quyền giáo luật đối với các giáo hội ở phương Đông” (O–C 2016, 19). Về phần mình, cuộc đối thoại quốc tế Chính thống giáo–Công Giáo Đông phương, sau khi điều tra các biểu thức hiệp thông trong Giáo hội sơ khai (chẳng hạn như trao đổi thư từ và thăm viếng, các thượng hội đồng và các công đồng, cầu nguyện và thực hành phụng vụ, tôn kính các vị tử đạo và các thánh chung, đời sống tu trì và hành hương đến các đền thờ của các giáo hội khác nhau), đã nêu bật trong phần kết luận của mình bản chất không chính thức của các biểu thức hiệp

thông này: “Phần lớn, trong thời kỳ này, các biểu thức hiệp thông này là không chính thức, nghĩa là không được thực hiện trong các cấu trúc rõ ràng. Chúng cũng có xu hướng diễn ra chủ yếu ở bình diện khu vực; không có điểm tham chiếu trung tâm rõ ràng. Một mặt, tại Rôma, người ta ngày càng nhận thức rõ hơn về một thừa tác vụ hiệp thông và thống nhất rộng lớn hơn, đặc biệt là từ cuối thế kỷ thứ 3 trở đi. Mặt khác, không có bằng chứng rõ ràng nào cho thấy các Giáo hội Chính thống giáo Đông phương từng chấp nhận một thừa tác vụ như vậy” (OO–C 2015, 71; liên quan đến các biểu thức hiệp thông, xem thêm ARCIC 1991, 45; 2018, 34). Điều đáng lưu ý là, cùng một cuộc đối thoại này đã ghi chú: “Nhiều mối quan hệ từng hiện hữu giữa các giáo hội trong những thế kỷ đầu vẫn tiếp tục cho đến ngày nay bất chấp sự chia rẽ, hoặc đã được phục hồi gần đây” (OO–C 2015, 72).

3.2.3. “Quyền Tối Thượng Danh Dự” Của Giám Mục Rôma

94. Ngay cả khi “không có điểm tham chiếu trung tâm rõ ràng”, thì Rôma vẫn được công nhận là tòa giám mục đầu tiên. Vị thế của Rôma được minh họa bằng lá thư của Đức Clêmentê gửi cho người Cô-rinh-tô, vào cuối thế kỷ thứ nhất, cung cấp bằng chứng về mối quan tâm của Giáo hội Rôma đối với sự thịnh vượng của một Giáo hội khác. Vào thế kỷ thứ hai, I-nha-xi-ô của An-ti-ô-ki-a mô tả Giáo hội Rôma là Giáo hội “chủ trì trong tình yêu thương”, và Thánh I-rê-nê ca ngợi “Giáo hội rất vĩ đại, rất cổ xưa và được biết đến rộng rãi được thành lập và tổ chức tại Rôma bởi hai tông đồ vinh quang nhất, Phê-rô và Phao-lô [...] Vì điều cần thiết là mọi Giáo hội phải đồng ý với Giáo hội này, vì thẩm quyền tối cao của nó” (Chống lại các tà giáo, III, 3, 2) (xem Dombes 1985, 20; Thánh I-rê-nê 2018, 7.2).

95. Trong khi những tuyên bố này của Thánh I-nha-xi-ô và Thánh I-rê-nê chủ yếu liên quan đến Giáo hội Rôma, thì những hệ luận đối với thẩm quyền cá vị của Giám mục của nó ngày càng được phương Tây công nhận (xem §45 ở trên). Tuy nhiên, việc thực thi thẩm quyền này không đồng đều giữa các khu vực khác nhau: “Vai trò của giám mục Rôma phải được nhìn nhận trong các phạm vi ảnh hưởng khác nhau trong đó ngài đã đưa ra các quyết định hữu hiệu và diễn đạt truyền thống của giáo hội” (St. I-rê-nê 2018, 7.5). Hơn nữa, “vai trò quan trọng của giám mục Rôma

trong việc hình thành tín lý trong các tác phẩm của các giáo sĩ lớn như Lê-ô I và Grê-go-ri cả không được coi là cạnh tranh với thẩm quyền của các giám mục địa phương và khu vực hoặc các giáo đoàn trong Giáo hội phương Tây, mà đúng hơn là củng cố, công bố và điều chỉnh công việc của họ [...]. Cả hai đều coi mục đích của các giáo đoàn địa phương và khu vực bao gồm việc đưa ra phán quyết có thẩm quyền về cả các vấn đề kỷ luật và tín lý; chức năng của họ là được thông báo về những quyết định này, để xác nhận chúng và chỉ can thiệp trong những trường hợp trong đó thẩm quyền địa phương không thể đạt tới một giải pháp rõ ràng” (id., 7.7).

96. Ở phương Đông, “vai trò của các giám mục ở Rôma ít được xác định rõ ràng hơn, nhưng ngày càng trở nên quan trọng trong những cuộc tranh cãi lớn về tín lý của thế kỷ thứ tư và thứ năm” (id., 7.6). Tuy nhiên, quyền tối thượng chủ yếu được coi là một quyền ưu tiên: “Ngay từ giai đoạn đầu, phương Đông đã tiếp cận vấn đề về quyền tối thượng của giáo hội qua lăng kính về mối quan hệ giữa các tòa giám mục lớn. Rôma luôn được ưu tiên hơn các tòa giám mục như Alexandria và An-ti-ô-ki-a nhưng chủ yếu không được phương Đông xem là sở hữu một hình thức thẩm quyền đặc biệt trong mọi vấn đề” (id., 7.8).

97. Các Giáo hội Chính thống giáo không bao giờ tranh chấp quyền tối thượng của tòa Rôma. Trong chuyến viếng thăm Đức Phaolô VI năm 1967, Thượng phụ Athenagoras tuyên bố rằng Rôma là “Tòa thánh đứng đầu về danh dự và trật tự trong thân thể sống động của các Giáo hội Kitô giáo rải rác trên khắp thế giới”. (20) Đối thoại thần học Công Giáo Chính thống giáo gần đây đã tái khẳng định sự công nhận này. Tài liệu Ravenna có thể nêu rõ: “Cả hai bên đều đồng ý rằng [...] Rôma, với tư cách là Giáo hội ‘chủ trì trong tình yêu thương’ theo cụm từ của Thánh I-nha-xi-ô thành An-ti-ô-ki-a (*Gửi người Rôma*, Lời mở đầu), chiếm vị trí đầu tiên trong các *taxis* (bảng thứ tự), và do đó giám mục của Rôma là *protos* [đệ nhất] trong số các thượng phụ” (O–C 2007, 41, xem thêm O–C2016, 15). Tuy nhiên, các tài liệu này cũng thừa nhận sự bất đồng trong cách hiểu về ‘quyền tối thượng danh dự’. Chính thống giáo và Công Giáo “tuy nhiên, không đồng ý về cách giải thích bằng chứng lịch sử từ thời đại này liên quan đến đặc quyền của giám mục Rôma như *protos*, một vấn đề đã được hiểu theo nhiều cách khác nhau trong thiên niên kỷ đầu tiên” (O–C 2007,

41; 2016, 16).

98. Quyền tối thượng được công nhận của Giáo hội Rôma trong thiên niên kỷ đầu tiên “ngụ ý một thẩm quyền trong Giáo hội, không phải quyền quản trị Giáo hội” (Dombes 1985, 23). Thật vậy, thẩm quyền không đồng nghĩa với chính quyền hoặc quyền tài phán (một khái niệm được phát triển trong thiên niên kỷ thứ hai). Tuy nhiên, một số cuộc đối thoại chỉ ra rằng trong thiên niên kỷ đầu tiên, “quyền tối thượng danh dự” này không chỉ có nghĩa là “quyền ưu tiên danh dự” mà còn là “quyền đưa ra quyết định thực sự” (O–C US 2010, 7 a). Năm 1991, cuộc đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo Pháp đã đưa ra lời kêu gọi khắc phục sự đối lập giữa ‘quyền tối thượng danh dự’ và ‘quyền tối thượng tài phán’, thừa nhận rằng “danh dự hàm ý trách nhiệm và thẩm quyền thực sự: nếu ‘quyền tối thượng’ thực sự là *inter pares* [giữa những người bình đẳng], thì nó không kém phần *primus* [người thứ nhất]” (O–C Fr 1991, tr. 118–119).

3.2.4. Mô Hình Của Điều Giáo Luật Tông Đồ 34

99. Trong những năm gần đây, các ủy ban Chính thống giáo–Công Giáo chung (O–C 1988, 53; O–C 2007, 24; O–C 2016, 10; O–C US 1989, 6b; O–C Fr. 1991 tr. 118–119; St I-rê-nê 2018, 7.4, OO–C 2009, 44) đã suy gẫm về Điều Giáo luật Tông đồ [Apostolic Canon] 34, trình bày nó như một mô hình cho sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các chiều kích tối thượng và đồng nghị của Giáo hội. Điều giáo luật này, thuộc về truyền thống giáo luật chung của các Giáo hội của chúng ta, là một phần của bộ sưu tập các quy tắc lớn hơn từ Giáo hội An-ti-ô-ki-a có từ thế kỷ thứ 4. Quy tắc này cung cấp một mô tả về mối tương quan giữa protos và các giám mục khác của mỗi vùng:

Các giám mục của người dân trong một tỉnh hoặc vùng [*ethnos*] phải công nhận người đứng đầu [*protos*] trong số họ và coi người đó là thủ lĩnh [*kephale*] của họ, và không được làm bất cứ điều gì quan trọng nếu không có sự đồng ý [*gnome*] của người đó; mỗi giám mục chỉ được làm những gì liên quan đến giáo phận [*paroikia*] của riêng mình và các vùng lãnh thổ phụ thuộc. Nhưng [*protos*] không thể làm bất cứ điều gì nếu không có sự đồng ý của tất cả mọi người. Vì theo cách này, sự hòa hợp

[*homonoia*] sẽ thắng thế, và Thiên Chúa sẽ được ca ngợi qua Chúa trong Chúa Thánh Thần.

100. Trên cơ sở điều giáo luật này, Văn kiện Ravenna đã có thể mô tả “sự phụ thuộc lẫn nhau” của quyền tối thượng và tính đồng nghị (O–C 2007, 43; xem bên dưới §§112–113). Tuy nhiên, khi nhận xét rằng Điều Giáo luật 34 mô tả bình diện khu vực, một số cuộc đối thoại đã đặt câu hỏi “ở mức độ nào [công thức] của nó [...] có thể phục vụ như một mô hình cho Giáo hội hoàn vũ cũng như cho các Giáo hội địa phương?” (O–C US 2010 9b; xem thêm St I-rê-nê 2000, 16.4; Lập trường của Tòa Thượng phụ Moscow về Vấn đề Quyền tối thượng trong Giáo hội Hoàn vũ 2013, 3).

3.2.5. Quyền Kháng Cáo Như Một Biểu Thức Hiệp Thông (Điều Giáo Luật Của Công Đồng Sardica)

101. Một định chế khác của thiên niên kỷ đầu tiên liên quan đến việc thực thi quyền tối thượng là quyền kháng cáo lên các chính và đặc biệt là lên Giám mục Rôma. Các cuộc đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo gần đây đã có thể phân tích thủ tục này (C–O Fr 1991; O–C 2016, 19; Thánh I-rê-nê 2018 7.3 và 17.9). Cuộc đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo Pháp đã nhấn mạnh vào năm 1991 tầm quan trọng của Công đồng Sardica (343), được Công đồng Trullo (692) và Công đồng Photian năm 879 tiếp nhận. Các điều giáo luật của Sardica đã xác định rằng một giám mục đã bị kết án có thể kháng cáo lên Giám mục Rôma, và rằng sau này, nếu ngài cho là phù hợp, có thể ra lệnh tái thẩm, do các giám mục của một tỉnh lân cận tiến hành tại tỉnh của giám mục kháng cáo. Điều đáng nói là thủ tục này tương ứng nhiều hơn với Tòa phúc thẩm sau cùng hoặc Tòa Phá án (court of cassation), vì phiên tòa tái thẩm không được tiến hành bởi Rôma mà là bởi các giám mục địa phương. Cũng cần lưu ý rằng Điều Giáo luật 3 của Sardica biện minh cho quyết định liên quan đến thủ tục kháng cáo lên tòa Rôma vì lý do tâm linh: “*sanctissimi Petri memoriam honorare*”. Văn kiện đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo tại Pháp kêu gọi “một sự tiếp nhận chung” của Công đồng Photian năm 879, có thể tạo thành “một điểm khởi đầu để tiếp tục cuộc đối thoại về ý nghĩa của quyền tối thượng, được xây dựng trên các cơ sở chung về giáo hội học” (O–C Fr 1991, tr. 124).

102. Đề cập đến Sardica, Văn kiện Chieti nhắc lại: “Trong nhiều thế kỷ, một số lời kêu gọi đã được gửi đến giám mục Rôma, cũng từ phương Đông, về các vấn đề kỷ luật, chẳng hạn như việc phế truất một giám mục”, và rằng “các kháng cáo lên giám mục Rôma từ phương Đông nói lên sự hiệp thông của Giáo hội”. Chieti cũng lưu ý rằng các kháng cáo liên quan đến các vấn đề kỷ luật cũng được thực hiện ở Phía Đông, và rằng “các kháng cáo như vậy đối với các tòa giám mục lớn luôn được xử lý theo cách thức đồng nghị” (O–C 2016, 19). (21)

103. Văn kiện St. I-rê-nê năm 2018 cho rằng thủ tục của Sardica cũng có thể có giá trị trong tương lai: “Một sắp xếp như vậy sẽ tôn trọng hoàn toàn quyền tự chủ của các Giáo hội Chính thống giáo trong khi đồng thời đảm bảo một thừa tác vụ hiệp nhất phổ quát hữu hiệu của giám mục Rôma” (St. I-rê-nê 2018, 17.9).

Cũng theo cùng một cách như vậy, tài liệu dự kiến năm 2010 của Hội đồng Thần học Chính thống giáo–Công Giáo Bắc Mỹ nêu rõ:

“Trong trường hợp xung đột giữa các giám mục và các giáo chủ của họ mà không thể giải quyết tại địa phương hoặc khu vực, giám mục Rôma sẽ được mong đợi sắp xếp một quá trình kháng cáo pháp lý, có thể được thực hiện bởi các giám mục địa phương, như được quy định trong điều 3 của Thượng hội đồng Sardica (343). Trong trường hợp tranh chấp giữa các giáo chủ, giám mục Rôma sẽ được mong đợi làm trung gian và đưa cuộc khủng hoảng đến giải pháp anh em”. Cùng một cuộc đối thoại này thấy “quyền kháng cáo” này cũng mở rộng đến các vấn đề tín lý: “Và trong các cuộc khủng hoảng tín lý đôi khi có thể liên quan đến toàn bộ gia đình Kitô giáo, các giám mục trên khắp thế giới sẽ có quyền kháng cáo lên ngài để xin hướng dẫn tín lý, giống như Theodoret của Cyrus đã làm với Giáo hoàng Lê-ô I vào năm 449, trong cuộc tranh luận về con người của Chúa Kitô diễn ra trước Công đồng Chalcedon (Ep. 113)” (O–C US 2010, 7e; tuy nhiên, cần lưu ý rằng các nhà thần học Chính thống giáo phương Đông sẽ không trích dẫn ví dụ này như một tiền lệ, vì họ có một cách giải thích khác về cuộc tranh luận).

19. Joseph Ratzinger, *Theologische Prinzipienlehre: Bausteine zur Fundamentaltheologie*, München, 1982, tr. 209; được dịch và trích dẫn trong Francis Sullivan, *Magisterium*, Dublin, 1983, tr. 117.

20. Dịch vụ thông tin 3 (1967/III), trang 16. Theo Joseph Ratzinger, với những lời này, Thượng phụ Athenagoras đã “diễn đạt nội dung cốt lõi của học thuyết về quyền tối thượng như đã biết trong thiên niên kỷ đầu tiên”, *Principles of Catholic Theology. Building Stones for a Fundamental Theology* [Nguyên tắc của Thần học Công Giáo. Những viên đá xây dựng cho một nền Thần học Cơ bản], Nhà xuất bản I-nha-xi-ô, San Francisco, 1987, tr. 199 [original: *Theologische Prinzipienlehre: Bausteine zur Fundamentaltheologie*, München, 1982].

21. Đáp lại Văn kiện Ravenna, Tòa Thượng phụ Moscow đã từ chối việc sử dụng Điều 4 và Điều 5 của Sardica “trong văn học tranh luận, để đưa ra một biện minh chính thống cho các quyền hạn pháp lý của giáo chủ đầu tiên của Rôma”. Các giáo luật này, văn bản tiếp tục, “không nêu rằng quyền của giáo chủ Rôma trong việc chấp nhận kháng cáo được mở rộng cho toàn thể Giáo hội Hoàn vũ” (Lập trường của Tòa Thượng phụ Moscow về vấn đề quyền tối thượng trong Giáo hội Hoàn vũ, 2013, chú thích 6).

3.2.6. Các Công Đồng Chung: Sự Hợp Tác Của Giám Mục Rôma

104. Các biểu thức hiệp thông hảo hạng (*par excellence*) của thiên niên kỷ đầu tiên ở bình diện hoàn cầu là các công đồng chung. Các công đồng này mang tính chung “không chỉ vì chúng tập hợp các giám mục từ mọi khu vực và đặc biệt là các giám mục của năm tòa chính”, mà còn “vì các quyết định tín lý long trọng của chúng và các công thức đức tin chung của chúng, đặc biệt là về các điểm quan trọng, mang tính ràng buộc đối với tất cả các Giáo hội và tất cả các tín hữu, trong mọi thời đại và mọi nơi chốn” (O–C 2007, 35).

105. Văn kiện Ravenna công nhận: “Mặc dù giám mục Rôma không triệu tập các công đồng chung của những thế kỷ đầu và không bao giờ đích

thân chủ trì chúng, nhưng ngài vẫn tham gia chặt chẽ vào quá trình ra quyết định của các công đồng” (O–C 2007, 42). Tương tự như vậy, Văn kiện Chieti xác định vai trò cụ thể của Giám mục Rôma, người, mặc dù không có mặt trực tiếp tại bất cứ công đồng nào trong số những công đồng đó, nhưng được các đại diện của mình đại diện hoặc đồng ý với các kết luận của công đồng sau khi sự việc xảy ra. Chieti tham khảo các tiêu chuẩn để tiếp nhận một công đồng là chung (ecumenic) được mô tả bởi Công đồng chung thứ Bảy (Ni-xê-a II, 787), cụ thể là, “sự đồng thuận (*symphonia*) của những người đứng đầu các giáo hội, sự hợp lực (*synergeia*) của giám mục Rôma, và sự đồng thuận của các thượng phụ khác (*symphronountes*)” (O–C 2016, 18).

106. Vẫn còn những câu hỏi liên quan đến sự hiểu biết chung về *Synergeia* (hợp lực] của Giám mục Rôma, và tại sao và ở mức độ nào nó khác với *symphonia* và *symphronountes* của những người đứng đầu các Giáo hội và thượng phụ khác. Thật vậy, “không có mô hình duy nhất nào có vẻ được chấp nhận rộng rãi. Bên cạnh thực tế là bảy công đồng chung đều được Rôma và các tòa thượng phụ Đông phương công nhận, mối tương quan giữa quyền tối thượng của giám mục Rôma và thẩm quyền của một công đồng chung vẫn chưa được xác định” (Thánh I-rê-nê 2018, 7.11). Tuy nhiên, tất cả đều đồng ý rằng “sự tiếp nhận của toàn thể Giáo hội luôn là tiêu chuẩn cuối cùng cho tính chung của một công đồng” (O–C 2016, 18, xem ở trên §72[4]). Khi hình dung vai trò của Giám mục Rôma có thể được hiện thực hóa như thế nào trong một Giáo hội thống nhất, cuộc tham vấn Chính thống giáo-Công Giáo Bắc Mỹ cho rằng “vai trò phổ quát của ngài cũng sẽ được phát biểu trong việc triệu tập và chủ trì các công đồng thường kỳ của các thượng phụ của tất cả các Giáo hội, và các công đồng chung, khi chúng nên diễn ra” (O–C US 2010, 7 d). Tương tự như vậy, cuộc đối thoại Lutheran–Công Giáo ở Úc, công nhận rằng “giám mục Rôma có vai trò đặc biệt trong việc thúc đẩy sự hiệp nhất của giáo hội với tư cách là dân Chúa và Thân thể Chúa Kitô”, khẳng định rằng “trong một giáo hội hòa giải [...], giáo hoàng có thể thực hiện điều này bằng cách triệu tập và chủ trì các thượng hội đồng, để toàn thể giáo hội có thể xem xét các vấn đề và thách thức mà mình phải đối mặt và tìm kiếm các phản ứng mục vụ phù hợp. Trong bối cảnh này, đôi khi có thể khẳng định lại học thuyết của giáo hội hoặc tìm ra những cách mới để diễn đạt nó trong một bối cảnh mới” (L–C Aus 2016, 150, 152).

3.2.7. Tính Đa Dạng Của Các Mô Hình Giáo Hội

107. Cuối cùng, tính đa dạng của các mô hình giáo hội của thiên niên kỷ đầu tiên thường được nhấn mạnh. Cuộc đối thoại Chính thống giáo Bắc Mỹ–Công Giáo, trong phản hồi của mình đối với Văn kiện Chieti, nhấn mạnh rằng “Giáo hội sơ khai có sự đa dạng về các mô hình tổ chức giáo hội, đáp ứng với phong tục và nhu cầu địa phương” (O–C US 2017). Ví dụ, các Giáo hội Alexandria và Rôma có các nguyên tắc tổ chức nội bộ cụ thể khác với các giáo hội khác: “Đây không nhất thiết là một hoạt động chia rẽ Giáo hội. Một sự đa dạng nhất định không chỉ được mong đợi trong đời sống Giáo hội, mà còn được hoan nghênh như một điều lành mạnh” (id.). Như Công đồng Vatican II khẳng định liên quan đến các Giáo hội Đông phương: “Không phải là một trở ngại đối với sự hiệp nhất của Giáo hội, một sự đa dạng nhất định về phong tục và nghi lễ chỉ làm tăng thêm sự huy hoàng của Giáo hội và giúp ích rất nhiều trong việc thực hiện sứ mệnh của Giáo hội” (UR 16).

Trong bối cảnh này, và liên quan đến phụ đề của Văn kiện Chieti (*Towards a Common Understanding in Service to the Unity of the Church* [Hướng tới sự hiểu biết chung để phục vụ cho sự hiệp nhất của Giáo hội]), cuộc đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo Bắc Mỹ đặt câu hỏi: “Liệu chúng ta có cần thiết, hay thậm chí là mong muốn, có những hiểu biết hoàn toàn giống hệt nhau không? Có lẽ mô hình đại kết về sự đồng thuận dị biệt hóa có ích ở đây” (id.). Đây là phương pháp luận được cuộc đối thoại quốc tế Lutheran–Công Giáo sử dụng trong Tuyên bố chung về Tín lý Công chính hóa. ARC Canada đề xuất một Tuyên bố chung thiết lập sự đồng thuận cơ bản về thẩm quyền và thừa tác vụ của Giám mục Rôma theo mô hình Tuyên bố chung về Tín lý Công chính hóa và tuân theo phương pháp luận của Tuyên bố chung về Tín lý Công chính hóa (ARC Canada 2003, 4.1).

3.3. Một Số Nguyên Tắc Để Thực Hiện Quyền Tối Thượng Trong Thế Kỷ 21

108. Nếu lịch sử của thiên niên kỷ đầu tiên là “quyết định”, thì, tuy nhiên, thiên niên kỷ đầu tiên không nên được lý tưởng hóa. Sự tương phản thông

thường giữa các mối quan hệ giữa Giáo hội Đông-Tây trong thiên niên kỷ thứ nhất và thứ hai tự nó đã quá đơn giản. Ví dụ, Nhóm Thánh I-rê-nê đưa ra một cuộc khảo sát lịch sử tinh tế hơn về năm giai đoạn: thế kỷ thứ 1–8; thế kỷ thứ 9–15; thế kỷ thứ 16–18; thế kỷ thứ 19; thế kỷ thứ 20 và 21. Hơn nữa, người ta thường nhận thấy rằng rất khó để nói về một Giáo hội “không chia cắt” trong thiên niên kỷ thứ nhất, khi nghĩ đến nhiều giai đoạn chia rẽ giữa Rôma và Constantinople (xem Thánh I-rê-nê 2018, 5.3), nhưng cũng có cả những cuộc ly giáo bi thảm vào thế kỷ thứ 5 sau các công đồng Ê-phê-sô và Can-xê-đoan. Thật vậy, “quá khứ không nên được lý tưởng hóa hay hạ thấp, và cần phải phân biệt đúng đắn giữa các lý tưởng do các giáo hội phát biểu và các thực tại cụ thể của con người trong đó các lý tưởng đó được đem ra sống” (Thánh I-rê-nê 2018, 17.3).

109. Hơn nữa, quyền tối thượng ở bình diện phổ quát cũng nên tôn vinh những diễn biến của thiên niên kỷ thứ hai trong việc ứng phó với những thách thức của thế kỷ 21: “Các cấu trúc đã phát triển trong và cho thiên niên kỷ thứ nhất không thể chỉ được tái tạo trong các hoàn cảnh khác nhau vào đêm trước thiên niên kỷ thứ ba. Trong khi trung thành với quá khứ, chúng ta cũng phải trung thành với bối cảnh hiện tại và những đòi hỏi của cuộc sống chung, chúng ta và phục vụ ngày nay” (Phản hồi của Giáo hội Anh đối với UUS, 50). Trong một Giáo hội tái hiệp nhất, “vai trò của giám mục Rôma sẽ phải được xác định cẩn thận, vừa tiếp nối các nguyên tắc cấu trúc cổ xưa của Kitô giáo vừa đáp ứng nhu cầu về một thông điệp Kitô giáo thống nhất trong thế giới ngày nay” (O–C US 2010, 7).

110. Các phản hồi cho *Ut unum sint* và các tài liệu đối thoại đã xác định một số nguyên tắc và khuôn khổ để thực hiện quyền tối thượng trong thế kỷ 21. Ví dụ, cuộc đối thoại Lutheran–Công Giáo ở Hoa Kỳ đã nhất trí vào năm 1973 về ba “chuẩn mực để đổi mới” để “giáo hoàng có thể phục vụ tốt hơn cho giáo hội như một toàn thể”: nguyên tắc đa dạng hợp pháp; nguyên tắc hợp đoàn; và nguyên tắc hỗ trợ (L–C US 1973, 22–25).

Cuộc tham vấn Chính thống giáo–Công Giáo Bắc Mỹ cũng xác định một số “đặc điểm” cho “hình thái hiệp thông” trong tương lai giữa Chính thống giáo và Công Giáo, đặc biệt liên quan đến vai trò của giáo hoàng (O–C US 2010, 6–7).

111. Hai khuôn khổ lặp lại xuất hiện từ các cuộc đối thoại thần học và phản hồi cho *Ut unum sint*, có thể giúp suy tư về việc thực thi quyền tối thượng trong thế kỷ 21: sự sắp xếp cộng đồng, hợp đoàn và cá vị của Giáo hội; và sự điều chỉnh giữa các bình diện địa phương, khu vực và hoàn cầu.

3.3.1. Sự Sắp Xếp Cộng Đồng, Hợp Đoàn Và Cá Vị Của Giáo Hội

a. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa tính tối thượng và tính đồng nghị

112. Hầu hết các phản hồi và tài liệu đối thoại đều nhất trí rõ ràng rằng quyền tối thượng nên được thực hiện trong một Giáo hội công đồng/ đồng nghị đích thực. (22) Như đã thấy ở trên, các cuộc đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo trong ba mươi năm qua, được truyền cảm hứng từ Điều Giáo luật Tông đồ 34, nhấn mạnh sự phụ thuộc lẫn nhau của quyền tối thượng và tính công đồng, bao gồm cả ở bình diện phổ quát của Giáo hội. Nguyên tắc này lần đầu tiên được Hội đồng Tham vấn Chính thống giáo–Công Giáo Bắc Mỹ phát biểu, nêu rằng “hai định chế, phụ thuộc lẫn nhau và hạn chế lẫn nhau, đã gây ảnh hưởng mạnh nhất đến việc duy trì sự hiệp thông có trật tự của các Giáo hội kể từ thời các tông đồ, là việc tập hợp các giám mục và các nhà lãnh đạo địa phương được bổ nhiệm khác trong các thượng hội đồng, và quyền tối thượng hoặc quyền tối thượng được công nhận của một giám mục trong số các đồng nghiệp giám mục của mình” (O–C US 1989, 6). Tương tự như vậy, luận điểm cơ bản của Văn kiện Ravenna là “quyền tối thượng và tính công đồng phụ thuộc lẫn nhau. Đó là lý do tại sao tính tối thượng ở các bình diện khác nhau của đời sống Giáo hội, địa phương, khu vực và phổ quát, luôn phải được xem xét trong bối cảnh tính công đồng, và tính công đồng cũng vậy trong bối cảnh quyền tối thượng” (O–C 2007, 43). Tương tự như vậy, nhưng sử dụng khái niệm đồng nghĩa là ‘tính đồng nghị [synodality]’, Nhóm St I-rê-nê khẳng định: “Cả về mặt thần học và giáo luật, [...] không thể giải quyết vấn đề về quyền tối thượng mà không xem xét đến tính đồng nghị, hoặc bỏ qua quyền tối thượng khi giải quyết tính đồng nghị” (St I-rê-nê 2018, 16). Trong sự phụ thuộc lẫn nhau này, “Lịch sử Giáo hội cho thấy hai xu hướng giáo hội học: chủ yếu, nhưng không duy nhất, là tính đồng nghị ở phương Đông, và chủ yếu, nhưng không duy nhất, là tính tối

thượng ở phương Tây; tuy nhiên, chúng có thể cùng hiện hữu trong một căng thẳng sáng tạo”. Do đó, “bất cứ việc khôi phục nào về sự hiệp thông trọn vẹn giữa các Giáo Hội Công Giáo và Chính thống giáo sẽ đòi hỏi, cả hai bên, phải củng cố các cấu trúc tính đồng nghị và một sự hiểu biết mới về quyền tối thượng phổ quát - cả hai đều phục vụ cho sự hiệp thông giữa các giáo hội” (St I-rê-nê 2018, 16. 7). Việc thực thi quyền tối thượng theo lối đồng nghị là cần thiết để có sự hiểu biết chung về việc thực thi thừa tác vụ của Giám mục Rôma: “Theo giáo huấn của cả hai công đồng Vatican, giám mục Rôma được mọi người hiểu là chỉ có thẩm quyền trong bối cảnh đồng nghị /hợp đoàn: với tư cách là thành viên cũng như người đứng đầu đoàn giám mục, là thượng phụ cao cấp trong số các giáo chủ của các Giáo hội, và đầy tớ phục vụ cho sự hiệp thông hoàn vũ” (O-C US 2010, 7b).

113. Ngay từ rất sớm trong quá trình hoạt động, ARCIC cũng đã nhiều lần nhấn mạnh sự cần thiết của việc cân bằng thích đáng giữa quyền tối thượng và tính công đồng ở mỗi bình diện của Giáo hội: “Mặc dù quyền tối thượng và tính công đồng là những yếu tố bổ sung cho nhau của chức giám sự (*episcopate*), nhưng thường xảy ra tình trạng một bên được nhấn mạnh mà không quan tâm đến bên kia, thậm chí đến mức mất cân bằng nghiêm trọng. Khi các giáo hội bị tách biệt khỏi nhau, mối nguy hiểm này đã tăng lên.

Sự hiệp nhất của các giáo hội đòi hỏi phải có sự cân bằng thích đáng giữa hai điều này với sự tham gia có trách nhiệm của toàn thể dân Chúa” (ARCIC 1976, 22). Mối quan hệ giữa quyền tối thượng và tính công đồng gắn liền với các nguyên tắc hiệp nhất và đa dạng trong Giáo hội: cần có “sự cân bằng thích đáng giữa quyền tối thượng phục vụ cho sự hiệp nhất và tính công đồng duy trì sự đa dạng chính đáng của sự hiệp nhất của tất cả các giáo hội” (ARCIC 1981 Eluc., 8).

b. “Tất cả”, “một số” và “một”

114. Trong suy tư về giáo hội học gần đây, một sự phân biệt rõ ràng hơn đã được thực hiện giữa hai khía cạnh của tính đồng nghị: tính hợp đoàn của giám mục và sự tham gia của toàn thể dân Chúa. Về điều đầu, ARCIC viết: “Quyền tối thượng dành cho một giám mục ngụ ý rằng, sau khi tham

khảo ý kiến của các giám mục đồng cấp, ngài có thể nói thay mặt họ và bày tỏ suy nghĩ của họ” (ARCIC 1976, 20) và “một giám mục thực thi thừa tác vụ của mình không phải một cách biệt lập mà trong sự liên kết hợp đoàn với các giám mục anh em của mình” (id., 21). Phản hồi của Hội đồng giám mục của Giáo hội Thụy Điển đối với *Ut unum sint* cũng nhấn mạnh nhu cầu về tính hợp đoàn của giám mục: “Để đạt được tiến bộ, khái niệm về tính hợp đoàn có lẽ phải được phát triển hơn nữa, cả trong Giáo Hội Công Giáo Rôma và đại kết. Điều này phải được nhấn mạnh so với chế độ giáo hoàng tập quyền mạnh mẽ, đặc biệt là trong quá khứ. Nói cách khác, mọi giám mục và toàn bộ hợp đoàn giám mục đều có trách nhiệm đối với toàn thể Giáo Hội Công Giáo Rôma – cùng với vị Giáo hoàng. Tất cả các giám mục có thể họp lại để họp một công đồng hoặc một thượng hội đồng giám mục hoàn cầu, nhưng không thể không có Đức Giáo Hoàng” (*Phản hồi cho Thông điệp Ut unum sint*, 12).

115. Thuật ngữ tính đồng nghị có thể được sử dụng theo nghĩa rộng hơn để chỉ sự tham gia tích cực vào đời sống giáo hội của tất cả các tín hữu trên cơ sở phép rửa của họ. Chính trong “nghĩa toàn diện hơn này, ám chỉ tất cả các thành viên của Giáo hội” mà khái niệm này được Đối thoại quốc tế Chính thống giáo–Công Giáo sử dụng: “Trước hết, chúng ta sẽ nói về tính công đồng như biểu thị rằng mỗi chi thể của Thân thể Chúa Kitô, nhờ phép rửa, có vị trí và trách nhiệm thích đáng của mình trong *koinonia* (*communio* trong tiếng Latin) Thánh thể” (O–C 2007, 5). Sự hiểu biết này dựa trên những suy tư giáo hội học về cảm thức đức tin của tất cả những người đã chịu phép rửa tội (*sensus fidelium*): “Toàn thể cộng đồng và mỗi người trong đó đều mang ‘lương tâm của Giáo hội’ (*ekklesiastike syneidesis*), như thần học Hy Lạp gọi, là *sensus fidelium* theo thuật ngữ tiếng Latinh”. Do đó, “tất cả các tín hữu (và không chỉ các giám mục) đều chịu trách nhiệm đối với đức tin đã tuyên xưng khi chịu phép rửa” (id. 7). Sự hiểu biết rộng hơn này về tính đồng nghị như sự tham gia của toàn thể dân Chúa gần đây đã được gọi là khía cạnh “cộng đồng” [communal] hoặc “duy cộng đồng” [communitarian].

116. Phù hợp với sự phân biệt này giữa các khía cạnh khác nhau của tính đồng nghị, một số cuộc đối thoại thần học xác định ba chiều kích bổ sung của Giáo hội: cộng đồng (“tất cả”), hợp đoàn (“một số”) và cá vị (“một”). Ngay từ năm 1927, Hội nghị Thế giới đầu tiên về Đức tin và Trật tự tại

Lausanne đã công nhận rằng các hệ thống ‘giám mục’, ‘linh mục’ và ‘giáo đoàn’ ‘phải có một vị trí thích hợp trong trật tự cuộc sống của một Giáo hội tái hiệp nhất’. Theo thời gian, ba chiều kích này – sử dụng các thuật ngữ khác nhau – được xác định là những khía cạnh thiết yếu của bản thân tính đồng nghị: “Trong suốt chiều dài lịch sử, tính đồng nghị của Giáo hội đã được phục vụ thông qua thẩm quyền công đồng, hợp đoàn và tối thượng” (ARCIC 1999, 45). Các truyền thống Kitô giáo khác nhau có thể được coi là ưu tiên một chiều kích hơn các chiều kích khác: Công Giáo chiều kích cá vị [personal], Chính thống giáo chiều kích hợp đoàn và Cải cách chiều kích cộng đồng.

117. Đề cập đến hội nghị Lausanne, năm 1982, Ủy ban Đức tin và Trật tự đã áp dụng ba chiều kích này vào thừa tác vụ thụ phong: “Thừa tác vụ thụ phong nên được thực hiện theo cách cá vị, hợp đoàn và cộng đồng. Nó nên mang tính cá vị vì sự hiện diện của Chúa Kitô giữa dân Người có thể được chỉ ra một cách hữu hiệu nhất bởi người được thụ phong để công bố Tin mừng và kêu gọi cộng đồng phục vụ Chúa trong sự hiệp nhất của cuộc sống và chứng tá. Nó cũng phải mang tính hợp đoàn, vì cần có một hợp đoàn các thừa tác viên thụ phong chia sẻ nhiệm vụ chung là đại diện cho các mối quan tâm của cộng đồng. Cuối cùng, mối quan hệ mật thiết giữa các thừa tác viên thụ phong và cộng đồng phải tìm được biểu thức trong chiều kích cộng đồng, nơi mà việc thực thi thừa tác vụ thụ phong bắt nguồn từ đời sống của cộng đồng và đòi hỏi sự tham gia hữu hiệu của cộng đồng vào việc khám phá ý muốn của Thiên Chúa và sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần” (FO 1982 BEM, Mục vụ, 26, Bình luận).

Sau đó, lý luận này đã được phát triển bởi các cuộc đối thoại khác nhau như là nguyên tắc chỉ đạo của một thừa tác vụ hiệp nhất:

“Sự hoán cải của Giáo Hội Công Giáo sẽ bao gồm việc duy trì mối quan hệ cân bằng giữa các chiều kích cộng đồng, hợp đoàn và cá vị của thừa tác vụ đó; thực sự, chiều kích sau chỉ có thể được thực thi nếu nó được thực hiện, có thể nói như vậy, bởi hai chiều kích kia” (Dombes 1985, 134, xem thêm 9; xem thêm L–C Germ 2000, 188).

118. Những xem xét đại kết này đã được tiếp nhận trong giáo huấn Công Giáo gần đây. Trong tài liệu về Tính Đồng nghị trong Đời sống và Sứ

mệnh của Giáo hội (2018), Ủy ban Thần học Quốc tế nhận ra trong ba chiều kích này những khía cạnh cơ bản của một nền thần học về tính đồng nghị: “Tầm nhìn giáo hội học này mời chúng ta diễn đạt sự hiệp thông đồng nghị theo nghĩa ‘tất cả’, ‘một số’ và ‘một’. Ở nhiều bình diện và hình thức khác nhau, như các Giáo hội địa phương, các nhóm Giáo hội địa phương theo khu vực và Giáo hội hoàn vũ, tính đồng nghị liên quan đến việc thực hiện *sensus fidei* của *universitas fidelium* (tất cả), chức năng lãnh đạo của đoàn Giám mục, mỗi giám mục có linh mục đoàn của mình (một số), và chức năng hiệp nhất của Giám mục Rôma (một). Do đó, tính năng động của tính đồng nghị kết hợp với khía cạnh cộng đồng bao gồm toàn thể dân Chúa, chiều kích hợp đoàn là một phần của việc thực thi chức năng giám mục và chức năng tối thượng của Giám mục Rôma” (Ủy ban Thần học Quốc tế 2018, 64). Đề cập đến tài liệu này, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã khẳng định rằng “tính đồng nghị theo nghĩa rộng có thể được coi là sự kết hợp của ba chiều kích: ‘tất cả’, ‘một số’ và ‘một’”. Trong tầm nhìn này, “thừa tác vụ tối thượng là một yếu tố nội tại của động lực tính đồng nghị, cũng như khía cạnh duy cộng đồng bao gồm toàn thể dân Chúa và chiều kích hợp đoàn là một phần của việc thực thi thừa tác vụ giám mục”. (23) Theo quan điểm như vậy, tính đồng nghị không nên được coi là một đối trọng cạnh tranh với quyền tối thượng, cũng không chỉ là các khía cạnh hợp đoàn hoặc cộng đồng của Giáo hội, mà là một động lực bao gồm trong chính nó các chiều kích cá vị, hợp đoàn và cộng đồng.

(22). Các tài liệu Đối thoại thường sử dụng “tính cộng đồng” và “tính đồng nghị” thay thế cho nhau (xem ví dụ O–C 2016, 3; O–C 2007, 5–11; OO–C 2009, 43–46), các tài liệu gần đây nhất ủng hộ “tính đồng nghị”. Tài liệu Nghiên cứu này cũng ủng hộ thuật ngữ “tính đồng nghị”, trừ khi đề cập đến các tài liệu sử dụng “tính cộng đồng”.

(23). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn trước Nhóm công tác chung Chính thống giáo-Công Giáo Thánh I-rê-nê*, 7 tháng 10 năm 2021

3.3.2. Sự Phối Hợp Giữa Các Bình Diện Địa Phương, Khu Vực Và Hoàn Cầu

119. Suy tư đại kết đã góp phần vào việc đánh giá tốt hơn rằng chức vụ của Giám mục Rôma không thể được hiểu một cách tách biệt khỏi một góc nhìn giáo hội học rộng hơn. Khi xem xét quyền tối thượng, nhiều cuộc đối thoại thần học đã lưu ý rằng ba chiều kích này – cộng đồng, hợp đoàn và cá vị – đều hoạt động trong mọi bình diện của Giáo hội.

a. Tính đồng thời của Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ

120. Một vấn đề quan trọng là mối quan hệ giữa Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ. Nếu nhiều truyền thống Kitô giáo nhấn mạnh việc hiện thực hóa Giáo hội tại địa phương, thì giáo hội học Công Giáo thường nhấn mạnh chiều kích phổ quát, và do đó, thừa tác vụ phổ quát của Giáo hoàng. Tuy nhiên, *Lumen gentium* khẳng định rằng “các giáo hội đặc thù [được] hình thành theo mô hình của Giáo hội hoàn vũ [*Ecclesiae universalis*]”, và rằng chính “trong và từ [*in quibus et ex quibus*]” các Giáo hội cụ thể mà “Giáo Hội Công Giáo duy nhất” ra đời [*una et unica Ecclesia catholica existit*] (LG 23).

121. Các cuộc đối thoại đại kết đã giúp xem xét tính đồng thời [simultaneity] của các chiều kích này. Tài liệu đầu tiên của cuộc đối thoại quốc tế Chính thống giáo–Công Giáo nêu rõ: “Vì Chúa Kitô là một cho nhiều người, nên trong Giáo hội là thân thể của Người, một và nhiều, phổ quát và địa phương, tất yếu phải đồng thời với nhau” (O–C 1982, III, 2).

122. Tương tự như vậy, Nhóm công tác chung giữa Hội đồng các Giáo hội Thế giới và Giáo Hội Công Giáo, trong tài liệu Giáo hội: Địa phương và Phổ quát (1990), khẳng định rằng một giáo hội học cánh chung và thần khí “không chỉ định tính ưu tiên duy nhất cho Giáo hội địa phương hoặc phổ quát, mà gợi ý về tính đồng thời của cả hai” (JWG 1990, 22), vì luôn có một “sự phụ thuộc lẫn nhau giữa địa phương và phổ quát trong sự Hiệp thông của các Giáo hội” (id., 35).

123. Tương tự như vậy, cuộc đối thoại Anh giáo–Công Giáo tại Hoa Kỳ cũng đồng ý rằng “giáo hội địa phương và giáo hội hoàn vũ là đồng cấu thành và

đồng cố hữu [co-inherent][...] Do đó, Giáo hội vừa địa phương vừa hoàn vũ. Giáo hội địa phương không chỉ là một phân khu của giáo hội hoàn vũ, cũng như giáo hội hoàn vũ không chỉ là tổng hợp của các giáo hội địa phương. Mỗi giáo hội hoàn toàn phụ thuộc lẫn nhau với giáo hội kia” (ARC-USA 1999). Câu hỏi này lại được nêu ra trong cuộc đối thoại quốc tế: “Đối với người Công Giáo, một câu hỏi quan trọng khác liên quan đến thực tại giáo hội của Giáo hội hoàn vũ, được tượng trưng và cấu trúc theo quyền tối thượng của Tòa Rôma. Giáo hội hoàn vũ có ưu tiên về thời gian và hữu thể học hơn các giáo hội địa phương và các tổ chức khu vực hay không, với các tổ chức sau được bắt nguồn và phụ thuộc vào thực tại có trước của giáo hội phổ quát? Hay giáo hội phổ quát và giáo hội địa phương nên được xem là xác định lẫn nhau, cùng hiện hữu và nhất thiết phải cùng cố hữu, để Giáo hội phổ quát có trách nhiệm đối với các giáo hội địa phương, và các giáo hội địa phương có trách nhiệm đối với nhau và đối với Giáo hội phổ quát?” (ARCIC 2018, 67, xem thêm 48 và 154).

124. Khi bắt đầu cuộc đối thoại quốc tế với những người theo phái Luther, “phía Luther đã thừa nhận rằng không có giáo hội địa phương nào hiện hữu biệt lập vì đó là biểu hiện của giáo hội phổ quát. Theo nghĩa này, tầm quan trọng của một việc phục vụ thừa tác về hiệp thông của các giáo hội đã được thừa nhận và đồng thời đã đề cập đến vấn đề được những người theo phái Luther nêu ra do họ thiếu một việc phục vụ hiệp nhất hữu hiệu như vậy” (L–C 1972, 66).

125. Tham vấn với Liên minh Tin lành Thế giới, trong tài liệu Giáo hội, Truyền giáo và Mối quan hệ của *Koinonia* (2002), cũng đã ghi nhận một số biện pháp đồng thuận về sự phụ thuộc lẫn nhau giữa Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ: “Những người Tin lành, giống như những người Công Giáo, nhận ra giá trị của tình hiệp thông trên toàn thế giới, nhưng vì những tiền đề thần học khác nhau và cách giải thích khác nhau về một số đoạn Kinh thánh, họ có quan điểm khác nhau về mối quan hệ giữa giáo hội hoàn vũ và các giáo hội địa phương. Những người Tin lành hiểu rằng ‘giáo hội hoàn vũ’ là tất cả những người ở mọi nơi và trong mọi thời đại tin và tín thác vào Chúa Kitô để được cứu rỗi”. Trong khi thừa nhận rằng Chúa Kitô “muốn thành lập các Giáo hội hữu hình [...] chủ yếu là địa phương”, những người Tin lành vẫn khẳng định rằng “các giáo đoàn này có thể tìm kiếm các liên đoàn và liên minh như một phương tiện để phát biểu tính chất phổ quát của bản chất và sứ mệnh của giáo hội” (33).

126. Những suy tư đại kết này đã giúp đạt được sự hiểu biết sâu sắc hơn của

Công Giáo về “mối tương quan nội tại” giữa Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ, như được chỉ ra bởi Ủy ban Thần học Quốc tế: “Giáo hội, trong chừng mực là Công Giáo, làm cho phổ quát trở thành địa phương và địa phương trở thành phổ quát” (ITC 2018 59); do đó, Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ là nội tại của nhau. “Mối tương quan nội tại của hai cực này có thể được diễn đạt như cách phổ quát và địa phương hiện diện trong nhau trong Giáo hội của Chúa Kitô. Trong Giáo hội với tư cách là Công Giáo, sự đa dạng không chỉ là sự cùng hiện hữu mà còn là sự gắn kết trong mối tương quan và phụ thuộc lẫn nhau: một sự tương tại [ở trong nhau, *perichoresis*] giáo hội học trong đó sự hiệp thông ba ngôi nhìn thấy sự phản chiếu giáo hội của mình” (ITC 2018, 60; xem thêm khái niệm “nội tại lẫn nhau” trong *Communio notio* [ý niệm hiệp thông], n. 9).

b. Bình diện khu vực

127. Một vấn đề khác được đề cập trong các cuộc đối thoại là tầm quan trọng của bình diện khu vực (còn gọi là siêu địa phương hoặc xuyên địa phương) trong Giáo hội. Công đồng Vatican II thừa nhận rằng chiều kích này bắt nguồn từ ý muốn thần linh, khẳng định rằng “bởi sự quan phòng thần linh, đã xảy ra [*Divina autem Providentia factum est*] việc nhiều giáo hội, được các tông đồ và những người kế vị thành lập tại nhiều nơi khác nhau, đã theo thời gian hợp nhất thành nhiều nhóm” (LG 23). Nhiều cuộc đối thoại, khi nhận thấy bình diện khu vực là bình diện có liên quan nhất đối với việc thực thi quyền tối thượng trong hầu hết các cộng đồng Kitô giáo và cũng đối với hoạt động truyền giáo của họ, nhấn mạnh đến nhu cầu cân bằng giữa việc thực thi quyền tối thượng ở bình diện khu vực và việc thực hiện quyền tối thượng ở bình diện hoàn cầu. Vấn đề đã trải qua nhiều diễn biến khác nhau và nêu ra các vấn đề khác nhau ở phương Đông và phương Tây.

** Các Giáo hội phương Đông: “Facultatem se secundum propria disciplinas regendi” [khả năng tự quản theo kỷ luật riêng]*

128. Tầm quan trọng của bình diện khu vực đã được đề cập trong nhiều cuộc đối thoại với các Giáo hội Chính thống giáo và Chính thống giáo phương Đông. Cuộc đối thoại quốc tế Chính thống giáo-Công Giáo nhấn mạnh tầm quan trọng về mặt giáo hội học của các cấu trúc khu vực ở cả phương Đông và phương Tây, đưa ra một sự song hành nào đó giữa các Tòa Thượng phụ và Hội đồng Giám

mục: “Các tòa Thượng phụ mới và các Giáo hội tự chủ đã được thành lập ở phương Đông Kitô giáo, và trong Giáo hội La tinh gần đây đã xuất hiện một mô hình gom các thành nhóm giám mục đặc thù, tức các Hội đồng Giám mục. Về mặt giáo hội học, đây không phải chỉ là các phân khu hành chính: chúng Nói lên tinh thần hiệp thông trong Giáo hội, đồng thời tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hóa nhân bản” (O–C 2007, 29).

Cuộc đối thoại Chính thống giáo-Công Giáo Bắc Mỹ đã nêu vấn đề về mối quan hệ giữa quyền tối thượng và các quyền tối thượng khi tuyên bố: “Trong một Giáo hội tái hiệp nhất, sự hiểu biết này về thẩm quyền của giáo hoàng và giám mục, như bổ sung và tăng cường lẫn nhau, sẽ phải được mở rộng để bao gồm các mô hình phức tạp hơn nhiều về sự lãnh đạo địa phương, tối thượng và thượng phụ đã phát triển trong các Giáo hội Đông phương kể từ thời giáo phụ” (O–C US 2010, 7b).

Do đó, nó gợi ý: “Cuối cùng, các cấu trúc thẩm quyền mới, trong đó các mối quan hệ của các giáo chủ địa phương và khu vực được điều chỉnh cụ thể, sẽ cần phải được thiết lập thông qua tham vấn chung, có thể là bởi một công đồng đại kết” (id., 8 d).

Liên quan đến các Giáo hội Đông phương, tài liệu này còn đề xuất rằng trong một Giáo hội hòa giải, “mối quan hệ của [giám mục của Rôma] với các Giáo hội Đông phương và các giám mục của họ [...] sẽ phải khác biệt đáng kể so với mối quan hệ hiện được chấp nhận trong Giáo hội La tinh” và nói thêm rằng “các Giáo Hội Công Giáo Đông phương hiện tại sẽ liên hệ với giám mục Rôma theo cùng cách như các Giáo hội Chính thống giáo hiện tại” (id., 7a).

129. Đức Giáo Hoàng Gioan Phao-lô II và Giáo hoàng Shenouda III đã có thể đồng ý về quan điểm như vậy trong tài liệu chung mà họ đã ký vào năm 1979:

“Sự hiệp nhất mà chúng ta hình dung không có nghĩa là sự hấp thụ của bên này đối với bên kia hoặc sự thống trị của bên này đối với bên kia. Mỗi bên đều có lợi khi giúp nhau sống tốt hơn những ân huệ thích hợp mà mình đã nhận được từ Thánh Linh Thiên Chúa. Sự hiệp nhất giả định rằng các Giáo hội của chúng ta tiếp tục có quyền và quyền tự quản theo truyền thống và kỷ luật riêng của mình” (*Nguyên tắc hướng dẫn tìm kiếm Sự hiệp nhất giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo hội Chính thống giáo Copt*, 1979 Lời nói đầu 4-5). (24).

130. Các Giáo Hội Công Giáo Đông phương đại diện cho một mô hình cụ thể liên quan đến bình diện khu vực. Là các Giáo hội sui iuris trong sự hiệp thông trọn vẹn với Tòa Roma, họ duy trì bản sắc phương Đông và quyền tự chủ của mình trong các cấu trúc đồng nghị. Các Giáo hội Chính thống, vì sợ bị sáp nhập và mất quyền tự quản, coi mối quan hệ giữa các Giáo Hội Công Giáo Đông phương và Tòa Roma là thước đo độ tin cậy đại kết của Giáo Hội Công Giáo. Họ không công nhận mối quan hệ hiện tại của các Giáo Hội Công Giáo Đông phương với Roma là mô hình cho sự hiệp thông trong tương lai. Tuy nhiên, cần nhớ rằng Công đồng Vatican II đã long trọng công nhận năng lực của các Giáo hội Đông phương để 'tự quản theo kỷ luật của họ [*Facultatem se secundum proprias disciplinas regendi*] (UR 16). Các tiền đề tín lý và hậu quả thực tế của nguyên tắc này có thể trở thành đối tượng của một sự suy tư đại kết mới.

131. Cuộc đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo đã tạo ra một cách đọc mới về hiện tượng lịch sử “chủ nghĩa qui hiệp [uniatism]” theo quan điểm giáo hội học, có liên quan chặt chẽ đến vấn đề quyền tối thượng. Vào thế kỷ 17, cơ sở giáo hội học của “chủ nghĩa qui hiệp”, bắt nguồn từ giáo hội học hậu công đồng Trent, là tuyên bố về quyền tài phán trực tiếp của Tòa Roma đối với tất cả các Giáo hội địa phương. Điều này ngụ ý cho rằng các Giáo hội không hiệp thông với Tòa này có thể là đối tượng của hoạt động truyền giáo “để đưa họ trở lại” hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo, đồng thời cho phép họ duy trì phụng vụ và kỷ luật của riêng mình. Đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo quốc tế, trong văn bản đã được nhất trí tại Balamand, *Uniatism, Method of Union of the Past, and the Present Search for Full Communion* [chủ nghĩa Qui hiệp, Phương pháp Hiệp nhất của Quá khứ và Tìm kiếm Sự hiệp thông trọn vẹn Hiện tại], thừa nhận rằng, “vì cách mà Công Giáo và Chính thống giáo một lần nữa xem xét nhau trong mối quan hệ của họ với mầu nhiệm Giáo hội và khám phá nhau một lần nữa như Các Giáo hội Chị em, hình thức ‘tông đồ truyền giáo’ này được mô tả ở trên, và được gọi là ‘chủ nghĩa qui hiệp’, không còn có thể được chấp nhận như một phương pháp cần tuân theo hoặc như một mô hình của sự hiệp nhất mà các Giáo hội của chúng ta đang tìm kiếm” (O–C, 1993, 12). “Nỗ lực đại kết của các Giáo hội Chị em Đông và Tây, dựa trên đối thoại và cầu nguyện, là tìm kiếm sự hiệp thông hoàn hảo và toàn diện không phải là sự hấp thụ hay hợp nhất mà là một cuộc gặp gỡ trong chân lý và tình yêu” (id., 14). Tuy nhiên, trong tài liệu mới nhất của mình, cùng một ủy ban đã thừa nhận rằng “Động cơ của những sự hiệp nhất này luôn bị tranh cãi. Mong muốn chân thành về sự hiệp

nhất của Giáo hội không thể bị loại trừ khỏi việc xem xét. Các yếu tố tôn giáo và chính trị thường đan xen vào nhau. Các liên minh thường xuất hiện như những nỗ lực chạy trốn khỏi những tình huống địa phương không may mắn” (O-C 2023, 2.6).

** Các cộng đồng Kitô giáo phương Tây: ý nghĩa giáo hội học của bình diện khu vực*

132. Giá trị của bình diện khu vực trong Giáo hội Latinh cũng được ủng hộ trong một số cuộc đối thoại thần học phương Tây, quan sát thấy “sự bất đối xứng” giữa ý nghĩa của nó đối với Giáo Hội Công Giáo và đối với các cộng đồng Kitô giáo phương Tây khác (xem ARCIC 2018, 108). Nhóm Dombes bày tỏ “hy vọng rằng các hội đồng giám mục lục địa hiện tại sẽ nhận được, với sự công nhận theo giáo luật, một lĩnh vực rộng lớn về thẩm quyền liên quan đến tổ chức các Giáo hội, việc bổ nhiệm các giám mục, phụng vụ, tín lý, v.v. Điều này sẽ tạo nên ‘các giáo hội lục địa lớn’, sẽ được đổi mới và điều chỉnh các hình thức của các tòa thượng phụ cổ xưa” (Dombes 1985, 144). (25)

133. Trong Phản hồi của mình đối với *Ut unum sint*, Giáo hội Thụy Điển đã nói về “sự cần thiết” của một “sự phân quyền liên tục”: “Sự gia tăng tính độc lập của địa phương, nhưng cũng là sự bình đẳng lẫn nhau lớn hơn thông qua, ví dụ, các tòa thượng phụ tự trị hoặc tự chủ, sau đó sẽ trở thành một sự cần thiết, ngay cả trong các truyền thống tôn giáo khác. Người ta có thể hình dung ngay cả các khu vực có trách nhiệm của Anh giáo và Lutheran” (trang 12–13).

134. Đối thoại Công Giáo-Công Giáo cũ cũng khẳng định sự liên quan của “hiến chế thượng phụ của Giáo hội cổ thời” trong đó Giáo hoàng sẽ thực thi “quyền tối thượng như người đầu tiên trong số các thượng phụ” (OC–C 2009, 29). Những người Công Giáo cũ áp dụng mô hình này cho chính họ: “Đối với Liên minh Utrecht, sự hiệp thông giáo hội với Giáo Hội Công Giáo Rôma và với giám mục Rôma sẽ có nghĩa là nó tiếp tục hiện hữu như một giáo hội với cấu trúc phụng vụ và giáo luật riêng và các nghĩa vụ đại kết mà nó đã tham gia với các giáo hội khác, nhưng vẫn hiệp thông với giáo hoàng như dấu hiệu của sự hiệp thông phổ quát của các giáo hội địa phương” (id., 83).

135. Gần đây hơn, ARCIC, suy tư rằng “ở một số khía cạnh [...] các hội đồng giám mục đại diện cho sự trở lại mô hình cổ xưa của các công đồng/thượng hội

đồng khu vực” (ARCIC 2018, 110), đã xem xét “những căng thẳng và khó khăn trong việc thực hành hiệp thông ở bình diện khu vực của đời sống Anh giáo và Công Giáo Rôma” (id., 116-118).

Nó đã đề cập đến lời của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong *Evangelii gaudium*, nhấn mạnh tầm quan trọng của các hội đồng giám mục để cân bằng một ‘sự tập quyền quá mức’: “Công đồng Vatican II tuyên bố rằng, giống như các Giáo hội thượng phụ cổ thời, các hội đồng giám mục đang ở vị trí ‘góp phần theo nhiều cách và hữu hiệu vào việc hiện thực hóa cụ thể tinh thần hợp đoàn’ (LG 23). Tuy nhiên, mong muốn này vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, vì tình trạng pháp lý của các hội đồng giám mục vốn coi họ là chủ thể của các quyền hạn [attributions] chuyên biệt, bao gồm thẩm quyền tín lý thực sự, vẫn chưa được xây dựng đầy đủ. Việc tập quyền quá mức, thay vì chứng minh là hữu ích, lại làm phức tạp thêm đời sống của Giáo hội và hoạt động truyền giáo của Giáo hội” (EG 32 được trích dẫn trong chú thích 38 của ARCIC 2018). Cùng tài liệu ARCIC lưu ý rằng một số người Anh giáo coi sự phát triển của các giáo phận tông nhân theo các điều khoản được đưa ra bởi Tông hiến *Anglicanorum Coetibus* (2009) là một ví dụ về sự tập quyền như vậy (5).

c. Nguyên tắc phụ đới

* Một “nguyên tắc cổ xưa”

136. Nối kết với vấn đề về các bình diện của Giáo hội, nguyên tắc phụ đới thường được đề cập trong các cuộc đối thoại đại kết như là một nguyên tắc quan trọng để thực hiện quyền tối thượng. Hội đồng Thần học Chính thống giáo– Công Giáo Bắc Mỹ mô tả nguyên tắc bổ trợ là “nguyên tắc cổ xưa được công nhận là chuẩn mực cho các cấu trúc con người được tổ chức tốt, các trường hợp ‘cao hơn’ của thẩm quyền giám mục chỉ được mong đợi hành động khi các trường hợp ‘thấp hơn’ không thể đưa ra và thực hiện các quyết định cần thiết để tiếp tục sự hiệp nhất trong đức tin”. Tài liệu áp dụng nguyên tắc này một cách đặc biệt vào việc bầu giám mục và công nhận các nhà lãnh đạo Giáo hội ở mọi bình diện: “Điều này có nghĩa là, trong số những điều khác, ít nhất, trong các Giáo hội Chính thống giáo và Công Giáo Đông phương, các giám mục sẽ được bầu bởi các hội đồng địa phương hoặc bằng các phương pháp lựa chọn truyền thống khác. Những người được bầu vào các chức vụ giám mục hoặc giáo chủ chính sẽ trình diện trước các nhà lãnh đạo Giáo hội khác ở cấp của họ, trước

thượng phụ của họ, và trước giám mục Rôma là người đầu tiên trong số các thượng phụ, bằng cách trao đổi và tiếp nhận các lá thư hiệp thông, theo phong tục Kitô giáo cổ xưa. Giám mục Rôma cũng sẽ thông báo cho các thượng phụ phương Đông về cuộc bầu cử của mình” (O–C US 2010, 6g). Tương tự như vậy, thủ tục kháng cáo cổ xưa do công đồng Sardica mô tả có thể được coi là một hình thức hỗ trợ (xem ở trên §§101–103).

137. ARCIC cũng nhấn mạnh đến nhu cầu thực hiện nguyên tắc hỗ trợ, đặc biệt là khi ứng phó với các bối cảnh văn hóa khu vực: “Nguyên tắc hỗ trợ chỉ ra tính hữu ích của các công cụ hiệp thông giữa các bình diện địa phương và hoàn cầu/phổ quát của Giáo hội. Không phải mọi vấn đề đều liên quan đến mọi người trên thế giới, và do đó không phải mọi vấn đề ảnh hưởng đến nhiều hơn một giáo hội địa phương đều cần được cân nhắc ở bình diện toàn thế giới/hoàn cầu, bình diện này hiện hữu để giải quyết các vấn đề ảnh hưởng đến tất cả. Hơn nữa, sự khác biệt về văn hóa giữa các vùng có thể khiến quyết định độc dạng trở nên thiếu sáng suốt” (ARCIC 2018, 107).

138. Đối thoại Lutheran-Công Giáo tại Hoa Kỳ đề xuất nguyên tắc hỗ trợ là một trong ba “chuẩn mực đổi mới” (xem ở trên §110) và là sự bảo đảm cho sự đa dạng hợp pháp thông qua sự tham gia vào quá trình ra quyết định của toàn thể Giáo hội: “Nguyên tắc hỗ trợ không kém phần quan trọng. Mỗi bộ phận của giáo hội, mỗi bộ phận đều lưu tâm đến di sản đặc biệt của mình, nên nuôi dưỡng những ân sủng mà mình đã nhận được từ Chúa Thánh Thần bằng cách thực hiện quyền tự do hợp pháp của mình.

Những gì có thể được quyết định và thực hiện đúng đắn trong các đơn vị nhỏ hơn của đời sống giáo hội không nên được chuyển đến các nhà lãnh đạo giáo hội có trách nhiệm rộng hơn. Các quyết định nên được đưa ra và các hoạt động nên được thực hiện với sự tham gia rộng rãi nhất có thể từ dân Chúa.

Các sáng kiến nên được khuyến khích để thúc đẩy sự đa dạng lành mạnh trong thần học, thờ phượng, chứng ngôn và phục vụ. Tất cả nên quan tâm rằng, khi cộng đồng được xây dựng và sự thống nhất của nó được củng cố, thì quyền của các nhóm thiểu số và quan điểm của nhóm thiểu số được bảo vệ trong sự thống nhất của đức tin” (L–C US 1973, 25).

139. Tương tự như vậy, cuộc đối thoại quốc tế Công Giáo–Công Giáo Cũ đề cập

đến nguyên tắc này khi xác định mối quan hệ có thể chấp nhận được giữa Liên minh Utrecht và Giám mục Rôma: “Cần phải tìm và thống nhất một mô hình về cách thức giám mục Rôma thực hiện thừa tác vụ của mình để phục vụ cho sự hiệp nhất hoàn cầu của giáo hội theo quan điểm hiệp thông với Liên minh Utrecht, một mô hình phát biểu cụ thể quan điểm (như đã nêu ở trên) về quyền tối thượng của ngài trong sự căng thẳng giữa nghĩa vụ hỗ tương đối với sự hiệp thông và nguyên tắc bổ trợ” (OC–C 2009, 86).

** Một “giới hạn tự nguyện trong việc thực thi quyền lực”*

140. Liên quan đến nguyên tắc bổ trợ, câu hỏi về mối quan hệ giữa quyền tối thượng, được hiểu là 'thừa tác vụ hiệp nhất', và việc thực thi quyền lực là một câu hỏi phức tạp. Sự phức tạp này một phần là do thuật ngữ được áp dụng cho quyền tối thượng, vì các khái niệm có liên quan như, quyền tài phán, thẩm quyền giáo luật, quyền lực, chính quyền, hành chính được sử dụng với nhiều bình diện ý nghĩa và cộng hưởng khác nhau. Một số cuộc đối thoại và phản hồi đối với *Ut unum sint* cảnh cáo chống lại bất cứ hành vi lạm dụng quyền lực nào trong việc thực thi quyền lực. Phản ứng với lời khẳng định của Đức Gioan Phaolô II rằng thừa tác vụ hiệp nhất của ngài “sẽ là ảo tưởng” nếu không có “quyền lực và thẩm quyền” để hoàn thành nó (UUS 94), phản hồi từ Giáo hội Cải cách Hiệp nhất tại Vương quốc Anh (1996) kêu gọi “một cuộc xem xét lại một cách có phê phán” một giả định như vậy và tuyên bố, “chúng tôi không có kinh nghiệm về việc các vấn đề bất đồng giữa các Ki-tô hữu có lương tâm sáng suốt có thể được giải quyết đơn giản bằng cách thực thi quyền lực và thẩm quyền, nó cũng không phù hợp với sự hiểu biết của chúng tôi về bản chất của tính Công Giáo” (4).

141. Theo cách tiếp cận có phê phán tương tự, cuộc đối thoại Luther-Công Giáo tại Hoa Kỳ lập luận rằng quyền lực của Giám mục Rôma không nên lớn hơn mức cần thiết để thực thi chức năng của mình và đạt được mục tiêu của mình, đó là trở thành một ‘thừa tác viên hiệp nhất’ hữu hiệu ở bình diện hoàn cầu. Cuộc đối thoại gợi ý một sự hạn chế tự nguyện trong việc thực thi quyền lực: “Một nguyên tắc chính trị quan trọng là quyền lực trong bất cứ xã hội nào chỉ nên sử dụng lượng quyền lực cần thiết để đạt được mục tiêu được giao. Điều này cũng áp dụng cho thừa tác vụ giáo hoàng. Không thể loại trừ sự phân biệt theo giáo luật giữa thẩm quyền cao nhất và việc thực thi hạn chế quyền lực tương ứng và cần phải được nhấn mạnh. Một sự hạn chế như vậy không nhất

thiết làm phương hại đến quyền tài phán phổ quát vốn được gán cho giáo theo học thuyết Công Giáo Rôma. Do đó, người ta có thể thấy trước rằng những hạn chế tự nguyện của giáo hoàng đối với việc thực thi quyền tài phán của mình sẽ đi kèm với tính hợp lệ ngày càng tăng của các cơ quan của chính quyền hợp đoàn, để các biện pháp kiểm tra và cân bằng trong quyền lực tối cao có thể được công nhận một cách hữu hiệu” (L–C US 1973, 27).

* “*Một lượng thẩm quyền đủ lớn*”

142. Cùng với sự suy tư về “quyền tối thượng danh dự” trong thiên niên kỷ đầu tiên (xem ở trên §§94-98), một số cuộc đối thoại khẳng định rằng một cách thực tiễn, Giám mục Rôma sẽ cần một lượng thẩm quyền đủ lớn để đáp ứng nhiều thách thức và nghĩa vụ phức tạp liên quan đến ‘thừa tác vụ hiệp nhất’ của ngài. Bị tước mất thẩm quyền, ‘thừa tác vụ hiệp nhất’ của ngài có nguy cơ trở thành một công cụ bất lực và cuối cùng là một chức danh trống rỗng. Nhóm Dombes tuyên bố rõ ràng rằng “chúng tôi không muốn làm nghèo nàn hoặc làm suy yếu thừa tác vụ cá vị của sự hiệp thông trong Giáo hội hoàn vũ. Trong khi tôn trọng những người đã, đang hoặc sẽ thực thi thừa tác vụ này, chúng tôi muốn có một sự trong sáng của tin mừng về thừa tác vụ này. Thừa tác vụ này phải vẫn là một sức mạnh đầy sáng kiến, đề xuất và hỗ trợ cho tất cả các Giáo hội đang phải đối diện với những thách thức của thế giới ngày nay hoặc với áp lực của một số quyền lực nào đó” (Dombes 1985, 151).

143. Tương tự như vậy, một tuyên bố hiệp nhất năm 1985 giữa những người Anh giáo và những người Công Giáo Cũ, trong khi thừa nhận giá trị của nguyên tắc bổ trợ, nêu rõ: “Chúng tôi thừa nhận rằng để vị giáo chủ hoàn cầu không chỉ là dấu hiệu của sự hiệp nhất mà còn có thể duy trì sự hiệp nhất, chân lý và tình yêu, ngài phải có nghĩa vụ triệu tập các cuộc họp của các giám mục và công đồng vào những thời điểm nhất định và trong những hoàn cảnh nhất định, và có quyền làm như vậy khi ngài cho là cần thiết. Ngài có thể được trao quyền được xác định rõ ràng và hạn chế để tiếp nhận các đơn kháng cáo. Có khả năng thực thi đúng nghĩa vụ của mình, ngài sẽ cần sự hỗ trợ của một cơ cấu văn phòng đáng kể” (OC–C 2009, Phụ lục văn bản 7).

(24). *Dịch vụ thông tin* 76 (1991/I), tr. 30

(25). Một quan điểm tương tự đã được Joseph Ratzinger xây dựng khi suy tư về chức năng “thượng phụ” của Giám mục Rôma: “Luật giáo hội thống nhất, phụng vụ thống nhất, các cuộc bổ nhiệm thống nhất vào các tòa giám mục từ trung tâm Rôma, tất cả những điều này không nhất thiết phải tạo thành một phần của quyền tối thượng như vậy, như có thể thấy khi cả hai chức vụ [của Giáo hoàng và Thượng phụ] trở nên thống nhất. Vì vậy, trong tương lai, chúng ta sẽ phải phân biệt rõ hơn chức năng thực tế của người kế nhiệm Thánh Phêrô với chức năng thượng phụ, và nếu cần, phải thành lập các Tòa Thượng phụ mới tách khỏi Giáo hội Latinh”, Joseph Ratzinger, *Das neue Volk Gottes*, Düsseldorf, 1969, 142 (dịch theo yêu cầu).

Một Số Gợi Ý Thực Tế Hoặc Yêu Cầu Ngỏ Với Giáo Hội Công Giáo

144. Trong suốt các cuộc đối thoại đại kết hoặc phản hồi cho *Ut unum sint* liên quan đến quyền tối thượng, nhiều khuyến nghị khác nhau được đưa ra cho tất cả các cộng đồng Kitô giáo khác nhau. Với niềm tin rằng bốn phận đại kết đầu tiên của người Công Giáo là “kiểm tra lòng trung thành của chính họ đối với ý muốn của Chúa Kitô đối với Giáo hội và theo đó thực thi mạnh mẽ nhiệm vụ đổi mới và cải cách” (UR 4), sau đây là một số gợi ý hoặc yêu cầu thực tế ngỏ với Giáo Hội Công Giáo, để quyền tối thượng của giáo hoàng có thể đạt được sự tiếp nhận đại kết lớn hơn.

4.1. Một Giải Thích Mới Về Vatican I

145. Một số cuộc đối thoại thần học nhấn mạnh giá trị của việc ‘tiếp nhận lại’ các tín lý của Giáo hội được phát biểu bằng những thuật ngữ gắn liền chặt chẽ với một bối cảnh chuyên biệt. Quá trình này được ARCIC mô tả như sau:

“Có thể có sự tái khám phá các yếu tố đã bị bỏ quên và một sự ghi nhớ mới mẽ về những lời hứa của Chúa, dẫn đến sự đổi mới của lời ‘Amen’ của Giáo hội. Cũng có thể có sự sàng lọc những gì đã được tiếp nhận vì một số công thức của Truyền thống được coi là không đầy đủ hoặc thậm chí gây hiểu lầm trong một bối cảnh mới. Toàn bộ quá trình này có thể được gọi là sự tiếp nhận lại” (ARCIC 1999, 25; xem cũng ở trên §59).

146. Quá trình ‘tiếp nhận lại’ này đã được kêu gọi liên quan đến giáo huấn của Công đồng Vatican I. Đối thoại Luther-Công Giáo tại Hoa Kỳ xác định quá trình

này là ‘diễn giải lại’ và nói về “khả thể cuối cùng tìm ra những cách diễn đạt mới trung thành với ý định ban đầu và thích ứng với bối cảnh văn hóa đã thay đổi. Quá trình tái diễn giải này đã diễn ra theo cách mà học thuyết về ơn bất khả ngộ của giáo hoàng được xử lý tại Công đồng Vatican II, đưa những khía cạnh mới lên hàng đầu” (L–C US 1978, 19). Một nhu cầu được phát biểu là “đặt tín lý về ơn bất khả ngộ vào các phạm trù thần học lời hứa, tín thác và hy vọng thay vì vào các phạm trù tài phán luật lệ, nghĩa vụ và sự vâng phục” (id., 5).

147. Nhóm Dombes, “với tinh thần metanoia [hoán cải]”, đã bày tỏ “hy vọng rằng cách diễn đạt tín điều của thừa tác vụ này [của giám mục Rôma], đã được đưa ra kể từ Công đồng Vatican I và đã xúc phạm sâu sắc các cảm quan Kitô giáo của những người anh em ly khai của chúng ta từ phương Đông và phương Tây, tạo ra một bình luận chính thức và được cập nhật, thậm chí là một sự thay đổi về từ vựng, tích hợp nó vào một giáo hội học hiệp thông” (Dombes 1985, 149). Sau đó, nó cũng kêu gọi một “cách diễn đạt lại tín điều về ơn bất khả ngộ của giáo hoàng”, gợi ý rằng “việc tái cấu trúc này có thể được thực thi trong khuôn khổ của một công đồng tương lai, các đại biểu của các Giáo hội khác lúc đó đóng vai trò đầy đủ thuộc về họ” (Dombes 2014, 476).

148. Tương tự như vậy, những người Công Giáo và Luther ở Đức đã bày tỏ hy vọng về “một cách diễn giải chính thức” về Công đồng Vatican I, trong đó “quyền tối thượng tài phán chỉ có vị trí trong cấu trúc hiệp thông của giáo hội” và “quyền bất khả ngộ của giáo hoàng chỉ có thể được thực thi trong sự trung thành tuyệt đối với đức tin tông truyền (Kinh thánh)” (L–C Germ 2000, 198).

4.2. Một Sự Thực Thi Khác Biệt Quyền Tối Thượng Của Giám Mục Rôma

149. Giám mục Rôma đồng thời hoạt động như giám mục của một giáo phận địa phương, như là giáo chủ của Giáo hội phương Tây hoặc La tinh và như là một thừa tác viên của hiệp nhất ở bình diện hoàn cầu. Một số cuộc đối thoại đại kết kêu gọi phân biệt rõ ràng hơn giữa các trách nhiệm khác nhau của ngài, đặc biệt giữa thừa tác vụ thượng phụ của ngài trong Giáo hội phương Tây và thừa tác vụ tối thượng của ngài về sự hiệp nhất trong sự hiệp thông của các Giáo hội (xem thêm chú thích 25 ở trên). Lời kêu gọi này nhằm phân biệt rõ ràng hơn các vai trò phù hợp với bản chất và mối quan hệ riêng biệt của quyền tối thượng và tính đồng nghị ở mỗi bình diện giáo hội, được một số cuộc đối thoại ghi nhận (xem ở trên §82).

150. Cuộc đối thoại Chính thống giáo-Công Giáo Pháp đã kêu gọi vào năm 1991 việc “thực thi phân biệt thẩm quyền của Giám mục Rôma”, “tùy thuộc vào việc nó liên quan đến các Giáo hội phương Tây hay Giáo hội hoàn vũ” (O-C Fr 1991, tr. 119). Khi suy nghĩ về cách quyền tối thượng có thể được thực thi trong một Giáo hội tái hiệp nhất, Nhóm Thánh I-rê-nê tuyên bố: “Có thể đạt được sự hiểu biết tốt hơn khái niệm Công Giáo về quyền tối thượng ở bình diện hoàn vũ thông qua sự phân biệt rõ ràng hơn giữa vị trí độc nhất của Giáo hoàng trong Giáo Hội Công Giáo và chức năng có thể có của ngài với tư cách là người đứng đầu trong cộng đồng Kitô giáo rộng lớn hơn” (Thánh I-rê-nê 2018, 14.11). Tương tự như vậy, cuộc đối thoại quốc tế Chính thống giáo-Công Giáo nhận thấy rằng “Cũng có một sự sẵn lòng phân biệt những gì có thể được gọi là thừa tác vụ thượng phụ của giáo hoàng trong Giáo hội phương Tây hoặc La tinh với việc phục vụ tối thượng của ngài liên quan đến sự hiệp thông của tất cả các Giáo hội, mang đến những cơ hội mới cho tương lai” (O C 2023, 5.2).

151. Theo cùng một tinh thần, một số cuộc đối thoại thần học với các Cộng đồng Kitô giáo phương Tây đề cập đến nhu cầu thực thi một cách khác biệt thừa tác vụ của Giám mục Rôma. Ví dụ, cuộc đối thoại quốc tế Giám lý-Công Giáo nêu rằng “từ lịch sử có thể thấy rằng một số chức năng hiện tại do giám mục Rôma thực thi liên quan đến tòa giáo phận của ngài hoặc thừa tác vụ của ngài với tư cách là Thượng phụ của Giáo hội La tinh và không liên quan đến yếu tính của thừa tác vụ hiệp nhất phổ quát của ngài” (MERCIC 1986, 59). Phản hồi của Hội đồng các Giáo hội Anh và Ireland đối với Ut unum sint (1997) khẳng định rằng có “một sự phân biệt cần được thực thi giữa quyền tối thượng và quyền tài phán phổ quát hoặc giữa quyền tối thượng và quyền tài phán đối với 'Tòa Thượng phụ phương Tây'” (4). Nhóm Dombes cũng giải quyết lập luận này, khẳng định: “Nghiên cứu lịch sử đã chỉ ra rằng do sự rạn nứt giữa Đông và Tây, Giáo Hội Công Giáo đã trùng hợp với Tòa Thượng phụ phương Tây cổ thời hoặc Giáo hội La tinh. Vì lý do đó, Giám mục Rôma đã thực thi một cách thực tế có tính lẫn lộn một trách nhiệm kép trong Giáo hội đó, cụ thể là thừa tác vụ hiệp thông và thừa tác vụ Thượng phụ phương Tây, để có lợi cho sự tập trung hóa ngày càng tăng.

Ngoài ra, nỗ lực truyền giáo mạnh mẽ của Giáo hội La tinh đã mở rộng quyền tài phán của Tòa Thượng phụ phương Tây trên hầu như toàn bộ bề mặt trái đất, mà không cân nhắc đến hậu quả của việc đó. ‘Sự phát triển bất thường’ này đã

làm tổn hại đến hình ảnh của giáo hoàng ‘bằng cách khiến nó bị nhầm lẫn với sự phình to khủng khiếp của những gì mà thực tế không phải vậy’ [L. Bouyer, *L’Église de Dieu*, Paris, Cerf, 1970, tr. 555]. Chừng nào sự khác biệt giữa hai chức năng này không được thể hiện rõ trong tổ chức sống động của Giáo hội, thì sự cần thiết của thừa tác vụ hiệp thông do Giám mục Rôma thực thi sẽ không được các anh em Chính thống giáo, Anh giáo và Tin lành của chúng ta chấp nhận. Chỉ có sự tản quyền nội bộ của Giáo Hội Công Giáo mới có thể mang lại cho họ một góc nhìn cụ thể về loại cam kết mà họ sẽ thực thi bằng cách làm mới mối liên kết hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công Giáo” (Dombes 1985, 142–143). Cuộc đối thoại Luther-Công Giáo Đức, bổ sung vấn đề về Giáo hoàng là “Nguyên thủ quốc gia” và những hàm ý chính trị-ngoại giao của nó, đi xa hơn, kêu gọi “một sự dị biệt hóa giữa các thừa tác vụ hiệp nhất trong con người của giáo hoàng: Giám mục Rôma, mục tử của toàn thể Giáo hội, người đứng đầu Hợp đoàn Giám mục, thượng phụ Phương Tây, Giáo chủ Ý đại lợi, Tổng giám mục và trưởng giáo đô của giáo tỉnh Rôma, quốc trưởng thị quốc Vatican” (L–C Germ 2000, 200).

152. Phù hợp với đề xuất này về việc thực thi một cách dị biệt hóa quyền tối thượng của Giám mục Rôma, Nhóm Dombes đã bày tỏ mong muốn “việc thực thi thừa tác vụ của giám mục Rôma trong Giáo hội đặc thù của ngài [Giáo phận Rôma] được tăng cường. Một giáo hoàng đảm nhận nhiều hơn trách nhiệm giám mục của mình khi cần thiết và có khả năng thực thi trách nhiệm đó chắc chắn có thể góp phần tạo nên sự thay đổi lớn trong hình ảnh của giáo hoàng. Khi đó, ngài sẽ xuất hiện như một mục tử, người đầy tớ và người hướng dẫn các anh em của mình trong một thừa tác vụ giám mục thực sự chung và thống nhất” (Dombes 1985, 150).

4.3. Tính Đồng Nghị Đối Nội [Ad Intra]

153. Các cuộc đối thoại thần học nhấn mạnh vào mối quan hệ qua lại giữa việc sắp xếp đồng nghị đối nội [*ad intra*] của Giáo Hội Công Giáo và tính đáng tin cậy hoặc sự hấp dẫn của cam kết đại kết *ad extra* [đối ngoại] của giáo hoàng. Các Giáo hội và cộng đồng Giáo hội ở cả phương Đông và phương Tây đều chú ý xem xét mô hình của Giáo Hội Công Giáo về sự hiệp thông và quyền tối thượng *ad intra* [đối nội] như một bản thiết kế hoặc trường hợp thử nghiệm cho ý định *ad extra* [đối ngoại] của mình trong lĩnh vực đại kết.

154. Các cuộc đối thoại đã xác định những lĩnh vực cần có tính đồng nghị tăng cường trong Giáo Hội Công Giáo. Trong Hồng phúc Thẩm quyền, ARCIC liệt kê một số "vấn đề mà người Công Giáo Rôma phải đối diện": "Có chăng sự tham gia hữu hiệu của giáo sĩ cũng như giáo dân vào các cơ quan đồng nghị mới nổi ở mọi bình diện? Giáo huấn của Công đồng Vatican II về tính hợp đoàn của các giám mục đã được thực thi đầy đủ chưa? Các hành động của các giám mục có phản ánh nhận thức đầy đủ về phạm vi quyền hạn mà họ nhận được thông qua việc tấn phong để quản trị giáo hội địa phương không? Đã có đủ điều khoản được đưa ra để đảm bảo sự tham vấn giữa Giám mục Roma và các giáo hội địa phương trước khi đưa ra các quyết định quan trọng ảnh hưởng đến một giáo hội địa phương hoặc toàn thể Giáo hội không? Làm thế nào sự đa dạng của ý kiến thần học được tính đến khi đưa ra các quyết định như vậy? Khi hỗ trợ Giám mục Rôma trong công việc cổ vũ sự hiệp thông giữa các giáo hội, các cấu trúc và thủ tục của Giáo triều Rôma có tôn trọng đầy đủ việc thực thi quyền giám mục ở các bình diện khác không? Trên hết, Giáo Hội Công Giáo Rôma sẽ giải quyết vấn đề về quyền tối thượng phổ quát như thế nào khi nó xuất hiện từ 'cuộc đối thoại kiên nhẫn và huynh đệ' về việc thực thi chức vụ của Giám mục Rôma mà Đức Gioan Phaolô II đã mời 'các nhà lãnh đạo giáo hội và các nhà thần học của họ' hướng tới? (ARCIC 1999, 57).

155. Để trả lời những câu hỏi này, các cuộc đối thoại đã đưa ra một số gợi ý ở bình diện khu vực và hoàn cầu, qua đó người Công Giáo có thể học hỏi từ kinh nghiệm của các đối tác đối thoại của họ.

Khi suy tư về sự cần thiết phải củng cố việc thực hành quyền tối thượng và tính đồng nghị ở bình diện khu vực, một số cuộc đối thoại đã đưa ra các đề xuất liên quan đến các hội đồng giám mục Công Giáo. Ví dụ, ARCIC xác định một "tiềm năng học hỏi từ chính sách và thủ tục của Anh giáo liên quan đến cấp tỉnh" và nhu cầu của người Công Giáo "phải phát triển các nguyên tắc liên quan đến: – thẩm quyền của các hội đồng giám mục; – mối quan hệ giữa các hội đồng giám mục quốc gia/khu vực và Thượng hội đồng giám mục; – xác định phạm vi và loại vấn đề có thể được giải quyết thỏa đáng ở cấp địa phương mà không cần phải thường xuyên nhờ đến Rôma; – các phương tiện thích hợp mà các hội đồng giám mục quốc gia/khu vực có thể đặt câu hỏi về các sáng kiến và chỉ thị phát sinh từ Rôma" (ARCIC 2018, 121). Ở bình diện hoàn cầu, một số cuộc đối thoại đã xác định nhu cầu phải có sự tham gia tốt hơn của toàn thể dân Chúa vào các tiến trình của Thượng hội đồng. Những thay đổi gần đây được thực hiện trong

các thủ tục của Thượng hội đồng giám mục, ủng hộ sự tham gia rộng rãi hơn của tất cả những người Công Giáo, đã được quan sát với sự quan tâm (xem St I-rê-nê 2018, 11.15; ARCIC 2018, 146).

Trên cơ sở cuộc đối thoại Lutheran-Công Giáo ở Úc và sự suy tư của nó về thực hành đồng nghị Lutheran, người ta đã đề xuất rằng, ngoài Thượng hội đồng giám mục, một "Hội đồng mục vụ chung" mới ở bình diện phổ quát của Giáo Hội Công Giáo, bao gồm cả giáo dân, có thể được thành lập, theo mô hình của các hội đồng mục vụ giáo xứ và giáo phận được thành lập sau Công đồng Vatican II (xem L-C Aus 2007).

4.4. Tính Đồng Nghị Đối Ngoại [Ad Extra]: “Cùng Nhau Bước Đi”

Khái niệm đồng nghị cũng có thể được áp dụng cho mối quan hệ của Giáo Hội Công Giáo với các cộng đồng Kitô giáo khác, vì con đường đại kết cũng là một quá trình “cùng nhau bước đi”. Tính đồng nghị này được thúc đẩy thông qua các cuộc tham vấn thường xuyên và hành động và chứng tá chung.

4.4.1. “TÌNH HIỆP THÔNG CÔNG ĐỒNG” VÀ QUYỀN TỐI THƯỢNG

156. Khái niệm “tình hiệp thông công đồng [conciliar fellowship]” đã được mô tả như một mô hình và phương pháp hiệp nhất khả thi vào những năm 1970 bởi Hội đồng các Giáo hội Thế giới và được nhiều cộng đồng Kitô giáo trên thế giới chấp nhận, cho đến ngày nay vẫn đưa ra những cách thức khả thi để tiến về phía trước. Chắc chắn, tình công đồng/tính đồng nghị sẽ tạo nên một khía cạnh của đời sống nội bộ của Giáo hội tái hợp nhất, và do đó đề cập đến mục tiêu của chủ nghĩa đại kết chứ không phải phương tiện của nó. Tuy nhiên, kiểu nói “tình hiệp thông công đồng” không chỉ có ý định về mục đích, mà còn có ý định về phương tiện trên con đường dẫn đến sự hiệp nhất, trong khuôn khổ của nhiều cấu trúc và sáng kiến chung theo kiểu công đồng/đồng nghị. Do đó, Đại hội WCC Nairobi năm 1975 đã đề xuất việc thành lập “các cuộc họp công đồng” để thúc đẩy sự thống nhất giữa các cộng đồng Kitô giáo khác nhau. Bằng cách thực hiện tầm nhìn này về “tình hiệp thông công đồng”, các Giáo hội sẽ có thể làm cho sự hiệp thông mà họ đã chia sẻ trở nên hữu hình và sâu sắc hơn, thông qua điều có thể được gọi là ‘tính đồng nghị đối ngoại’.

157. Trong góc nhìn này, Nhóm Dombes đã kết thúc văn kiện năm 1985 của mình bằng một nguyện vọng cuối cùng: “Chúng ta phải chờ đợi khoảnh khắc hiệp thông trọn vẹn được mong đợi trước khi mong muốn triệu tập một hội đồng nơi các đại diện đủ điều kiện của Giáo Hội Công Giáo và các giáo hội thuộc Hội đồng Giáo hội Thế giới có thể họp? Một cuộc họp như vậy chắc chắn sẽ không được gọi là công đồng. Tuy nhiên, theo truyền thống của giáo hội hoàn vũ, vốn xác nhận rằng một phiên họp công đồng cấu thành một ‘hình thức đặc quyền của thừa tác vụ hiệp thông’, chúng tôi tin rằng với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, một sáng kiến như vậy sẽ không chỉ có lợi cho sự tiến bộ đại kết, mà còn phù hợp với ý muốn của Chúa Giêsu Kitô vì sự hiệp nhất của giáo hội Người” (Dombes 1985, 163). Nhóm này nói thêm: “Nghiên cứu của chúng tôi về thừa tác vụ hiệp thông trong Giáo hội hoàn vũ vẽ nên một bức chân dung thiêng liêng và mục vụ của Giám mục Rôma sao cho, nếu ngài triệu tập một hội đồng như vậy cùng với Hội đồng Giáo hội Thế giới, ngài sẽ trung thành với thừa tác vụ của mình như một người phục vụ cho sự hiệp nhất. Nếu lời kêu gọi như vậy được lắng nghe, chúng ta chúc tụng Chúa” (id., 165).

Cùng một cách như vậy, trong phản hồi của họ đối với *Ut unum sint*, văn kiện *Ökumenische Arbeitsgruppe ‘Ut unum sint’*, của Thụy Sĩ, đã kêu gọi một “công đồng đại kết cho thế kỷ 21”, và Cộng đồng Iona, được linh hứng bởi Công vụ 15, đã đề xuất một “Công đồng Giêrusalem” thứ hai.

158. Trong cùng một tinh thần, nhiều cuộc đối thoại đã đề xuất các sáng kiến khác nhau để cổ vũ tính đồng nghị giữa các Giáo hội, đặc biệt là thông qua tính hợp đoàn ở bình diện giám mục và giáo chủ. Ví dụ, ARCIC II đề xuất các bước cụ thể để thiết lập sự hợp tác thực sự trong việc thực thi chức giám mục: các cuộc họp thường kỳ của các giám mục ở cấp địa phương và khu vực, sự tham gia của các giám mục của một hiệp thông vào các cuộc họp quốc tế của các giám mục thuộc hiệp thông khác, các chứng từ chung trong phạm vi công cộng về các vấn đề liên quan đến lợi ích chung, và thậm chí cả các giám mục Anh giáo đi cùng các giám mục Công Giáo trong các chuyến viếng thăm ad limina của họ tới Rôma (ARCIC 1999, 59). Các Nguyên tắc hướng dẫn tìm kiếm sự hiệp nhất giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo hội Chính thống giáo Copt (1979) đã đề xuất, mà không cần chờ đợi việc tái khôi phục sự hiệp thông trọn vẹn, một mô hình thực dụng về việc tái khám phá tính đồng nghị qua lại bằng cách thiết lập các cuộc tham vấn thường xuyên giữa các giáo chủ (6). Tham vấn Chính thống giáo-Công Giáo Bắc Mỹ đề xuất rằng "Các phái đoàn của các giám mục

Chính thống giáo và Công Giáo trong một quốc gia hoặc khu vực có thể bắt đầu tập hợp thường xuyên để tham vấn về các vấn đề mục vụ. Các Thượng phụ và đại diện của các Giáo hội Chính thống giáo tự chủ và tự quản cũng có thể gặp gỡ Giáo hoàng và các giám mục Công Giáo hàng đầu và các viên chức giáo triều một cách thường xuyên để tham vấn và lập kế hoạch” (O–C US 2010, 8 a).

4.4.2. Làm Việc Và Cầu Nguyện Với Nhau

159. Bên cạnh các cuộc họp và tham vấn thường xuyên, tính đồng nghị cũng bao hàm hành động và chứng tá chung. Như ARCIC II đã nêu: “Đối thoại thần học phải tiếp tục ở mọi bình diện trong các giáo hội, nhưng tự nó không đủ. Vì lợi ích của *koinonia* và một chứng tá Kitô giáo hiệp nhất với thế giới, các giám mục Anh giáo và Công Giáo Rôma nên tìm cách hợp tác và phát triển các mối quan hệ có trách nhiệm giải trình lẫn nhau trong việc thực thi việc giám sát của họ. Ở giai đoạn mới này, chúng ta không những phải cùng nhau làm bất cứ điều gì có thể, mà còn phải cùng nhau trở thành tất cả những gì mà *koinonia* [hiệp thông] hiện tại của chúng ta cho phép” (ARCIC 1999, 58).

Những nguyện vọng này đã được thúc đẩy đáng kể thông qua việc thành lập Ủy ban Quốc tế Anh giáo–Công Giáo Rôma về Hiệp nhất và Sứ mệnh (IARCCUM), đã đưa ra một số đề xuất sáng tạo và thiết thực về những cách mà các giám mục Anh giáo và Công Giáo có thể thực hành tinh thần hợp đoàn mới (xem *Growing Together in Unity and Mission*, 2007, 108–117).

160. Các sáng kiến gần đây minh họa cho cách cổ vũ "tính đồng nghị đối ngoại" này, ví dụ: chuyến thăm chung đến Lesbos của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Thượng phụ Đại kết Bartholomew và Tổng giám mục Ieronymos vào năm 2016 để chứng kiến mối quan tâm chung của họ đối với tình hình bi thảm của những người di cư; buổi cầu nguyện chung Lutheran–Công Giáo tại Lund do Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Giám mục Munib A. Younan, khi đó là Chủ tịch của Liên đoàn Lutheran Thế giới, chủ trì, với sự hiện diện của nhiều đối tác đại kết, vào năm 2017; cuộc tĩnh tâm tâm linh dành cho các nhà lãnh đạo chính trị và tôn giáo của Nam Sudan được tổ chức tại Vatican bởi Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Tổng giám mục Justin Welby năm 2019; Cuộc hành hương hòa bình đại kết đến Nam Sudan của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tổng giám mục Justin Welby và Mục sư Iain Greenshields năm 2023; và Lễ cầu nguyện chung đại kết “Cuộc

tụ họp chung của dân Chúa” được tổ chức tại Quảng trường Thánh Phêrô năm 2023 cho Đại hội đồng thường kỳ XVI của Thượng hội đồng giám mục.

TÓM LƯỢC

161. Sự hiểu biết và thực thi thừa tác vụ của Giám mục Rôma đã bước vào một giai đoạn mới với Công đồng Vatican II.

Kể từ đó, chiều kích đại kết đã trở thành một khía cạnh thiết yếu của thừa tác vụ này, như được minh họa bởi các giáo hoàng kế tiếp. Lời mời gọi của Đức Gioan Phaolô II trong *Ut unum sint* để tìm ra, với sự giúp đỡ của các Mục tử và các nhà thần học của tất cả các Giáo hội, một cách thực thi quyền tối thượng “được tất cả những người liên quan công nhận”, đã đánh dấu một thời điểm mang tính thời đại trong nhận thức đại kết này. Lời mời gọi đó được hỗ trợ đặc biệt trong bối cảnh triều đại của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, người có giáo huấn và thực hành nhấn mạnh đến chiều kích đồng nghị của thừa tác vụ của ngài.

Suy Nghĩ Đại Kết Về Thừa Tác Vụ Của Giám Mục Rôma

162. Lời mời gọi trong *Ut unum sint* đã gợi ra nhiều phản hồi và suy tư đại kết. Các cuộc đối thoại thần học đại kết, chính thức và không chính thức, quốc gia và quốc tế, được khởi xướng sau Công đồng Vatican II, cũng đã chứng minh, trong những thập niên qua, là nơi đặc quyền để nghiên cứu về một thừa tác vụ hiệp nhất ở bình diện hoàn cầu. Xác định các chủ đề và quan điểm chính, chúng minh họa mối quan tâm đến chủ đề này và những diễn biến trong cuộc thảo luận với các truyền thống Kitô giáo khác nhau. Chúng cũng chứng minh một tinh thần đại kết mới và tích cực trong việc thảo luận về vấn đề này.

163. Bầu không khí mới này chỉ ra mối quan hệ tốt đẹp được thiết lập giữa các cộng đồng Kitô giáo, và đặc biệt giữa các nhà lãnh đạo của họ. Vào thời điểm mà mối quan hệ giữa các Giáo hội đang củng cố, thì “tình anh em được tái khám phá” (UUS 42) này cũng nên được đọc lại về mặt thần học, cùng với những khác biệt về tín điều trong quá khứ. Cuộc sống của các mối quan hệ này bao gồm nhận thức ngày càng tăng về ‘trách nhiệm giải trình lẫn nhau’ giữa các cộng đồng Kitô giáo.

164. Cần lưu ý rằng mối quan tâm, sự nhấn mạnh và kết luận của các cuộc đối

thoại khác nhau thay đổi tùy theo các truyền thống tuyên tín liên quan. Hơn nữa, không phải tất cả các cuộc đối thoại thần học đều đề cập đến chủ đề này ở cùng một bình diện hoặc cùng một chiều sâu. Nếu một số đã dành toàn bộ tài liệu cho chủ đề này, thì những người khác chỉ đề cập đến nó trong bối cảnh của các tài liệu rộng hơn, trong khi những người khác vẫn chưa đề cập đến vấn đề này.

Tuy nhiên, không muốn làm lu mờ những cách tiếp cận và điểm nhấn khác nhau này, chúng ta có thể xác định được những thành quả sau đây.

Các Cách Tiếp Cận Mới Đối Với Các Vấn Đề Thần Học Mà Theo Truyền Thống Vẫn Bị Tranh Cãi

165. Một trong những thành quả của các cuộc đối thoại thần học là việc đọc lại các 'bản văn Phêrô', vốn từ lâu đã là một rào cản lớn giữa các Ki-tô hữu. Các đối tác đối thoại đã được thách thức tránh những dự đoán lạc hậu về các diễn biến tín lý sau này và xem xét lại vai trò của Phêrô trong số các tông đồ. Trên cơ sở của sự chú giải đương thời và nghiên cứu giáo phụ, những hiểu biết mới và sự làm giàu lẫn nhau đã đạt được, thách thức một số cách giải thích theo tín điều truyền thống. Một sự đa dạng về hình ảnh, cách diễn giải và mô hình trong Tân Ước đã được khám phá lại, trong khi các khái niệm trong Kinh thánh như *episkopè* (chức vụ giám sát), *diakonia* [phục vụ] và khái niệm 'chức năng Phêrô' đã giúp phát triển một sự hiểu biết toàn diện hơn về 'các bản văn Phêrô'.

166. Một vấn đề gây tranh cãi khác là cách hiểu của Công Giáo về quyền tối thượng của Giám mục Rôma được thiết lập *de iure divino* [thần quyền], trong khi hầu hết các Kitô hữu khác hiểu rằng quyền này chỉ được thiết lập *de iure humano* [nhân quyền]. Các minh giải về mặt chú giải đã giúp đưa vào một góc nhìn mới về sự phân đôi [dichotomy] truyền thống này, bằng cách xem quyền tối thượng là cả *de iure divino* lẫn *de iure humano*, tức là trở thành một phần trong ý muốn của Thiên Chúa đối với Giáo hội và được truyền đạt qua lịch sử loài người. Thay thế sự phân biệt giữa *de iure divino* và *de iure humano* các cuộc đối thoại thay vào đó nhấn mạnh sự phân biệt giữa yếu tính thần học và sự ngẫu nhiên lịch sử của quyền tối thượng – như được diễn đạt trong *Ut unum sint* (UUS 95). Trên cơ sở này, chúng kêu gọi chú ý nhiều hơn và đánh giá bối cảnh lịch sử đã điều kiện hóa việc thực thi quyền tối thượng ở các khu vực và thời kỳ khác nhau.

167. Các định nghĩa tín điều của Công đồng Vatican I là một trở ngại đáng kể đối với các Ki-tô hữu khác. Một số cuộc đối thoại đại kết đã ghi nhận những tiến bộ đầy hứa hẹn khi thực thi việc 'đọc lại' hoặc 'tiếp nhận lại' Công đồng này, mở ra những con đường mới để hiểu chính xác hơn về giáo huấn của Công đồng. Cách tiếp cận giải thích này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giải thích các tuyên bố tín điều của Công đồng Vatican I không phải một cách riêng lẻ, mà theo ánh sáng của bối cảnh lịch sử, ý định và sự tiếp nhận chúng - đặc biệt là thông qua giáo huấn của Công đồng Vatican II.

168. Nghiên cứu lịch sử bản văn *Pastor aeternus*, và đặc biệt là các thủ tục của Công đồng và bối cảnh quy định việc lựa chọn các thuật ngữ được sử dụng ('thông thường', 'trực tiếp', 'ngay lập tức'), một số cuộc đối thoại đã có thể làm rõ định nghĩa tín điều về quyền tài phán phổ quát, bằng cách xác định phạm vi mở rộng và giới hạn của nó. Tương tự như vậy, họ đã có thể làm rõ cách diễn đạt của tín điều về ơn bất khả ngộ và thậm chí là đồng ý về một số khía cạnh về mục đích của nó, nhận ra nhu cầu, trong một số trường hợp, đối với việc thực thi cá vị chức vụ giảng dạy, vì sự hiệp nhất của Kitô hữu là sự hiệp nhất trong chân lý và tình yêu. Bất chấp những giải thích này, các cuộc đối thoại vẫn bày tỏ mối quan tâm liên quan đến mối quan hệ giữa ơn bất khả ngộ với quyền tối thượng của Tin mừng, tính bất khả khuyết của toàn thể Giáo hội, việc thực thi tính hợp đoàn giám mục và sự cần thiết của việc tiếp nhận.

Các Góc Nhìn Cho Một Thừa Tác Vụ Hiệp Nhất Trong Một Giáo Hội Đã Được Hòa Giải

169. Những cách tiếp cận mới này đối với các câu hỏi thần học cơ bản do quyền tối thượng ở bình diện phổ quát nêu ra đã mở ra những góc nhìn mới cho một thừa tác vụ hiệp nhất trong một Giáo hội đã được hòa giải. Nhiều cuộc đối thoại thần học và phản hồi đối với *Ut unum sint*, chủ yếu dựa trên các lập luận liên quan đến *bene esse* [lợi ích] hơn là *esse* [yếu tính] của Giáo hội, thừa nhận yêu cầu về quyền tối thượng ở bình diện phổ quát. Đề cập đến truyền thống tông đồ, một số cuộc đối thoại cho rằng, từ Giáo hội sơ khai, Kitô giáo đã được thành lập trên các tòa tông đồ lớn chiếm một trật tự cụ thể, tòa Rôma là tòa đầu tiên. Dựa trên các xem xét về giáo hội học, một số cuộc đối thoại đã chủ trương rằng có sự phụ thuộc lẫn nhau của quyền tối thượng và tính đồng nghị ở mọi bình diện của đời sống Giáo hội: địa phương, khu vực, nhưng cũng phổ quát. Một lập luận khác, có tính chất thực dụng hơn, được thành lập trên bối cảnh hoàn cầu hóa

đương thời và trên các yêu cầu truyền giáo.

170. Các cuộc đối thoại thần học, đặc biệt là với các Giáo hội Chính thống giáo và Chính thống giáo Đông phương, thừa nhận rằng các nguyên tắc và mô hình hiệp thông được tôn vinh trong thiên niên kỷ đầu tiên (hoặc, đối với sau này, cho đến giữa thế kỷ thứ năm), vẫn mang tính mẫu mực. Thật vậy, trong thời kỳ đó, các Kitô hữu từ Đông và Tây đã sống trong sự hiệp thông mặc dù có một số rạn nứt tạm thời, và các cấu trúc thiết yếu của Giáo hội đã được thành lập và chia sẻ. Một số tiêu chuẩn của thiên niên kỷ đầu tiên đã được xác định là điểm tham chiếu và nguồn cảm hứng cho việc thực thi có thể chấp nhận được một thừa tác vụ hiệp nhất ở bình diện phổ quát, chẳng hạn như: tính chất không chính thức – và không chủ yếu là thẩm quyền – của các biểu thức hiệp thông giữa các Giáo hội; ‘quyền tối thượng danh dự’ của Giám mục Rôma; sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các chiều kích tối thượng và đồng nghị của Giáo hội như được minh họa trong Điều luật Tông đồ 34; quyền kháng cáo như một biểu thức hiệp thông (Điều luật Sardica); tính chất mẫu mực của các công đồng đại kết; và sự đa dạng của các mô hình giáo hội.

171. Mặc dù thiên niên kỷ đầu tiên có tính quyết định, nhiều cuộc đối thoại công nhận rằng không nên lý tưởng hóa hay chỉ đơn giản là tái tạo nó, vì những diễn biến của thiên niên kỷ thứ hai không thể bị bỏ qua và cũng vì quyền tối thượng ở bình diện phổ quát phải đáp ứng được những thách thức đương thời. Một số nguyên tắc để thực thi quyền tối thượng trong thế kỷ 21 đã được xác định. Một thỏa thuận chung đầu tiên là sự phụ thuộc lẫn nhau của quyền tối thượng và tính đồng nghị ở mỗi bình diện của Giáo hội, và yêu cầu tiếp theo đối với việc thực thi quyền tối thượng một cách đồng nghị. Một thỏa thuận khác liên quan đến sự kết hợp giữa ‘tất cả’, ‘một số’ và ‘một’, ba chiều kích bổ sung của Giáo hội, ở mỗi bình diện giáo hội: chiều kích ‘cộng đồng’ dựa trên *sensus fidei* của tất cả những người đã chịu phép rửa tội; chiều kích ‘hợp đoàn’, được phát biểu đặc biệt trong tính hợp đoàn giám mục; và chiều kích ‘cá vị’ được thể hiện trong chức năng tối thượng. Các cuộc đối thoại khác nhau xác định động lực đồng nghị vốn có trong việc kết hợp ba chiều kích này.

172. Suy tư đại kết cũng đã góp phần vào việc công nhận việc chức năng Phêrô phải được hiểu trong bối cảnh một quan điểm giáo hội học rộng hơn. Khi xem xét quyền tối thượng, nhiều cuộc đối thoại thần học đã lưu ý rằng ba chiều kích này - cộng đồng, hợp đoàn và cá vị - đều hoạt động trong mỗi ba bình diện của

Giáo hội: địa phương, khu vực và hoàn vũ. Về vấn đề này, một vấn đề quan trọng là mối quan hệ giữa Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ, có những hậu quả quan trọng đối với việc thực thi quyền tối thượng. Các cuộc đối thoại đại kết đã giúp mang lại sự đồng thuận về tính đồng thời của các chiều kích này, nhấn mạnh rằng không thể tách rời mối quan hệ biện chứng giữa Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ.

173. Một cân nhắc quan trọng khác liên quan đến các bình diện khác nhau trong Giáo hội là ý nghĩa giáo hội học của chiều kích khu vực hoặc siêu địa phương trong Giáo hội. Nhiều cuộc đối thoại nhấn mạnh sự cần thiết phải cân bằng giữa việc thực thi quyền tối thượng ở bình diện khu vực và hoàn vũ, lưu ý rằng trong hầu hết các cộng đồng Kitô giáo, bình diện khu vực là bình diện có liên quan nhất đến việc thực thi quyền tối thượng và cũng như hoạt động truyền giáo của họ. Một số cuộc đối thoại thần học với các cộng đồng Kitô giáo phương Tây, quan sát thấy sự 'bất đối xứng' giữa các cộng đồng này và Giáo Hội Công Giáo, kêu gọi tăng cường các hội đồng giám mục Công Giáo, bao gồm ở bình diện lục địa, và cho một 'sự tản quyền' liên tục lấy cảm hứng từ mô hình của các Giáo hội thượng phụ cổ thời.

174. Tầm quan trọng của bình diện khu vực cũng được ủng hộ trong các cuộc đối thoại với các Giáo hội Chính thống giáo và Chính thống giáo phương Đông, nhấn mạnh sự cần thiết của việc cân bằng giữa quyền tối thượng và các quyền tối thượng. Các cuộc đối thoại này nhấn mạnh rằng “nỗ lực đại kết của các Giáo hội Chị em Đông và Tây, dựa trên đối thoại và cầu nguyện, là tìm kiếm sự hiệp thông hoàn hảo và toàn diện không phải là sự hấp thụ hay hợp nhất mà là một cuộc gặp gỡ trong chân lý và tình yêu” (O–C 1993, 14). Trong một Kitô giáo hòa giải, sự hiệp thông như vậy giả định rằng “mối quan hệ của Giám mục Rôma với các Giáo hội Đông phương và các giám mục của họ [...] sẽ phải khác biệt đáng kể so với mối quan hệ hiện được chấp nhận trong Giáo hội Latinh” (O–C US 2010, 7a), và rằng các Giáo hội sẽ “tiếp tục có quyền và quyền lực để tự quản theo truyền thống và kỷ luật của riêng mình” (*Coptic–Catholic dialogue*, 1979).

175. Đối thoại Chính thống giáo–Công Giáo cũng cho phép một cách đọc có phê phán mới về hiện tượng ‘chủ nghĩa qui hiệp’, có liên quan chặt chẽ đến vấn đề về quyền tối thượng và một giáo hội học tuyên bố quyền tài phán trực tiếp của Tòa Rôma đối với tất cả các Giáo hội địa phương, “không còn có thể được

chấp nhận như một phương pháp cần tuân theo hoặc như một mô hình về sự hiệp nhất mà các Giáo hội của chúng ta đang tìm kiếm” (O–C, 1993, 12).

Hiện tượng lịch sử của 'chủ nghĩa qui hiệp' vẫn nên được phân biệt với thực tại hiện nay của các Giáo Hội Công Giáo Đông phương, đại diện cho một mô hình cụ thể của 'sự hợp nhất trong sự đa dạng' do địa vị sui iuris của họ trong Giáo Hội Công Giáo duy trì quyền tự chủ của họ trong các cấu trúc đồng nghị. Tuy nhiên, các Giáo hội Chính thống giáo và Chính thống giáo Đông phương không công nhận mối quan hệ hiện tại với Rôma của các Giáo Hội Công Giáo Đông phương như một mô hình cho sự hiệp thông trong tương lai.

176. Những xem xét liên quan đến các bình diện khác nhau của Giáo hội dẫn đến sự suy tư về nguyên tắc bổ trợ. Nguyên tắc này có nghĩa là bất cứ vấn đề nào có thể được giải quyết đúng đắn ở bình diện thấp hơn không nên được đưa lên bình diện cao hơn. Nguyên tắc bổ trợ được công nhận là một nguyên tắc quan trọng nếu việc thực thi quyền tối thượng là để đảm bảo sự tham gia của toàn thể Giáo hội vào quá trình ra quyết định.

Một số cuộc đối thoại áp dụng nguyên tắc này trong việc xác định một mô hình có thể chấp nhận được về 'sự hợp nhất trong sự đa dạng' với Giáo Hội Công Giáo. Họ lập luận rằng quyền lực của Giám mục Rôma không nên vượt quá quyền lực cần thiết để thực thi chức vụ hiệp nhất của mình ở bình diện hoàn cầu, và đề xuất một giới hạn tự nguyện trong việc thực thi quyền lực của mình – trong khi nhận ra rằng ngài sẽ cần một lượng thẩm quyền đủ để đáp ứng nhiều thách thức và nghĩa vụ phức tạp liên quan đến thừa tác vụ của mình.

Một Số Gợi Ý Thực Tế

177. Trong suốt các cuộc đối thoại và phản hồi đại kết đối với Ut unum sint liên quan đến quyền tối thượng, nhiều đề xuất hoặc yêu cầu thực tế đã được đưa ra cho các cộng đồng Kitô giáo khác nhau, và đặc biệt là Giáo Hội Công Giáo. Vì nhiệm vụ đại kết đầu tiên của người Công Giáo là “xem xét lòng trung thành của chính họ đối với ý muốn của Chúa Kitô đối với Giáo hội và theo đó thực thi mạnh mẽ nhiệm vụ đổi mới và cải cách” (UR 4), họ được mời gọi nghiêm túc xem xét các đề xuất được đưa ra cho họ để có thể hiểu và thực thi quyền tối thượng của giáo hoàng một cách mới mẻ có thể góp phần vào việc khôi phục sự hiệp nhất của Kitô giáo.

178. Đề xuất đầu tiên là một 'sự tiếp nhận lại', 'diễn giải lại', 'diễn giải chính thức', 'bình luận cập nhật' hoặc thậm chí là 'diễn đạt lại' của Công Giáo về những lời dạy của Công đồng Vatican I. Thật vậy, một số cuộc đối thoại nhận xét rằng những lời dạy này chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi bối cảnh lịch sử của chúng, và đề xuất rằng Giáo Hội Công Giáo nên tìm kiếm những cách diễn đạt và từ vựng mới trung thành với ý định ban đầu nhưng được tích hợp vào một giáo hội học *communio* [hiệp thông] và được điều chỉnh theo bối cảnh văn hóa và đại kết hiện nay.

179. Một đề xuất thứ hai do một số cuộc đối thoại đại kết đưa ra là phân biệt rõ ràng hơn giữa các trách nhiệm khác nhau của Giám mục Rôma, đặc biệt là giữa thừa tác vụ thượng phụ của ngài trong Giáo hội phương Tây và thừa tác vụ tối thượng của ngài về sự hiệp nhất trong sự hiệp thông của các Giáo hội, cả phương Tây và phương Đông, có thể mở rộng ý tưởng này để xem xét cách các Giáo hội phương Tây khác có thể liên hệ với Giám mục Rôma như một giáo chủ trong khi vẫn có một số quyền tự chủ nhất định của chính họ. Cũng cần phải phân biệt các vai trò thượng phụ và tối thượng của Giám mục Rôma với chức năng chính trị của ngài như nguyên thủ quốc gia. Việc nhấn mạnh hơn vào việc thực thi thừa tác vụ của Giáo hoàng trong Giáo hội riêng của ngài, tức giáo phận Rôma, sẽ làm nổi bật thừa tác vụ giám mục mà ngài chia sẻ với các giám mục anh em của mình, và đổi mới hình ảnh của giáo hoàng.

180. Một khuyến nghị thứ ba do các cuộc đối thoại thần học đưa ra liên quan đến sự phát triển của tính đồng nghị trong Giáo Hội Công Giáo. Nhấn mạnh vào mối quan hệ qua lại giữa việc định hình đồng nghị *ad intra* [đối nội] của Giáo Hội Công Giáo và độ tin cậy của các cam kết đại kết của giáo hội *ad extra* [đối ngoại], họ đã xác định những lĩnh vực mà một tính đồng nghị ngày càng tăng là cần thiết trong Giáo Hội Công Giáo. Họ đặc biệt đề xuất suy tư thêm về thẩm quyền của các hội đồng giám mục Công Giáo quốc gia và khu vực, mối quan hệ của họ với Thượng hội đồng giám mục và với Giáo triều Rôma. Ở bình diện phổ quát, họ nhấn mạnh nhu cầu phải có sự tham gia tốt hơn của toàn thể dân Chúa vào các tiến trình đồng nghị. Theo tinh thần 'trao đổi quà tặng', các thủ tục và định chế đã hiện hữu trong các cộng đồng Kitô giáo khác có thể đóng vai trò làm nguồn cảm hứng.

181. Một đề xuất cuối cùng là cổ vũ 'tình hiệp thông công đồng' thông qua các

cuộc họp thường kỳ giữa các nhà lãnh đạo Giáo hội ở bình diện hoàn cầu để làm cho sự hiệp thông mà họ đã chia sẻ trở nên rõ ràng và sâu sắc hơn. Cũng theo tinh thần này, nhiều cuộc đối thoại đã đề xuất các sáng kiến khác nhau để cổ vũ tính đồng nghị giữa các Giáo hội, đặc biệt ở bình diện giám mục và giáo chủ, thông qua các cuộc tham vấn thường xuyên và hành động và chứng tá chung.

Đề Xuất Từ Phiên Hợp Toàn Thể Của Bộ Cổ Vũ Sự Hiệp Nhất Ki-Tô Giáo Dựa Trên Tài Liệu Nghiên Cứu “Giám Mục Rôma”

Tài liệu nghiên cứu “Giám mục Rôma. Quyền tối thượng và tính đồng nghị trong các cuộc Đối thoại Đại kết và trong các Phản hồi cho Thông điệp *Ut unum sint*” đã tạo cơ hội cho Bộ Cổ vũ Sự hiệp nhất Ki-tô giáo đánh giá sự phát triển của suy tư đại kết về chủ đề này.

Trên cơ sở Tài liệu nghiên cứu này, một đề xuất có tên là “Hướng tới việc thực thi quyền tối thượng trong thế kỷ 21” cũng đã được Phiên họp Toàn thể của Bộ Cổ vũ Sự hiệp nhất Ki-tô giáo chấp thuận. Đề xuất này xác định những đóng góp quan trọng nhất của các cuộc đối thoại, gợi ý các bước tiếp theo cần thực thi và đưa ra một số nguyên tắc và gợi ý để thực thi một cách canh tân thừa tác vụ hiệp nhất của Giám mục Rôma có thể được "tất cả những người liên quan công nhận" (UUS 95).

Những Đóng Góp Quan Trọng Cho Sự Suy Nghĩ Về Quyền Tối Thượng

1. Các tài liệu đối thoại và phản hồi cho *Ut unum sint* đã đóng góp đáng kể cho sự suy tư về vấn đề quyền tối thượng. Các cuộc đối thoại thần học đại kết đã chứng minh là bối cảnh thích hợp để xem xét lại hình thức của giáo hoàng và việc thực thi thẩm quyền của giáo hoàng để phục vụ cho *communio ecclesiarum* [sự hiệp thông của các giáo hội]. Vào thời điểm mà kết quả của sự tham gia đại kết thường bị coi là ít ỏi hoặc không đáng kể, thì kết quả của các cuộc đối thoại thần học - quốc tế và quốc gia, chính thức và không chính thức - chứng minh giá trị của phương pháp luận của họ, đó là sự suy tư được thực thi "tất nhiên là cùng nhau", như Đức Gioan Phaolô II đã kêu gọi trong *Ut unum sint*. Điều đặc biệt đáng chú ý là sự suy tư này đã tăng lên trong những thập niên qua và đã thu hút hầu hết các truyền thống Kitô giáo tham gia vào cuộc thảo luận với tinh thần đại kết mới và tích cực, với những đóng góp quan trọng từ các nhóm địa phương và không chính thức, tạo ra sự hội tụ thần học đáng kể và ngày càng gia

tăng.

2. Việc đọc các tài liệu đối thoại chứng thực rằng câu hỏi về quyền tối thượng đối với toàn thể Giáo hội, và đặc biệt thừa tác vụ của Giám mục Rôma, không chỉ cần được coi là một vấn đề mà còn là cơ hội để cùng nhau suy tư về bản chất của Giáo hội và sứ mệnh của Giáo hội trên thế giới. Việc xử lý chủ đề này đã cho phép phân tích sâu hơn một số chủ đề giáo hội học thiết yếu như: sự hiện hữu và sự phụ thuộc lẫn nhau của quyền tối thượng và tính đồng nghị ở mỗi bình diện của Giáo hội; sự hiểu biết về tính đồng nghị như một phẩm chất cơ bản của toàn thể Giáo hội, bao gồm sự tham gia tích cực của tất cả các tín hữu; và sự phân biệt giữa và mối quan hệ giữa tính hợp đoàn và tính đồng nghị.

3. Sự suy tư chung này đã đóng góp đáng kể cho thần học Công Giáo. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tuyên bố: “Hành trình của chủ nghĩa đại kết đã cho phép chúng ta đi đến sự hiểu biết sâu sắc hơn về thừa tác vụ của Người kế vị Thánh Phêrô, và chúng ta phải tin tưởng rằng nó sẽ tiếp tục như vậy trong tương lai”. (1) Tư duy thần học về tính đồng thời của Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ (xem *Tài liệu nghiên cứu* §§120–126); khái niệm và sự hiểu biết đương thời về ‘tính đồng nghị’ (xem ARCIC 1999, 34–40); và chiều kích ba chiều của Giáo hội (‘cộng đồng’, ‘hợp đoàn’ và ‘cá vị’) (xem *Tài liệu nghiên cứu* §§114–118), đã được phát triển hoặc đào sâu trong bối cảnh đối thoại đại kết, làm phong phú thêm việc sử dụng các khái niệm này trong các tài liệu Công Giáo sau này. Sự tiếp nhận này minh họa cho ‘sự trao đổi các ân huệ’ được đề cập trong *Evangelii gaudium* trích dẫn các ví dụ về tính hợp đoàn và tính đồng nghị:

“Nếu chúng ta thực sự tin vào hoạt động hết sức tự do của Chúa Thánh Thần, chúng ta có thể học được rất nhiều điều từ nhau! [...] Thông qua việc trao đổi các ân huệ, Chúa Thánh Thần có thể dẫn dắt chúng ta ngày càng trọn vẹn vào chân lý và sự thiện” (EG 246). ‘Sự trao đổi các ân huệ’ này cũng có thể áp dụng cho việc thực thi quyền tối thượng. Thật vậy, trong khi người Công Giáo tin rằng vai trò độc nhất của Giám mục Rôma là một món quà quý giá của Chúa vì lợi ích của toàn thể Giáo hội, các cuộc đối thoại đã chứng minh rằng có những nguyên tắc hợp lệ trong việc thực thi quyền tối thượng trong các cộng đồng Kitô giáo khác mà người Công Giáo có thể xem xét.

Các Bước Trong Tương Lai Sẽ Được Thực Thi Trong Các Cuộc Đối Thoại

Thần Học

4. Chiều rộng và chiều sâu của sự suy tư đại kết về quyền tối thượng trong thời gian gần đây là đáng chú ý, và dường như chỉ ra rằng đã đến lúc thực thi các bước tiếp theo trong các cuộc đối thoại đại kết.

Chắc chắn, cần có sự kết nối tốt hơn giữa các cuộc đối thoại — địa phương và quốc tế, chính thức và không chính thức, song phương và đa phương, và đặc biệt là giữa các cuộc đối thoại Đông và Tây — để tránh sự lặp lại và làm phong phú lẫn nhau. Ví dụ, các phương pháp đại kết về sự đồng thuận dị biệt hóa (xem Tài liệu Nghiên cứu §107) và chủ nghĩa đại kết tiếp thu, đã được một số cuộc đối thoại thần học áp dụng, có thể hữu ích để thống nhất về một thực thi chức vụ hiệp nhất cho toàn thể Giáo hội một cách có thể chấp nhận được: nếu những khác biệt về ngôn ngữ thần học thực sự có thể được xem là bổ sung cho nhau thay vì xung đột với nhau' (xem UR 17), thì điều tương tự cũng có thể nói về các hoạt động của giáo hội.

5. Các cuộc đối thoại thần học về vấn đề quyền tối thượng đã ngày càng chứng minh rằng quyền tối thượng và tính đồng nghị không phải là hai chiều kích đối lập của giáo hội, mà đúng hơn chúng là hai thực tại cấu thành và duy trì lẫn nhau, và do đó nên được giải quyết cùng nhau. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã lưu ý với một nhóm các nhà thần học đại kết, “chúng ta đã hiểu rõ hơn rằng trong Giáo hội, quyền tối thượng và tính đồng nghị không phải là hai nguyên tắc cạnh tranh cần được giữ cân bằng, mà là hai thực tại thiết lập và duy trì lẫn nhau trong việc phục vụ sự hiệp thông. Cũng như quyền tối thượng giả định việc thực thi tính đồng nghị, thì tính đồng nghị cũng đòi hỏi việc thực thi tính tối thượng.” (2)

6. Vì sự hiệp thông đồng nghị, được hiểu là sự kết hợp của ‘tất cả’, ‘một số’ và ‘một’, bao gồm việc thực thi tính tối thượng, nên đối thoại thần học về tính tối thượng, theo quan điểm phương pháp luận, nên bắt đầu bằng việc suy tư về tính đồng nghị. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tuyên bố trong cùng một bài phát biểu, “tính đồng nghị theo nghĩa rộng có thể được coi là sự kết hợp của ba chiều kích: ‘tất cả’, ‘một số’ và ‘một’”. Trong tầm nhìn này, “thừa tác vụ tối thượng là một yếu tố nội tại của động lực đồng nghị, cũng như khía cạnh cộng đồng bao gồm toàn thể dân Chúa và chiều kích đồng nghị là một phần của việc thực thi thừa tác vụ giám mục. Do đó, một cách tiếp cận hữu hiệu đối với tính tối thượng

trong các cuộc đối thoại thần học và đại kết cần phải dựa trên sự suy tư về tính đồng nghị: không có cách nào khác”. Theo cùng một hướng, báo cáo tổng hợp của phiên họp đầu tiên của Đại hội đồng thường kỳ XVI của Thượng hội đồng giám mục khẳng định: “Động lực đồng nghị cũng chiếu sáng mới mẻ vào thừa tác vụ của Giám mục Rôma. Thật vậy, tính đồng nghị diễn đạt một cách hài hòa các chiều kích cộng đồng (‘tất cả’), hợp đoàn (‘một số’) và cá vị (‘một’) của Giáo hội ở bình diện địa phương, khu vực và hoàn vũ. Trong viễn kiến như vậy, thừa tác vụ Phêrô của Giám mục Rôma là nội tại của động lực đồng nghị, cũng như khía cạnh cộng đồng bao gồm toàn thể dân Chúa và chiều kích hợp đoàn của việc thực thi thừa tác vụ Giám mục”. (3)

Một bước nữa liên quan đến việc làm rõ từ vựng được các cuộc đối thoại sử dụng. Trên thực tế, các tài liệu không phải lúc nào cũng sử dụng các thuật ngữ như ‘đồng nghị/cộng nghị’, ‘hợp đoàn’, ‘quyền tối thượng’, ‘thẩm quyền’, ‘quyền lực’, ‘hành chính’, ‘chính quyền’ và ‘quyền tài phán’ theo một cách đồng nhất và nhất quán.

8. Có vẻ như đặc biệt cần phải làm rõ ý nghĩa của cụm từ ‘Giáo hội hoàn vũ’. Thật vậy, kể từ thế kỷ 19, tính Công Giáo của Giáo hội thường được hiểu là chiều kích hoàn cầu của nó, theo cách ‘duy phổ quát [universalistic]’. Một cách hiểu như vậy không tính đầy đủ đến sự khác biệt giữa *Ecclesia universalis* (‘Giáo hội phổ quát’ theo nghĩa địa lý) và *Ecclesia universa* (‘trọn Giáo hội’, ‘toàn thể Giáo hội’), kiểu nói sau là cách diễn đạt truyền thống hơn trong giáo huấn Công Giáo. Một khái niệm đơn thuần về tính Công Giáo của Giáo hội có nguy cơ dẫn đến một quan niệm thể tục về ‘quyền tối thượng phổ quát’ trong một ‘Giáo hội phổ quát’, và do đó dẫn đến một cách hiểu thể tục về sự mở rộng và hạn chế của quyền tối thượng như vậy. Ngay cả các khái niệm về ‘bình diện’, ‘phụ trợ’, ‘tự chủ’, và ‘phân quyền’ vẫn nằm trong cùng một khuôn khổ, có ý nghĩa hành chính hơn là ý nghĩa giáo hội học. Quyền tối thượng của Rôma nên được hiểu không phải như một quyền lực phổ quát trong một Giáo hội phổ quát (*Ecclesia universalis*), mà là một thẩm quyền phục vụ cho sự hiệp thông giữa trong các Giáo hội (*communio Ecclesiarum*), tức là toàn thể Giáo hội (*Ecclesia universa*).

9. Một bước cần thiết nữa là thúc đẩy việc tiếp nhận những kết quả đáng kể của các cuộc đối thoại này, không chỉ thông qua thảo luận giữa các chuyên gia, mà ở mọi bình diện, để các kết quả có thể trở thành di sản chung. Nhóm công tác

chung giữa Hội đồng các Giáo hội Thế giới và Giáo Hội Công Giáo trong tài liệu về việc tiếp nhận đã mô tả việc tiếp nhận đại kết là “thái độ truyền giáo cần thiết để cho phép [các kết quả của cuộc đối thoại] được chấp nhận trong truyền thống giáo hội của chính mình”. (4) Đức Gioan Phaolô II đã viết trong *Ut unum sint* rằng để tiếp nhận các thỏa thuận song phương, “cần phải tiến hành một cuộc kiểm tra nghiêm túc, bằng nhiều cách thức và phương tiện khác nhau và ở nhiều bình diện trách nhiệm khác nhau, phải có sự tham gia của toàn thể dân Chúa” (UUS 80). Quá trình tiếp nhận này nên có sự tham gia của toàn thể Giáo hội trong việc thực thi *sensus fidei* [cảm thức đức tin]: giáo dân tín hữu, nhà thần học và mục tử, với sự tham gia của các khoa thần học và các ủy ban đại kết địa phương. Nó có thể bao gồm việc cổ vũ việc dễ dàng tiếp cận các tài liệu đối thoại, đặc biệt thông qua internet, cung cấp bản dịch chính xác (không chỉ bằng các ngôn ngữ phương Tây), tổ chức các biên cố học thuật chung, khuyến khích các phản hồi và thực thi tại địa phương một số đề xuất của chúng.

10. Đối thoại thần học, hay 'đối thoại chân lý', giữa Các Giáo hội không chỉ nên suy tư về những khác biệt về tín lý của họ trong quá khứ, mà còn phải diễn giải về mặt thần học các mối quan hệ hiện tại của họ. Kể từ Công đồng Vatican II, sự phát triển của 'đối thoại tình yêu' và 'đối thoại cuộc sống', thông qua lời cầu nguyện và chứng tá chung, các thỏa thuận mục vụ, trao đổi thư từ và quà tặng giữa các anh em, các cuộc viếng thăm qua lại giữa các nhà lãnh đạo Kitô giáo ở mọi bình diện, là rất hùng biện về mặt đại kết và đã cung cấp các góc nhìn thần học mới cho vấn đề về quyền tối thượng. Kể từ thời Giáo hội sơ khai, những cử chỉ như vậy được coi là dấu hiệu và phương tiện đích thực của sự hiệp thông. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tuyên bố: “Những cử chỉ này, dựa trên sự công nhận một Phép Rửa, không chỉ là những hành động lịch sự hay ngoại giao, mà còn có ý nghĩa giáo hội và có thể được coi là *loci theologici* [cứ điểm thần học] đích thực. [...] Về vấn đề này, tôi tin rằng ‘đối thoại bác ái’ không chỉ được hiểu là sự chuẩn bị cho ‘đối thoại chân lý’, mà bản thân nó là ‘thần học trong hành động’, có khả năng mở ra những chân trời mới trên hành trình của các Giáo hội của chúng ta. Vào thời điểm khi, tạ ơn Chúa, mối quan hệ giữa chúng ta đang sâu sắc hơn, tôi tin rằng thật tốt khi nghĩ lại về sự phát triển của những mối quan hệ đó dưới góc độ của một ‘thần học đối thoại trong bác ái’”. (5)

11. Những cử chỉ và hành động mang tính biểu tượng cụ thể của Giám mục Rôma đóng vai trò thiết yếu trong việc xây dựng bầu không khí tin cậy, củng cố mối quan hệ hiệp thông, vượt qua những định kiến lịch sử và tạo ra một ký ức

mới, và trong việc phát triển sự đánh giá cao ngày càng tăng về ‘thừa tác vụ hiệp nhất’ của ngài. Điều quan trọng là những cử chỉ và hành động như vậy phải được tiếp tục với sự sáng tạo và lòng quảng đại, và được phản ánh về mặt thần học.

Các Nguyên Tắc Và Đề Xuất Cho Việc Thực Thi Mới Quyền Tối Thượng

12. Hai khuôn khổ lặp đi lặp lại được các cuộc đối thoại thần học xác định có thể cung cấp một nguồn lực quan trọng để suy tư về việc thực thi quyền tối thượng trong thế kỷ 21. Các cuộc đối thoại kêu gọi một sự kết hợp hài hòa của (1) các chiều kích ‘cộng đồng’, ‘hợp đoàn’ và ‘cá vị’ ở (2) các bình diện địa phương, khu vực và hoàn cầu của Giáo hội.

13. Xem xét các bình diện khác nhau của Giáo hội, nhiều cuộc đối thoại đại kết đề cập đến nguyên tắc hỗ trợ như một nguyên tắc quan trọng để thực thi quyền tối thượng và tính đồng nghị. Ban đầu được phát triển trong bối cảnh học thuyết xã hội của Giáo hội, điều này có nghĩa là bất cứ vấn đề nào có thể được giải quyết đúng đắn ở bình diện thấp hơn đều không nên được đưa lên bình diện cao hơn. (6) Khi áp dụng vào giáo hội học, sự mơ hồ (xem §8 ở trên) và nguồn gốc xã hội học của nguyên tắc này (vốn giả định rằng thẩm quyền được chuyển giao xuống từ cấp cao hơn) nên được ghi nhớ để tránh cách tiếp cận chỉ mang tính hành chính đối với đời sống Giáo hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh giáo hội, ý định và nội dung của nó có thể góp phần vào việc thực thi quyền tối thượng theo lối đồng nghị bằng cách đảm bảo sự tham gia của toàn thể dân Chúa vào quá trình ra quyết định, đặc biệt là trong các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến họ. (7)

14. Trong số các đề xuất được các cuộc đối thoại nêu ra, lời kêu gọi một sự ‘tiếp nhận lại’ hoặc bình luận chính thức Công đồng Vatican I có vẻ đặc biệt quan trọng. Giả định quy tắc giải thích cho rằng các tín điều của Vatican I phải được đọc dưới ánh sáng của Vatican II, đặc biệt là giáo huấn của Công đồng về dân Chúa (LG, chương II) và tính hiệp đoàn (LG 22–23), một số cuộc đối thoại cho rằng Công đồng Vatican II không giải thích rõ ràng Công đồng Vatican I nhưng, trong khi kết hợp giáo huấn của nó, đã bổ sung cho nó (LG, chương III, 18). Do đó, vẫn cần phải trình bày giáo huấn Công Giáo về quyền tối thượng dưới góc độ của một giáo hội học *communio* [hiệp thông], trong khuôn khổ ‘phẩm trật các chân lý’ (UR 11). Cũng cần phải đọc lại Công đồng Vatican I dưới góc độ

của toàn bộ Truyền thống, “theo niềm tin cổ xưa và liên tục của Giáo hội hoàn vũ” (*Pastor aeternus*, Dẫn nhập, DH 3052), và trước viễn cảnh của sự hội tụ đại kết ngày càng gia tăng trên nền tảng Kinh thánh, các diễn biến lịch sử, và ý nghĩa thần học của quyền tối thượng và tính đồng nghị. Ở đây một lần nữa cần phải làm rõ thuật ngữ được áp dụng, thường vẫn còn mơ hồ và dễ bị hiểu sai, ví dụ: quyền tài phán thông thường, trực tiếp và phổ quát; bất khả ngộ; chính quyền; thẩm quyền và quyền lực tối cao.

Một đề xuất quan trọng khác là cần phân biệt rõ ràng hơn giữa các trách nhiệm khác nhau của Giáo hoàng, đặc biệt là giữa thừa tác vụ của ngài với tư cách là người đứng đầu Giáo Hội Công Giáo và thừa tác vụ hiệp nhất giữa tất cả các Kitô hữu, hay cụ thể hơn là giữa thừa tác vụ thượng phụ của ngài trong Giáo hội Latinh và thừa tác vụ tối thượng của ngài trong sự hiệp thông của các Giáo hội. Việc xóa bỏ danh hiệu ‘Thượng phụ phương Tây’ khỏi *Annuario Pontificio* năm 2006 đã làm dấy lên một số lo ngại trong các nhóm đại kết và tạo cơ hội để bắt đầu suy tư về sự khác biệt giữa những trách nhiệm khác nhau này, vốn cần được tiếp tục.

16. Vì những trách nhiệm khác nhau của Giáo hoàng được đặt nền tảng trong thừa tác vụ của ngài với tư cách là Giám mục Rôma, Giáo hội chủ trì trong công tác bác ái trên tất cả các Giáo hội, nên điều cần thiết là phải làm nổi bật thừa tác vụ giám mục của ngài ở cấp địa phương, với tư cách là một giám mục giữa các giám mục. Về vấn đề này, điều đáng chú ý là Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhấn mạnh danh hiệu ‘Giám mục của Rôma’ ngay từ những lời phát biểu công khai đầu tiên sau khi được bầu, khi nói rằng “Bổn phận của Mật nghị là trao cho Rôma một Giám mục” và rằng “cộng đồng giáo phận Rôma hiện đã có Giám mục của mình”. (8)

Gần đây hơn, việc liệt kê các danh hiệu giáo hoàng khác của ngài như có tính “lịch sử” (xem *Annuario Pontificio* 2020), có thể góp phần tạo nên hình ảnh mới về giáo hoàng. Tương tự như vậy, nhà thờ chính tòa của giáo phận Rôma đã được nổi bật hơn kể từ khi các văn bản và thư từ gần đây của giáo hoàng được ký từ Nhà thờ Thánh Gioan Lateranô, một nhà thờ có thể đóng vai trò quan trọng hơn nữa tại lễ nhậm chức của một giáo hoàng mới. Tuy nhiên, thuật ngữ được sử dụng trong các văn bản và tuyên bố chính thức của Công Giáo liên quan đến chức vụ của Giáo hoàng thường không phản ánh được những diễn biến này và thiếu sự nhạy cảm đại kết.

17. Việc định hình Giáo Hội Công Giáo một cách đồng nghị là rất quan trọng đối với cam kết đại kết của Giáo hội. Giáo Hội Công Giáo có bốn phận với các đối tác đối thoại của mình là chứng minh trong đời sống giáo hội của chính mình một mô hình thuyết phục và hấp dẫn về tính đồng nghị. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tuyên bố, “cam kết xây dựng một giáo hội đồng nghị – một sứ mệnh mà tất cả chúng ta đều được kêu gọi, mỗi người đều có vai trò được Chúa giao phó – có ý nghĩa đại kết quan trọng”. (9) Thật vậy, “rõ ràng là cách mà Giáo Hội Công Giáo trải nghiệm tính đồng nghị là quan trọng đối với mỗi quan hệ của mình với các Kitô hữu khác. Đây là một thách thức đối với chủ nghĩa đại kết”. (10) Gần đây hơn, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhấn mạnh mối quan hệ kép giữa tính đồng nghị và đại kết, khẳng định rằng “Hành trình đồng nghị do Giáo Hội Công Giáo thực thi là và phải mang tính đại kết, cũng như hành trình đại kết mang tính đồng nghị”. (11)

18. Nhiều định chế và thực hành đồng nghị của các Giáo Hội Công Giáo Đông phương có thể truyền cảm hứng cho Giáo hội Latinh, cũng như có thể, trong tinh thần ‘trao đổi hồng ân’, các định chế và thực hành đồng nghị của các cộng đồng Kitô giáo khác (xem EG 246), có thể được xác định và nghiên cứu một cách có hệ thống cho mục đích này. (12)

Các phương tiện truyền thông mới cũng có thể mang đến những cơ hội mới cho một Giáo hội đồng nghị trong thời đại kỹ thuật số. Tất nhiên, các thực hành tính đồng nghị có thể đa dạng và phải phù hợp với bình diện giáo hội và bối cảnh văn hóa đặc thù. Trong quá trình tìm kiếm một việc lên khuôn có tính đồng nghị hơn cho Giáo Hội Công Giáo, mối quan hệ qua lại giữa luật giáo hội và đối thoại đại kết là điều cần thiết: “Luật giáo hội không chỉ là một công cụ hỗ trợ cho đối thoại đại kết, mà còn là một chiều kích thiết yếu của nó. Sau đó, rõ ràng là đối thoại đại kết cũng làm phong phú thêm luật giáo hội”. (13)

19. Ở Bình diện địa phương và khu vực, có vẻ như cần phải khôi phục và củng cố các cấu trúc đồng nghị bao gồm tất cả các tín hữu, như được Công đồng Vatican II hình dung và quy định trong Bộ luật Giáo luật, chẳng hạn như các hội đồng mục vụ giáo phận (CIC can. 511–514), các công đồng giáo phận (CIC can. 460–468), và cả các công đồng toàn thể và tỉnh (CIC can. 439–445), hiếm khi, nếu không muốn nói là không bao giờ, được triệu tập.

Bộ luật Giáo luật của các Giáo hội Đông phương quy định các cấu trúc đồng nghị bao gồm cả giáo dân, chẳng hạn như hội đồng thượng phụ (CCEO can.140–145) và hội đồng giáo phận đông phương (CCEO can. 235–242), có thể mang tính hướng dẫn cho Giáo hội Latinh. Điều quan trọng nữa là phải nhận ra lời kêu gọi của Công đồng Vatican II liên quan đến các hội đồng giám mục, “vì tư thế tài phán của các hội đồng giám mục vốn tự coi mình như chủ thể của các quyền hạn chuyên biệt, bao gồm quyền hạn tín lý đích thực, vẫn chưa được giải thích đầy đủ” (EG 32, đề cập đến Tựa sắc *Apostolos suos*, 1998). Đặc biệt, có thể thấy rằng sự song hành giữa các hội đồng giám mục và các tòa thượng phụ cổ thời được Lumen gentium 23 (xem thêm O–C 2007, 29; EG 32) vẫn chưa được phát triển, cả về mặt thần học lẫn giáo luật. Phù hợp với cả điều này và đề xuất thành lập ‘Tòa Thượng phụ mới’ hoặc ‘Các Giáo hội chính’ (xem Tài liệu Nghiên cứu, chú thích 25), cần phải suy gẫm về ý nghĩa giáo hội của các cơ quan giám mục lục địa, mà chiều kích siêu quốc gia có thể bảo vệ họ khỏi áp lực chính trị và lợi ích dân tộc chủ nghĩa.

20. Ở bình diện hoàn cầu, Bộ Giáo luật và Bộ Giáo luật của các Giáo hội Đông phương đưa ra các điều khoản cho việc thực thi thừa tác vụ giáo hoàng mang tính hợp đoàn nhiều hơn. Những điều khoản này có thể được phát triển thêm trong thực tế và được củng cố trong lần sửa đổi tương lai của cả hai văn bản. Ví dụ, Bộ Giáo luật khẳng định rằng khi thực thi nhiệm vụ tối thượng của mình, Đức Giáo Hoàng “luôn hiệp thông với các giám mục khác và với Giáo hội hoàn vũ” và bao gồm khả năng thực thi nhiệm vụ này một cách đồng thuận, một điều khoản có thể được sử dụng nhiều hơn (CIC 333§2). Tương tự như vậy, bên cạnh các công đồng chung, Bộ Giáo luật dự kiến một hoạt động đồng thuận trong việc quản lý Giáo hội (CIC 337§2) và trong việc xây dựng giáo huấn bất khả ngộ (CIC 749§2).

21. Một sự phát triển quan trọng liên quan đến việc định hình Giáo Hội Công Giáo theo phương thức đồng nghị là việc đổi mới hoạt động của Thượng hội đồng giám mục. Tông Hiến *Episcopalis communio* (2018) làm rõ ý nghĩa đại kết của sự đổi mới này: “Hoạt động của Thượng hội đồng Giám mục sẽ có thể tự mình góp phần vào việc tái lập sự hiệp nhất giữa tất cả các Kitô hữu, theo ý muốn của Chúa (x. Ga 17:21). Bằng cách đó, nó sẽ giúp Giáo Hội Công Giáo, theo mong muốn được Đức Gioan Phaolô II bày tỏ nhiều năm trước, ‘tìm ra cách thực thi quyền tối thượng, mặc dù không từ bỏ những gì thiết yếu cho sứ mệnh của mình, nhưng vẫn mở ra cho một tình huống mới’ (UUS 95)” (EC 10).

Khẳng định rằng tiến trình đồng nghị “không chỉ có điểm khởi đầu mà cũng có điểm đến trong dân Chúa” (EC 7), *Episcopalis communio* cổ vũ sự tham gia rộng rãi hơn của toàn thể dân Chúa thông qua các tiến trình tham vấn (EC điều 5–7). Nó cũng mở rộng khả thể cho Thượng hội đồng giám mục trở thành một cơ quan có tính biểu quyết [deliberative], trong trường hợp đó, văn kiện cuối cùng của Thượng hội đồng, “tham gia vào Huấn quyền thông thường của Người kế vị Thánh Phêrô”, được công bố với chữ ký của Đức Giáo Hoàng “cùng với chữ ký của các thành viên” (xem CIC 343; EC điều 18). Tiến trình đồng nghị năm 2021-2024 cho Đại hội đồng chung lần thứ XVI của Thượng hội đồng giám mục có tựa đề “Vì một Giáo hội đồng nghị: hiệp thông, tham gia và truyền giáo”, dựa trên sự tham vấn rộng rãi của toàn thể dân Chúa ở cấp địa phương, khu vực (quốc gia/lục địa) và hoàn vũ, là một dịp thuận lợi để đào sâu sự suy tư về động lực đồng nghị nối kết các chiều kích cá vị, hợp đoàn và cộng đồng của Giáo hội.

22. Việc cải cách Giáo triều cũng là một khía cạnh quan trọng của việc lên khuôn Giáo Hội Công Giáo theo cách đồng nghị. Tông hiến **Praedicate evangelium** (2022) khẳng định rằng cuộc cải cách này là dựa trên “cuộc sống hiệp thông [mang lại] cho Giáo hội tính chất đồng nghị” (PE I.4). Nhấn mạnh rằng “sự xuất hiện của các Hội đồng Giám mục trong Giáo hội La tinh đại diện cho một trong những hình thức mới nhất trong đó *communio Episcoporum* [hiệp thông giám mục] đã tự phát biểu là để phục vụ *communio Ecclesiarum* [hiệp thông các giáo hội] dựa trên *communio fidelium* [hiệp thông tín hữu]” (PE I.7), nó nhấn mạnh rằng “Giáo triều Rôma không đứng giữa Giáo hoàng và các Giám mục, mà đúng hơn là phục vụ cả hai theo cách phù hợp với bản chất của mỗi bên” (PE I.8) và cổ vũ “sự phân quyền lành mạnh” (PE II.2). Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã thiết lập “một biểu thức sâu sắc hơn về sự hiệp thông và hỗ trợ của các giám mục đối với *munus petrinum* [chức vụ Phê-rô] mà Giám mục đoàn trên toàn thế giới có thể cung cấp”, khi, trong năm đầu tiên của triều giáo hoàng của mình, ngài đã thành lập một Hội đồng Hồng Y. (14) Mặc dù không phải là một phần của Giáo triều Rôma, Hội đồng này, cùng với các Mật nghị thông thường và bất thường (CIC can. 353), có thể là bước đầu tiên hướng tới một cơ cấu quản trị đồng nghị lâu dài ở bình diện toàn thể Giáo hội, bao gồm sự tham gia tích cực của các giám mục địa phương. Điều này đã được đề xuất trong Công đồng Vatican II bởi Thượng phụ Melkite Maximus IV, người đã đề xuất rằng một “thượng hội đồng thường trực” đại diện cho hội đồng giám mục được thành lập theo mô hình của *synodos endemousa* Đông phương, với nhiệm

vụ hỗ trợ Đức Giáo Hoàng trong việc quản lý trung ương của Giáo hội. (15)

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các thượng hội đồng Chính thống giáo nói chung có tính biểu quyết, trong khi các cấu trúc thượng hội đồng Công Giáo chủ yếu mang tính tham vấn.

23. Việc định hình Giáo hội theo lối đồng nghị không chỉ là vấn đề về các cấu trúc và quy trình giáo hội ở bình diện định chế, cũng không được nắm bắt bởi các biến cố đồng nghị chuyên biệt, mà còn là *modus vivendi et operandi* [phương thức sống và hoạt động] của toàn thể Giáo hội. Như Ủy ban Thần học Quốc tế đã nêu: “Trước hết và quan trọng nhất, tính đồng nghị biểu thị phong cách cụ thể định tính cho đời sống và sứ mệnh của Giáo hội, nói lên bản chất của Giáo hội là dân Chúa cùng nhau hành trình và tập hợp trong hội đồng, được Chúa Giêsu triệu tập trong quyền năng của Chúa Thánh Thần để công bố Tin Mừng” (ITC 2018, 70).

24. Tính đồng nghị *ad extra* [đối ngoại], cổ vũ các cuộc họp thường kỳ giữa các đại diện của Giáo hội ở bình diện hoàn cầu, đôi khi được gọi là ‘tình hiệp thông công đồng’, được chỉ định như một cách đầy hứa hẹn để làm hiển thị và thâm hậu hóa sự hiệp thông đã được chia sẻ. Ngay cả khi tính công đồng/ đồng nghị cấu thành một khía cạnh của đời sống nội bộ của Giáo hội đã thống nhất, tuy nhiên, tính đồng nghị nhất định (‘cùng nhau bước đi’) giữa các Giáo hội được cổ vũ bất cứ khi nào các nhà lãnh đạo Giáo hội cùng nhau nhân danh Chúa Giêsu Kitô để cầu nguyện, hành động và làm chứng chung, hoặc để tham vấn và tham gia vào các tiến trình đồng nghị của nhau. Không cần chờ đợi sự hiệp thông hữu hình hoàn toàn như một điều kiện tiên quyết để nói và hành động với nhau, một thực hành như vậy có thể cho phép các Giáo hội lắng nghe nhau và bắt đầu các quá trình phân định và ra quyết định chung về các vấn đề cấp bách mà mọi người cùng quan tâm.

Điều này có thể cổ vũ các cơ hội để đào sâu sự hiểu biết lẫn nhau và cho phép các Giáo hội hỗ trợ lẫn nhau tốt hơn. Về khía cạnh này, lời mời các cộng đồng Kitô giáo khác tham gia vào các tiến trình đồng nghị Công Giáo ở mọi bình diện là đặc biệt quan trọng và có thể được mở rộng đến các chuyến thăm *ad limina*, như được gợi ý bởi các cuộc đối thoại khác nhau. Ở một bình diện khác, cuộc họp năm 2018 tại Bari của các nhà lãnh đạo Giáo hội đã tập trung theo lời mời của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, để cầu nguyện, suy gẫm và trao đổi không

chính thức về tình hình của các Kitô hữu ở Trung Đông, chỉ ra một cách mới để thực thi tính đồng nghị và quyền tối thượng. Một sự chuẩn bị chung và kỷ niệm 1700 năm Công đồng Chung thứ nhất (Ni-xê-a, 325) có thể tạo cơ hội để thực hành tính đồng nghị này giữa các Kitô hữu thuộc mọi truyền thống.

Hướng Đến Một Mô Hình Hiệp Thông

25. Dựa trên các nguyên tắc và khuyến nghị nêu trên, vốn là thành quả của sự suy tư đại kết chung, Giáo Hội Công Giáo có thể đổi mới việc thực thi thừa tác vụ của Giám mục Rôma và đề xuất một mô hình hiệp thông dựa trên “một dịch vụ yêu thương được tất cả những người liên quan công nhận” (UUS 95). Tránh một sự đối lập hời hợt và không thực tế giữa luật pháp và sự hiệp thông, đề xuất này không nên được diễn đạt chỉ bằng các thuật ngữ pháp lý, mà trên cơ sở của một giáo hội học *koinonia* [hiệp thông] bắt nguồn từ sự hiểu biết bí tích về Giáo hội được Công đồng Vatican II ủng hộ (xem LG 1, 9, 48). Một nền giáo hội học như vậy dựa trên *sensus fidei* [cảm thức đức tin] của tất cả các tín hữu nhờ phép rửa tội của họ; dựa trên Thánh Thể, “là tiêu chuẩn của đời sống giáo hội nói chung” (O–C 2007, 3); và trên bản chất bí tích của giám mục (xem LG 21). Vì “sự hiệp thông, tính công đồng và thẩm quyền của giáo hội” được hiểu là “hậu quả giáo hội học và giáo luật của bản chất bí tích của giáo hội” (xem tiêu đề của Văn kiện Ravenna), “các cấu trúc định chế” của Giáo hội phải “phản ánh một cách hiển hiện mẫu nhiệm *koinonia* này” (O–C 2007, 3).

26. Mặc dù có một ‘việc phục vụ tình yêu’ thiết yếu, nhưng một mô hình hiệp thông như vậy sẽ được thực thi khác nhau ở Đông và Tây. Đối với các Giáo hội Chính thống giáo, mà với họ, Giáo Hội Công Giáo công nhận một trật tự giáo hội chung dựa trên truyền thống tông đồ và các bí tích, mô hình này có thể phù hợp chặt chẽ với nguyên tắc thường được trích dẫn cho rằng “Rôma không được yêu cầu nhiều hơn từ phương Đông so với những gì đã được hình thành và thực thi trong thiên niên kỷ đầu tiên”.(16) Việc khôi phục sự hiệp thông trọn vẹn, như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tuyên bố, “không có nghĩa là sự phục tùng của bên này đối với bên kia, hoặc sự đồng hóa. Thay vào đó, nó có nghĩa là chào đón tất cả các ân huệ mà Thiên Chúa đã ban cho mỗi bên, do đó chứng minh cho toàn thể giới thấy mẫu nhiệm cứu độ vĩ đại do Chúa Kitô thực thi thông qua Chúa Thánh Thần.” (17) Nó ngụ ý sự công nhận quyền của các Giáo hội Đông phương được “tự quản lý theo kỷ luật của họ” (UR 16), đặc biệt liên quan đến việc bầu chọn giám mục.

Mô hình này có thể bao gồm hai trách nhiệm được xác định bởi các cuộc đối thoại liên quan đến chức vụ hiệp nhất của Giám mục Rôma: một vai trò cụ thể trong các công đồng chung (như triệu tập và chủ trì; xem Tài liệu nghiên cứu §106), và vai trò hòa giải trong trường hợp xung đột về bản chất kỷ luật hoặc giáo lý, thông qua việc thực thi thủ tục kháng cáo theo quy trình của hội đồng (như được mô tả trong ví dụ của Công đồng Sardica, 343; xem Tài liệu nghiên cứu §103, và cả UR 14).

27. Một số cộng đồng Kitô giáo phương Tây cũng công nhận thiên niên kỷ thứ nhất là điểm tham chiếu. Ngay cả khi một số vấn đề cơ bản về giáo hội học vẫn chưa được giải quyết, chẳng hạn như tính tông truyền và thừa tác vụ thụ phong, và bản chất bí tích và trật tự của Giáo hội, nhiều cuộc đối thoại thừa nhận nhu cầu về quyền tối thượng cho toàn thể Giáo hội để thúc đẩy sự hiệp nhất và sứ mệnh của Kitô giáo. Đồng thời, họ nhấn mạnh đến tính tối thượng của Tin Mừng và sự cần thiết của việc thực thi tính tối thượng mang tính cộng đồng và hợp đoàn. Họ cũng nhấn mạnh đến giá trị giáo hội học của bình diện khu vực và nguyên tắc hỗ trợ. Những cuộc đối thoại này đưa ra những hiểu biết và quan điểm quan trọng hướng đến việc thực thi một thừa tác vụ hiệp nhất có thể chấp nhận được của Giám mục Rôma, tính tối thượng của việc công bố và làm chứng (*kerigma-martyria*), có thể được các Kitô hữu phương Tây khác tiếp nhận ngay cả trước khi khôi phục lại sự hiệp thông trọn vẹn.

28. Cuối cùng, việc thực thi đối mới tính tối thượng phải được mô phỏng theo *diakonia*. Thảm quyền và sự phục vụ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Vai trò của Phêrô trong việc củng cố anh em (Luca 22:32) là sự lãnh đạo của một việc phục vụ dựa trên ý thức về sự yếu đuối và tội lỗi của chính mình. “tính tối thượng của phục vụ, thừa tác và tình yêu” được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI nêu ra, “sự phục vụ của tình yêu” được Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đề xuất, là một thừa tác vụ hiệp nhất được hiểu là mục vụ của “*servus servorum Dei* [đầy tớ các đầy tớ của Thiên Chúa]” (ES 114; UUS 88 trích dẫn Đức Giáo Hoàng Gregory Cả). Thừa tác vụ này liên kết chặt chẽ với sự tự hạ mình và hy sinh bản thân của Chúa Kitô đã trải qua chính là để “tất cả nên một” (Ga 17:21). Do đó, tính tối thượng phải bắt nguồn từ mầu nhiệm Thập giá và được mô phỏng theo tấm gương tự hủy của Chúa Kitô.

Sự Hiệp Nhất, Một Hồng Ân Của Chúa Thánh Thần

29. Chủ nghĩa đại kết tâm linh là linh hồn của phong trào đại kết (UR 8). Một chiều kích quan trọng của chủ nghĩa đại kết tâm linh là các cuộc hành hương, đã đóng “vai trò quan trọng trong việc cổ vũ sự hiệp thông và thông đạt giữa các tín hữu trong các giáo hội của chúng ta” (OO–C 2009, 68). Nhiều Kitô hữu từ các truyền thống khác nhau hành hương đến Rôma để viếng thăm mộ của các Thánh tông đồ Phê-rô và Phao-lô. Sự sùng kính chung như vậy đã là một biểu thức mạnh mẽ của mối liên kết hiệp thông bắt nguồn từ đức tin tông truyền. Là người bảo vệ những nơi thánh thiêng này, Giáo hội Rôma có trách nhiệm cụ thể trong việc chào đón những người hành hương này từ các cộng đồng Kitô giáo khác và hỗ trợ lời cầu nguyện và lòng sùng kính của họ. Theo tinh thần đại kết, việc cung cấp cho họ, chẳng hạn như các nhà nguyện dành riêng, có thể đóng vai trò làm nền tảng tinh thần trong quá trình tìm kiếm sự hiệp nhất.

30. Một trong những trực giác căn bản của phong trào đại kết là sự hiệp nhất mà các Kitô hữu mong muốn sẽ không phải là thành quả chủ yếu của những nỗ lực của chính họ, cũng không phải là kết quả của bất cứ mô hình hay bản thiết kế nào được hình thành trước. Thay vào đó, sự hiệp nhất sẽ là một hồng ân nhận được “như Chúa Kitô muốn và bằng những phương tiện mà Người muốn” (*Lời cầu nguyện cho sự hiệp nhất của Cha Paul Couturier*), thông qua công việc của Chúa Thánh Thần.

Tuy nhiên, các đề xuất thu thập được từ các cuộc đối thoại đại kết và từ các phản hồi cho thông điệp *Ut unum sint* có thể đóng vai trò là những biển chỉ đường cho các Giáo hội, với sự tin tưởng rằng Chúa Thánh Thần đang làm việc để soi sáng con đường hướng tới một thừa tác vụ hiệp nhất có thể chấp nhận được cho sự hiệp thông của các Giáo hội như Chúa Kitô muốn. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói: “Sự hiệp nhất sẽ không đến như một phép lạ vào phút cuối. Thay vào đó, sự hiệp nhất đến trong hành trình; Chúa Thánh Thần thực thi điều này trên hành trình. Nếu chúng ta không cùng nhau bước đi, nếu chúng ta không cầu nguyện cho nhau, nếu chúng ta không cộng tác theo nhiều cách mà chúng ta có thể trong thế giới này cho dân Chúa, thì sự hiệp nhất sẽ không đến! Nhưng nó sẽ diễn ra trên hành trình này, trong mỗi bước chân chúng ta bước đi. Và không phải chúng ta đang làm điều này, mà là Chúa Thánh Thần, Đáng nhìn thấy thiện chí của chúng ta.” (18)

Ghi Chú

- (1). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Bài giảng cho Kinh Chiều về Lễ trọng của Thánh Phaolô Tông đồ*, ngày 25 tháng 1 năm 2014.
- (2). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn gửi Nhóm công tác chung Chính thống giáo-Công Giáo Thánh Irenaeus*
- (3). *Một Giáo hội đồng nghị trong sứ mệnh*, Báo cáo tổng hợp của Đại hội đồng thường lệ XVI của Thượng hội đồng giám mục (4–29 tháng 10 năm 2023), 13.a. 7.
- (4). *Báo cáo thứ chín của Nhóm công tác chung giữa Giáo Hội Công Giáo Rôma và Hội đồng các Giáo hội Thế giới* (2007–2012), Phụ lục A “Tiếp nhận: Chìa khóa cho Tiến trình Đại kết” §15.
- (5). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn gửi các thành viên của Ủy ban quốc tế chung về Đối thoại thần học giữa Giáo Hội Công Giáo và các Giáo hội Chính thống giáo phương Đông*, 26 tháng 1 năm 2024.
- (6). Xem *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 185–188
- (7). Ủy ban Thần học Quốc tế phân biệt trong quy trình ra quyết định của công đồng “thông qua việc thực thi chung sự phân định, tham vấn và hợp tác”, với việc ra quyết định, xem *Synodality in the Life and the Mission of the Church* (2018), 69. 15.14.
- (8). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Phép lành Tòa thánh "*Urbi et Orbi*". Lời chào đầu tiên từ Loggia Trung tâm của Vương cung thánh đường Thánh Phêrô, ngày 13 tháng 3 năm 2013.
- (9). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn đánh dấu kỷ niệm 50 năm thành lập Thượng Hội đồng Giám mục*, ngày 17 tháng 10 năm 2015.
- (10). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn gửi đến những người tham gia Hội nghị do Hội Luật của các Giáo hội Đông phương cổ vũ*, ngày 19 tháng 9 năm 2019.
- (11). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn gửi đến Đức Mar Awa III, Thượng phụ Giáo hội Assyria Đông phương*, ngày 19 tháng 11 năm 2022.
- (12). Xem, ví dụ, đề xuất của Thượng phụ Maximus IV về một “thượng hội đồng thường trực” theo mô hình của các *synodos endemousa* Đông phương (xem bên dưới § 22); hoặc gợi ý thành lập một “Hội đồng Mục vụ Chung” mới ở bình diện phổ quát của Giáo Hội Công Giáo, bao gồm cả giáo dân, theo mô hình của một số cộng đồng phương Tây (xem *Tài liệu Nghiên cứu* § 155).
- (13). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn gửi đến những người tham dự Hội nghị do Hội Luật của các Giáo hội Đông phương cổ vũ*, ngày 19 tháng 9 năm 2019.

- (14). Thủ bút [Chirograph] theo đó một Hội đồng Hồng Y được thành lập để hỗ trợ Đức Thánh Cha trong việc quản lý trị Giáo hội hoàn vũ và nghiên cứu các bản sửa đổi có thể có của Tông Hiến '*Pastor Bonus*' về Giáo triều Rôma, ngày 28 tháng 9 năm 2013.
- (15). *Acta Synodalia Sacrosanti Concilii Œcumenici Vaticani II*, tập 2, đoạn 4, Città del Vaticano, trang 517–518.
- (16). Những lời này của Hồng Y Ratzinger được trích dẫn trong Phản hồi cho *Ut unum sint* của Hội đồng Giám mục của Giáo hội Anh (1997), xem Tài liệu nghiên cứu §91. Đức Hồng Y Ratzinger đã làm sáng tỏ thêm ý tưởng này bằng cách nói rằng việc bỏ qua những diễn biến của thiên niên kỷ thứ hai sẽ đại diện cho “một cuộc chạy trốn vào cái nhân tạo cần phải kiên quyết chống lại”, J. Ratzinger, *Đối thoại Anh giáo–Công Giáo*, Insight, 1 (1983), trang 2–11, tại đây trang 7; xem Tài liệu nghiên cứu §§ 109, 171.
- (17). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn trong Phụng vụ Thánh, Nhà thờ Thượng phụ St George*, Istanbul, ngày 30 tháng 11 năm 2014.
- (17). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn trong Phụng vụ Thánh, Nhà thờ Thượng phụ St George*, Istanbul, ngày 30 tháng 11 năm 2014.
- (18). Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Bài giảng cho Kinh Chiều vào Lễ trọng kính Thánh Phaolô Tông đồ*, ngày 25 tháng 1 năm 2014.

CÁC NGUỒN

1. Phản Hồi Ut Unum Sint

- Liên hiệp Báp-tít Anh (Ủy ban điều hành Đức tin và Hợp nhất), Phản hồi cho Thông điệp Giáo hoàng Ut unum sint, 1997, trong: *One in Christ* 35 (1999) 360–365.
- Chiesa Evangelica Valdese (Sinodo), Il papato e l’ecumenismo, 1995, trong: *Protestantesimo* L (1995/3) 241–245.
- Giáo hội Anh (Viện Giám mục), *May they all be one* [Xin cho tất cả họ nên một], Phản hồi cho Ut unum sint, 1997.
- Giáo hội Ireland, Phản hồi cho Thông điệp Ut unum sint, trong: *One in Christ* 35 (1999) 351–357.
- Giáo hội Scotland (Ủy ban về các vấn đề đại kết tham vấn với Ban về học thuyết), Phản hồi cho Thông điệp Ut unum sint, 1997, trong: *One in Christ* 35 (1999) 365–373.
- Giáo hội Thụy Điển (Hội đồng giám mục), *Phản hồi cho Thông điệp Ut unum sint*, 1999.
- Disciples of Christ (Hội đồng về sự hiệp nhất Kitô giáo), Thông cáo báo chí, trong: *Disciples News Service*, 5.6.1995.
- Giáo hội Giám lý (Ủy ban Đức tin và Trật tự), Phản hồi cho Thông điệp Giáo hoàng Ut unum sint, 1998, trong: *One in Christ* 35 (1999)
- Giáo hội Moravian (Hội đồng Tỉnh), Phản hồi cho Thông điệp Giáo hoàng Ut unum sint, 1996, trong: *One in Christ* 35 (1999) 351.
- Hội đồng Quốc gia các Giáo hội của Chúa Kitô tại Hoa Kỳ (Ủy ban Đức tin và Trật tự), *Phản hồi cho Thông điệp Ut unum sint*, 1998.
- Giáo hội Trưởng lão Hoa Kỳ, *The Successor to Peter. A Paper for Discussion*

[Người kể vị Thánh Phêrô. Tài liệu thảo luận], 2000.

- Hiệp hội những người bạn tôn giáo (Quakers) ở Anh (Ủy ban Quaker về Quan hệ Kitô giáo và Liên tôn, Curt Gardner – Clerk), Trả lời Thông điệp *Ut unum sint* của Đức Thánh Cha, 1996, trong: *One in Christ* 35 (1999) 359–360.
- Giáo hội Tân giáo Scotland (Ủy ban Giáo lý), *Phản hồi cho Ut unum sint*, 2002.
- *Theologische Kommission der Selbständigen Evangelisch–Lutherische Kirche* (SELK), *Das Amt der Kirche*, Hannover 1997.
- Giáo hội Cải cách Thống nhất ở Vương quốc Anh, Phản hồi *Ut unum sint*, 1996, trong: *One in Christ* 35 (1999) 357–358.
- Vereinigte Evangelisch–Lutherische Kirche Deutschlands, Die Kirchenleitung, Ermutigung und Ernüchterung. Erklärung zur Enzyklika „*Ut unum sint*“, in: *KNA–ÖKI* 28 (1995) 3–4.
- Vereinigte Evangelisch–Lutherische Kirche in Deutschland, Die Kirchenleitung (Bericht des Catholica–Beauftragten H.-Ch. Knuth), Erklärung zur Enzyklika „*Ut unum sint*“, in: *Evangelischer Pressedienst* 45a/95 (30.10.1995) 9–15.

1.2. Từ Các Cơ Quan Đại Kết

- Đối thoại giữa các Giám mục Anh giáo và Công Giáo Rôma của Canada, *Preliminary Reflections on the Encyclical Letter Ut unum sint* [Những suy gẫm sơ bộ về Thông điệp *Ut unum sint*], 2000.
- Đối thoại giữa Anh giáo và Công Giáo Rôma tại Bỉ, *Phản hồi Ut unum sint*, 1998.
- Hiệp hội các Gia đình Liên tôn, Phản hồi ban đầu từ Hiệp hội các Gia đình Liên tôn cho *Ut unum sint*, 1995, trong: *One in Christ* 31 (1995) 280–286.
- Các nhà lãnh đạo Giáo hội của West Yorkshire, Anh, Phản hồi *Ut unum sint*,

1996, trong: *One in Christ* 35 (1999) 346–350.

- Các Giáo hội Cùng nhau tại Anh. Nhóm Thần học và Thống nhất, *Aide-Memoire*, 1996.
- Hội đồng các Giáo hội Anh và Ireland, Phản hồi thay mặt cho cuộc họp của các đại diện giáo hội của Hội đồng các Giáo hội Anh và Ireland về ‘*Ut unum sint*’. Thông điệp của Đức Giáo Hoàng Gioan Phao-lô II về cam kết đại kết, 1997, trong: *One in Christ* 33 (1997) 173–181.
- Ủy ban Đức tin và Trật tự (Ban), *Phản hồi Ut unum sint*, 1998, [It: *Il Regno documenti* 44 (1999) 317–328].
- Hội nghị Cộng đồng Iona, Phản hồi về Thông điệp *Ut unum sint*, 1997, trong: *One in Christ* 35 (1999) 373–378.
- Ökumenische Arbeitsgruppe "Ut unum sint" (Schweiz), *An den Bischof von Rom Johannes Paul II.*, 1997.

2. Đối Thoại Song Phương Và Đa Phương

2.1. Đối Thoại Song Phương (Thứ Tự Theo Chữ Cái)

Đối thoại Anh giáo–Công Giáo

— Ủy ban quốc tế Anh giáo–Công Giáo Rôma

- *Authority in the Church* [Thẩm Quyền trong Giáo hội] (1976)
- *Authority in the Church: Elucidation* [Thẩm Quyền trong Giáo hội: Giải thích] (1981)
- *Authority in the Church* [Thẩm Quyền trong Giáo hội] II (1981)
- *The Gift of Authority* [Hồng ân Thẩm quyền] (1998)
- *Walking Together on the Way: Learning to be Church – Local, Regional,*

Universal [Cùng nhau bước đi trên con đường: Học cách trở thành Giáo hội – Địa phương, Khu vực, Hoàn vũ] (2018)

— Tham vấn Anh giáo–Công Giáo Rôma tại Anh

- *Some Notes on Indefectibility and Infallibility* [Một số ghi chú về tính bất khả khuỷt và tính vô ngộ] (1974)

— Đối thoại Anh giáo–Công Giáo Rôma tại Canada

- *Agreed Statement on Infallibility* [Tuyên bố thống nhất về tính vô ngộ] (1992)

- *Reply to the Vatican Response to the Final Report of ARCIC* [Trả lời phản hồi của Vatican về Báo cáo cuối cùng của ARCIC] (1993)

- **Response to The Gift of Authority** [Phản hồi về Hồng ân Thẩm Quyền] (2003)

— Tham vấn Anh giáo–Công Giáo Rôma tại Hoa Kỳ

- *Agreed Report on the Local/Universal Church* [Báo cáo thống nhất về Giáo hội địa phương/hoàn vũ] (1999)

- *Response to The Gift of Authority* [Phản hồi về Hồng ân Thẩm quyền] (2003)

— Ủy ban quốc tế Anh giáo–Công Giáo Rôma về sự hiệp nhất và sứ mệnh (IARCCUM)

- *Statement: Communion and Mission* [Tuyên bố: Hiệp thông và Sứ mệnh] (2000)

- *Growing Together in Unity and Mission* [Cùng nhau phát triển trong sự hiệp nhất và sứ mệnh] (2007)

Đối thoại Baptist–Công Giáo

— Các cuộc đối thoại quốc tế giữa Giáo Hội Công Giáo và Liên minh Baptist

thế giới

- *The Word of God in the Life of the Church* [Lời Chúa trong đời sống của Giáo hội] (2010)

Các môn đệ của Chúa Kitô–Đối thoại Công Giáo

— Ủy ban quốc tế về đối thoại giữa các môn đệ của Chúa Kitô và Giáo Hội Công Giáo

- *The Church as Communion in Christ* [Giáo hội như sự hiệp thông trong Chúa Kitô] (1992)

Các cuộc tham vấn Tin lành–Công Giáo

— Tham vấn quốc tế giữa Giáo Hội Công Giáo và Liên minh Tin lành Thế giới

- *Church, Evangelization and the Bonds of koinonia* [Giáo hội, Truyền giảng Tin mừng và dây liên kết hiệp thông] (2002)

Đối thoại Lutheran–Công Giáo

— Ủy ban Quốc tế về Sự hiệp nhất Lutheran–Công Giáo Rôma

- *The Gospel and the Church* [Tin mừng và Giáo hội] (“Báo cáo Malta”) (1972)

- *The Ministry in the Church* [Thừa tác vụ trong Giáo hội] (1981)

— Đối thoại Lutheran-Công Giáo Rôma tại Úc

- *The Ministry of Oversight: The Office of Bishop and President in the Church* [Thừa tác vụ Giám sát: Chức vụ Giám mục và Chủ tịch trong Giáo hội] (2007)

- *The Petrine Ministry in a New Situation* [Thừa tác vụ Phêrô trong Tình hình Mới] (2016)

— Đối thoại Lutheran-Công Giáo Rôma tại Hoa Kỳ

- *Differing Attitudes Toward Papal Primacy* [Các Thái độ Khác nhau Đối với Quyền tối thượng của Giáo hoàng] (1973)

- *Teaching Authority and Infallibility in the Church* [Quyền Giáo huấn và ơn bất khả ngộ trong Giáo hội] (1978)

- *The Church as Koinonia of Salvation: Its Structures and Ministries* [Giáo hội như Hiệp Thông của Sự cứu rỗi: Cấu trúc và các Thừa tác vụ của nó] (2004)

- Ủy ban về Các vấn đề liên tôn và đại kết của Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ – Giáo hội Tin lành Lutheran tại Hoa Kỳ

- *Declaration on the Way. Church, Ministry, and Eucharist* [Tuyên bố về Đường. Giáo hội, Thừa tác vụ và Thánh thể] (2015)

- Nhóm công tác song phương giữa Hội đồng Giám mục Đức và Hội đồng Giáo hội của Giáo hội Tin lành Lutheran Thống nhất của Đức

- *Communio Sanctorum. The Church as the Communion of Saints* [Hiệp thông Các Thánh. Giáo hội như là sự hiệp thông của các Thánh] (2000)

- Đối thoại Lutheran-Công Giáo Rôma Thụy Điển

- *The Office of Bishop* [Chức vụ Giám mục] (1988)

- Nhóm đối thoại Lutheran Công Giáo Rôma cho Thụy Điển và Phần Lan

- *Justification in the Life of the Church* [Sự Công chính hóa trong Đời sống của Giáo hội] (2009)

- Ủy ban Đối thoại Lutheran-Công Giáo cho Phần Lan

- *Communion in Growth. Declaration on the Church, Eucharist, and Ministry* [Hiệp thông trong Tăng trưởng. Tuyên bố về Giáo hội, Thánh thể và Thừa tác vụ] (2017)

— Nhóm Dombes

- *The Ministry of Communion in the Universal Church* [Thừa tác vụ hiệp thông trong Giáo hội hoàn vũ] (1985)
- *One Teacher: Doctrinal Authority in the Church* [Một Thầy dạy: Thẩm Quyền tín lý trong Giáo hội] (2014)

— Nhóm làm việc Farfa Sabina về thừa tác vụ Phêrô

- *Communion of Churches and Petrine Ministry: Lutheran–Catholic Convergences* [Sự hiệp thông của các Giáo hội và Thừa tác vụ Phêrô: Sự hội tụ giữa phái Luther và Công Giáo] (2009)

Đối thoại Mennonite và Công Giáo

— Đối thoại quốc tế giữa Giáo Hội Công Giáo và Hội nghị thế giới Mennonite

- *Called Together to be Peacemakers (2003) Methodist–Catholic Dialogue* [Được kêu gọi cùng nhau trở thành những người kiến tạo hòa bình (2003)]

Đối thoại Methodist và Công Giáo

— Ủy ban quốc tế Methodist và Công Giáo Rôma

- *Towards a Statement on the Church* [Hướng tới một Tuyên bố về Giáo hội] (1986)
- *God in Christ Reconciling* [Thiên Chúa trong việc Hòa giải của Chúa Kitô] (2022)

Đối thoại Công Giáo cũ và Công Giáo

— Ủy ban quốc tế Công Giáo Rôma và Công Giáo cũ (Liên minh Utrecht)

- *Kirche und Kirchengemeinschaft. Erster* und Zweiter Bericht der Internationalen Römisch–Katholisch – Altkatholischen Dialogkommission 2009*

und 2016, Paderborn, 2017

*Bản dịch tiếng Anh: *Giáo hội và sự hiệp thông của Giáo hội* (2009)

— Đối thoại Công Giáo Rôma– Người Ba Lan Quốc gia Công Giáo tại Hoa Kỳ

• Joint Declaration on Unity [Tuyên bố chung về sự hiệp nhất] (2006)

Đối thoại Chính thống giáo Đông phương–Công Giáo

— Ủy ban quốc tế chung về đối thoại thần học giữa Giáo Hội Công Giáo và các Giáo hội Chính thống giáo Đông phương

• *Nature, Constitution and Mission of the Church* [Bản chất, Hiến pháp và Sứ mệnh của Giáo hội] (2009)

• *The Exercise of Communion in the Life of the Early Church and its Implications for our Search for Communion Today* [Việc thực thi hiệp thông trong đời sống của Giáo hội sơ khai và các Hệ luận của nó đối với việc tìm kiếm hiệp thông ngày nay của chúng ta] (2015)

— Ủy ban quốc tế chung giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo hội Chính thống giáo Copt

• *Principles for Guiding the Search for Unity between the Catholic Church and the Coptic Orthodox Church* [Các nguyên tắc hướng dẫn việc tìm kiếm sự hiệp nhất giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo hội Chính thống giáo Coptic] (1979)

— Ủy ban Thần học Quốc tế Chung về Đối thoại giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo hội Chính thống giáo Syria Malankara

• *Joint Statement regarding Episcopacy and Petrine Ministry* [Tuyên bố chung về Hàng Giám mục và Thừa tác vụ Phêrô] (2002) Đối thoại Chính thống giáo-Công Giáo

— Ủy ban Quốc tế Chung về Đối thoại Thần học giữa Giáo Hội Công Giáo Rôma và Giáo hội Chính thống giáo (nói chung)

• *Mystery of the Church and of the Eucharist in the Light of the Mystery of the Holy Trinity* [Mầu nhiệm của Giáo hội và Bí tích Thánh Thể dưới Ánh sáng của Mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi] (Munich, 1982)

• *The Sacrament of Order in the Sacramental Structure of the Church with Particular Reference to the Importance of Apostolic Succession for the Sanctification and Unity of the People of God* [Bí tích Truyền chức trong Cấu trúc Bí tích của Giáo hội với Tham chiếu Đặc biệt đến Tầm quan trọng của Sự kế vị Tông đồ đối với Sự thánh hóa và Sự hiệp nhất của dân Chúa] (Valamo, 1988)

• *Uniatism, Method of Union of the Past, and the Present Search for Full Communion* [Chủ nghĩa duy hiệp, Phương pháp Hợp nhất trong Quá khứ và Tìm kiếm Sự hiệp thông Toàn vẹn trong Hiện tại] (Balamand, 1993)

• *Ecclesiological and Canonical Consequences of the Sacramental Nature of the Church: Ecclesial Communion, Conciliarity and Authority* [Hậu quả Giáo hội học và Giáo luật của Bản chất Bí tích của Giáo hội: Hiệp thông Giáo hội, tính công đồng và thẩm quyền] (Ravenna, 2007)

• *Synodality and Primacy during the First Millennium: Towards a Common Understanding in Service to the Unity of the Church* [Tính đồng nghị và quyền tối thượng trong Thiên niên kỷ đầu tiên: Hướng tới Sự hiểu biết chung trong việc phục vụ cho sự hiệp nhất của Giáo hội] (Chieti, 2016)

• *Synodality and Primacy in the Second Millennium and Today* [Tính đồng nghị và quyền tối thượng trong Thiên niên kỷ thứ hai và ngày nay] (Alexandria, 2023)

— Tham vấn thần học Chính thống giáo—Công Giáo Bắc Mỹ

• *Apostolicity as God's Gift in the Life of the Church* [Tính tông truyền như hồng ân của Chúa trong đời sống của Giáo hội] (1986)

• *An Agreed Statement on Conciliarity and Primacy in the Church* [Tuyên bố thống nhất về tính công đồng và quyền tối thượng trong Giáo hội] (1989)

- *Steps Towards a Reunited Church: A Sketch of an Orthodox–Catholic Vision for the Future* [Các bước hướng tới một Giáo hội tái hiệp nhất: Phác thảo về tầm nhìn Chính thống giáo–Công Giáo cho tương lai] (2010)

- *A Common Response to the Ravenna Document on Ecclesial Communion, Conciliarity, and Authority* [Phản hồi chung cho Văn kiện Ravenna về Sự hiệp thông Giáo hội, tính công đồng và thẩm quyền] (2009)

- *A Response to the Joint International Commission for Theological Dialogue between the Roman Catholic Church and the Orthodox Church Document Synodality and Primacy during the First Millennium: Towards a Common Understanding in Service to the Unity of the Church* [Phản hồi cho Ủy ban quốc tế chung về Đối thoại Thần học giữa Giáo Hội Công Giáo Rôma và Giáo hội Chính thống, Tài liệu về tính đồng nghị và quyền tối thượng trong Thiên niên kỷ đầu tiên: Hướng tới sự hiểu biết chung trong việc phục vụ cho sự hiệp nhất của Giáo hội] (2017)

— Ủy ban chung về Đối thoại Thần học Công Giáo–Chính thống giáo tại Pháp

- *Roman Primacy in the Communion of Churches* [Quyền tối thượng Rôma trong sự hiệp thông các Giáo hội] (1991)

— Nhóm làm việc chung Chính thống giáo–Công Giáo Thánh I-rê-nê

- *Serving Communion. Re-thinking the Relationship between Primacy and Synodality* [Phục vụ sự hiệp thông. Suy nghĩ lại về mối quan hệ giữa quyền tối thượng và tính đồng nghị](2018)

Đối thoại Ngũ tuần–Công Giáo

— Đối thoại quốc tế giữa Giáo Hội Công Giáo và một số Giáo hội Ngũ tuần cổ điển và các nhà lãnh đạo

- *Perspectives on koinonia* [Quan điểm về hiệp thông] (1989)

Đối thoại Công Giáo–Cải cách

— Đối thoại quốc tế giữa Giáo Hội Công Giáo và Liên minh Thế giới các Giáo hội Cải cách

- *The Presence of Christ in Church and World* [Sự hiện diện của Chúa Kitô trong Giáo hội và thế giới] (1977)

- *Towards a Common Understanding of the Church* [Hướng tới sự hiểu biết chung về Giáo hội] (1990)

2.2. Đối Thoại Đa Phương

— Nhóm công tác chung giữa Hội đồng các Giáo hội Thế giới và Giáo Hội Công Giáo Rôma

- *The Church: local and universal* [Giáo hội: địa phương và hoàn cầu] (1990)

— Ủy ban Đức tin và Trật tự của Hội đồng các Giáo hội Thế giới

- *Baptism, Eucharist, Ministry* [Phép Rửa, Thánh thể, Thừa tác vụ] (“Báo cáo Lima”, 1982)

- *The Nature and Mission of the Church* [Bản chất và Sứ mệnh của Giáo hội] (2005)

- **The Church: Towards a Common Vision** [Giáo hội: Hướng tới Tầm nhìn Chung](2013)

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ARCIC

Ủy ban Quốc tế Anh giáo—Công Giáo Rôma
1976 Quyền hạn trong Giáo hội (1976)

1981 Quyền hạn trong Giáo hội: Giải thích (1981)

1981 Quyền hạn trong Giáo hội II (1981)

1999 Hồng ân Thẩm Quyền (1999)

	2018 Cùng nhau bước đi trên đường: Học cách trở thành Giáo hội – Địa phương, Khu vực, hoàn cầu (2018)
ARC	Canada Anh giáo–Công Giáo Rôma Đối thoại tại Canada
ARC-USA1999	Tham vấn Anh giáo–Công Giáo Rôma tại Hoa Kỳ, Báo cáo thống nhất về Giáo hội địa phương/hoàn vũ (1999)
Communiois Notio	Bộ Giáo lý Đức tin, Thư gửi các Giám mục của Giáo Hội Công Giáo về một số khía cạnh của Giáo hội hiểu như Hiệp thông, 1992
DPCU	Bộ Cổ vũ Hiệp nhất Kitô giáo
Dombes	Nhóm Dombes 1985 Thừa tác vụ hiệp thông trong Giáo hội hoàn vũ (1985)
	2014 Một Thầy dạy: Thẩm Quyền tín lý trong Giáo hội (2014)
DH	Denzinger, Heinrich Kompendium der Glaubensbekenntnisse und kirchlichen Lehrentscheidungen. Ấn bản lần thứ 40. Biên tập bởi Peter Hünermann. Freiburg, Basel, Vienna: Herder, 2005
DV	Vatican II, Hiến chế tín lý Dei verbum về Mạc Khải Thiên Chúa (1965)
EC	Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tông huấn Episcopalis Communio (2018)
EG	Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tông huấn Evangelii gaudium (2013)
ES	Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp về Giáo hội Ecclesiam suam (1964)
Farfa2009	Nhóm làm việc Farfa Sabina về thừa tác vụ Phêrô, Hiệp thông các Giáo hội và thừa tác vụ Phêrô: Sự hội tụ giữa phái Luther và Công Giáo (2009)
FO	Ủy ban Đức tin và Trật tự của Hội đồng Thế giới các Giáo hội 1982 BEM: Phép rửa, Thánh thể, Thừa tác vụ (“Báo cáo Lima”, 1982)

	2005: Bản chất và Sứ mệnh của Giáo hội (2005)
	2013 TCTCV: Giáo hội: Hướng tới một Tầm nhìn chung (2013)
IARCCUM2007	Ủy ban quốc tế Anh giáo–Công Giáo Rôma về sự thống nhất và sứ mệnh, cùng nhau phát triển trong hiệp nhất và sứ mệnh (2007)
ITC2018	Ủy ban Thần học quốc tế, tính đồng nghị trong Đời sống và sứ mệnh của Giáo hội (2018)
JWG	1990 Nhóm công tác chung giữa Hội đồng thế giới các Giáo hội và Giáo Hội Công Giáo Rôma, Giáo hội: địa phương và toàn cầu (1990)
L–C	Ủy ban quốc tế Lutheran–Công Giáo Rôma về sự hiệp nhất 1972: Tin mừng và Giáo hội (“Báo cáo Malta”) (1972) 1981: Thừa tác vụ trong Giáo hội (1981)
L–C Aus	Đối thoại Lutheran–Công Giáo Rôma tại Úc 2007: Thừa tác vụ giám sát: Chức vụ Giám mục và Chủ tịch trong Giáo hội (2007) 2016: Thừa tác vụ Phêrô trong tình hình mới
L–C Fin 2017	Ủy ban đối thoại Lutheran–Công Giáo Phần Lan, Hiệp thông trong Tăng trưởng. Tuyên bố về Giáo hội, Thánh thể và Thừa tác vụ (2017)
L–C Germ 2000	Nhóm công tác song phương giữa Hội đồng Giám mục Đức và Hội đồng Giáo hội của Giáo hội Lutheran Tin lành Thống nhất của Đức, Communio Sanctorum. Giáo hội như là Hiệp thông của các Thánh (2000)
L–C US	Đối thoại Lutheran–Công Giáo Rôma tại Hoa Kỳ 1973: Các Thái độ khác nhau đối với Quyền tối thượng của Giáo hoàng (1973) 1978: Thẩm Quyền giảng dạy và Sự bất khả ngộ trong Giáo hội (1978) 2004: Giáo hội như là Koinonia của Sự cứu rỗi: Các cấu trúc và thừa tác vụ của nó (2004)

	2015: Tuyên bố về Con đường. Giáo hội, Thừa tác vụ và Thánh Thể (2015) (Ủy ban về các vấn đề Đại kết và Liên tôn, Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ – Giáo hội Tin lành Lutheran tại Hoa Kỳ)
LG	Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Giáo lý về Giáo hội Lumen Gentium (1964)
MERCIC 1986	Ủy ban Quốc tế Methodist–Công Giáo Rôma, Hướng tới một Tuyên bố về Giáo hội (1986)
O–C	Ủy ban Quốc tế chung về Đối thoại Thần học giữa Giáo Hội Công Giáo Rôma và Giáo hội Chính thống
	1988: Bí tích Truyền chức trong Cấu trúc Bí tích của Giáo hội với Tham chiếu Đặc biệt đến Tầm quan trọng của Sự kế vị Tông đồ đối với Sự thánh hóa và Sự hiệp nhất của dân Chúa (Valamo, 1988)
	1993: Chủ nghĩa duy hiệp, Phương pháp Hợp nhất của Quá khứ và Hiện tại Tìm kiếm Sự hiệp thông trọn vẹn (Balamand, 1993) 2007 Hậu quả về mặt Giáo hội học và Giáo luật của bản chất Bí tích của Giáo hội: Sự hiệp thông giáo hội, tính công đồng và thẩm quyền (Ravenna, 2007)
	2016: Tính đồng nghị và quyền tối thượng trong Thiên niên kỷ đầu tiên: Hướng tới một sự hiểu biết chung trong việc phục vụ sự hiệp nhất của Giáo hội (Chieti, 2016)
	2023: Tính đồng nghị và quyền tối thượng trong thiên niên kỷ thứ hai và ngày nay (Alexandria, 2023)
O–C Fr 1991	Ủy ban chung về Đối thoại thần học Công Giáo-Chính thống giáo tại Pháp, Quyền tối thượng của Rôma trong sự hiệp thông của các Giáo hội (1991)
O–C US	Tham vấn thần học Chính thống giáo-Công Giáo Bắc Mỹ 1986: Tính tông truyền là hồng ân của Chúa trong Đời sống của Giáo hội (1986) 1989: Tuyên bố thống nhất về tính công đồng và quyền tối thượng trong Giáo hội (1989)

	2010: Các bước hướng tới một Giáo hội thống nhất: Phác thảo về Tầm nhìn Chính thống giáo-Công Giáo cho Tương lai (2010) 2009: Phản hồi chung cho Văn kiện Ravenna về Sự hiệp thông giáo hội, Tính công đồng và Thẩm Quyền hành (2009) 2017: Phản hồi cho Ủy ban quốc tế chung về Đối thoại thần học giữa Giáo Hội Công Giáo Rôma và Giáo hội Chính thống giáo Tài liệu ‘Tính đồng nghị và quyền tối thượng trong thiên niên kỷ đầu tiên: Hướng tới sự Hiểu biết chung để phục vụ cho sự hiệp nhất của Giáo hội’ (2017)
OC-C 2009	Ủy ban Đối thoại quốc tế Công Giáo Rôma-Công Giáo cũ, Giáo hội và sự hiệp thông của Giáo hội (2009)
OO-C	Ủy ban quốc tế chung về đối thoại thần học giữa Giáo Hội Công Giáo và Các Giáo hội Chính thống giáo Đông phương 2009: Bản chất, Hiến pháp và Sứ mệnh của Giáo hội (2009) 2015: Việc thực hành sự hiệp thông trong đời sống của Giáo hội sơ khai và những hàm ý của nó đối với việc chúng ta tìm kiếm sự hiệp thông ngày nay (2015)
PA	Công đồng chung Vatican I, Hiến pháp tín lý Pastor æternus (1870)
PCPCU R-C	Hội đồng Giáo hoàng về cổ vũ hiệp nhất các Kitô hữu Đối thoại quốc tế giữa Giáo Hội Công Giáo và Liên minh thế giới các Giáo hội cải cách 1977: Sự hiện diện của Chúa Kitô trong Giáo hội và Thế giới (1977) 1990: Hướng tới một sự hiểu biết chung về Giáo hội (1990)
Thánh I-rê-nê 2018	Nhóm làm việc chung Thánh I-rê-nê Chính thống giáo-Công Giáo, Phục vụ sự hiệp thông. Suy nghĩ lại về mối quan hệ giữa Quyền tối thượng và tính đồng nghị :(2018)

UR	Công đồng chung Vatican II, Sắc lệnh về Đại kết Unitatis redintegratio (1964)
UUS	Đức Gioan Phao-lô II, Thông điệp về Cam kết Đại kết Ut unum sint (1995)